



FOREST
TRENDS

CHUỖI CUNG NGÀNH SẢN VIỆT NAM

THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ KHÓA CẠNH CẦN QUAN TÂM

*Nguyễn Vinh Quang
Tô Xuân Phúc
Lương Kim Anh*

Ảnh: Báo Huế ngày nay



NICFI

Norway's International Climate and Forest Initiative

Lời cảm ơn

Báo cáo **Chuỗi cung ngành sản Việt Nam: Thực trạng và một số khía cạnh cần quan tâm** là sản phẩm của Nhóm nghiên cứu thuộc Tổ chức Forest Trends. Báo cáo sử dụng thông tin từ khảo sát thực tế tại các tỉnh (cũ) Bình Phước, Kon Tum, Sơn La, Tây Ninh, và Yên Bái trong thời gian từ tháng 8 đến tháng 10/2024. Một số thông tin trong báo cáo cũng được thu thập từ khảo sát thực tế tại tỉnh Moldukiri (Cam-pu-chia) và Attapeu (Lào), và từ phỏng vấn trực tiếp với một số đại diện bộ ngành và chuyên gia của Lào trong tháng 8/2024 và tháng 8 và 9/2025. Ngoài ra, báo cáo tham khảo nguồn thông tin từ các báo cáo sẵn có trong và ngoài nước, và dữ liệu thống kê của Cục Thống kê Việt Nam, Cục Hải quan Việt Nam, Cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật, Hiệp hội Sản Việt Nam. Tại Việt Nam, quá trình thu thập dữ liệu cho báo cáo này được tiến hành trước khi sáp nhập các địa phương. Để thuận tiện cho việc nắm bắt các dữ liệu này, báo cáo sử dụng tên của các địa phương trước khi sáp nhập và các dữ liệu, thông tin tương ứng từ các địa phương này.

Xin trân trọng cảm ơn Bộ Ngoại giao và Phát triển Vương quốc Anh (FCDO) và Cơ quan Hợp tác Phát triển của Chính phủ Na Uy (NORAD) đã hỗ trợ tài chính để xây dựng Báo cáo. Các phân tích, nhận định trong Báo cáo là của các tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của Tổ chức Forest Trends hay các tổ chức tài trợ. Nhóm nghiên cứu không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ hoạt động nào sử dụng thông tin trong Báo cáo này của bên thứ ba.

Nhóm tác giả

Mục lục

Lời cảm ơn	2
Danh mục các hình	4
Danh mục các bảng	4
Danh mục các từ viết tắt	5
Tóm tắt	6
1. Giới thiệu.....	8
2. Nguồn cung sắn nguyên liệu	10
2.1. Một số nét chung.....	10
2.2. Nguồn cung sắn nguyên liệu trong nước	11
2.3. Nguồn cung sắn nguyên liệu nhập khẩu.....	14
3. Việt Nam xuất khẩu sắn nguyên liệu	21
3.1. Lượng và kim ngạch xuất khẩu hàng năm	21
3.2. Các mặt hàng xuất khẩu.....	22
3.4. Doanh nghiệp chế biến sắn tại Việt Nam.....	28
4. Chuỗi cung và chính sách hỗ trợ phát triển ngành sắn Việt Nam	29
4.1. Chuỗi cung ngành sắn Việt Nam	29
4.2. Chính sách hỗ trợ phát triển ngành sắn của Việt Nam	33
5. Phát triển bền vững ngành sắn Việt Nam: Một số khía cạnh cần quan tâm	35
5.1. Vai trò của cây sắn đối với sinh kế của hộ trồng sắn.....	35
5.2. Tác động của cây sắn đến tài nguyên rừng	36
5.3. Thực trạng chuỗi cung sắn Việt Nam đáp ứng các quy định ngày càng chặt chẽ hơn về tính hợp pháp và chống mất rừng.....	43
6. Thảo luận và khuyến nghị	46
Tài liệu tham khảo	48
Phụ lục	50

Danh mục các hình

Hình 1. Lượng (quy tươi) và tỷ trọng lượng sản nguyên liệu Việt Nam tiêu thụ năm 2024.....	10
Hình 2. Diện tích trồng và sản lượng sản tươi thu hoạch hàng năm trong nước của Việt Nam, giai đoạn 2015 – 2024 .11	
Hình 3. Thay đổi diện tích trồng sản tại các tỉnh có diện tích trồng lớn nhất trong 5 năm 2020 – 2024 (ngàn ha).....12	
Hình 4. Lượng và kim ngạch nhập khẩu sản nguyên liệu của Việt Nam giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025	14
Hình 5. Lượng sản nguyên liệu Việt Nam nhập khẩu phân theo loại mặt hàng, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (triệu tấn quy tươi).....	15
Hình 6. Kim ngạch nhập khẩu sản nguyên liệu của Việt Nam phân theo loại mặt hàng, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (triệu USD).....	15
Hình 7. Lượng sản nguyên liệu Việt Nam nhập khẩu phân theo nguồn cung, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (ngàn tấn quy tươi).....	16
Hình 8. Kim ngạch nhập khẩu sản nguyên liệu của Việt Nam phân theo nguồn cung, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (triệu USD).....	17
Hình 9. Lượng sản nguyên liệu Việt Nam nhập khẩu từ Cam-pu-chia phân theo loại mặt hàng, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (ngàn tấn).....	18
Hình 10. Kim ngạch nhập khẩu sản nguyên liệu từ Cam-pu-chia của Việt Nam phân theo loại mặt hàng, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (triệu USD).....	18
Hình 11. Lượng sản nguyên liệu Việt Nam nhập khẩu từ Lào phân theo loại mặt hàng, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (ngàn tấn)	19
Hình 12. Kim ngạch nhập khẩu sản nguyên liệu từ Lào của Việt Nam phân theo loại mặt hàng, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (triệu USD).....	20
Hình 13. Số doanh nghiệp Việt Nam tham gia nhập khẩu trực tiếp sản nguyên liệu phân theo quy mô nhập khẩu, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025.....	21
Hình 14. Lượng và kim ngạch xuất khẩu sản nguyên liệu của Việt Nam giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025	22
Hình 15. Lượng sản nguyên liệu Việt Nam xuất khẩu phân theo loại mặt hàng, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (triệu tấn quy tươi).....	23
Hình 16. Kim ngạch xuất khẩu sản nguyên liệu của Việt Nam phân theo loại mặt hàng, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (triệu USD).....	23
Hình 17. Kim ngạch xuất khẩu sản nguyên liệu của Việt Nam phân theo thị trường, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (triệu USD).....	24
Hình 18. Lượng sản nguyên liệu Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc phân theo mặt hàng, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (triệu tấn).....	25
Hình 19. Kim ngạch xuất khẩu sản nguyên liệu của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc phân theo mặt hàng, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (triệu USD)	26
Hình 20. Số doanh nghiệp Việt Nam tham gia xuất khẩu trực tiếp sản nguyên liệu phân theo quy mô xuất khẩu, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025.....	26
Hình 21. Giá xuất khẩu trung bình tháng mặt hàng Sản lát khô và Tinh bột sản của Việt Nam, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (USD/tấn)	27
Hình 22. Số lượng DN chế biến tinh bột sản tại Việt Nam và công suất chế biến phân theo vùng sinh thái năm 2023/24	28
Hình 23. Sơ đồ khái quát chuỗi cung sản của Việt Nam năm 2024.....	32

Danh mục các bảng

Bảng 1. Diện tích, sản lượng và năng suất sản hàng năm của 10 tỉnh có diện tích trồng lớn nhất Việt Nam, giai đoạn 2020 – 2024.....	13
---	----

Danh mục các từ viết tắt

CHQ	Cục Hải quan Việt Nam
CTK	Cục Thống kê Việt Nam
DN	Doanh nghiệp
DVMTR	Dịch vụ môi trường rừng
EU	Liên minh Châu Âu (European Union)
EUDR	Quy định về chống làm mất rừng của Liên minh Châu Âu (European Union Deforestation-free Regulation)
FCDO	Bộ Ngoại giao và Phát triển Vương quốc Anh
GCN	Giấy chứng nhận
HS	Mã hàng hoá theo Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (Harmonized Commodity Description and Coding System), được quy định theo hệ thống phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu do Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) phát hành.
ITC	Trung tâm Thương mại Quốc tế (International Trade Center)
KN	Kim ngạch
MTV	Một thành viên
NK	Nhập khẩu
NN&MT	Nông nghiệp và Môi trường
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
NORAD	Cơ quan Hợp tác Phát triển của Chính phủ Na Uy
TB	Trung bình
TNHH	Trách nhiệm Hữu hạn
TQ	Trung Quốc
Tr.	Triệu
TT	Thị trường
TT&BVTV	Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật
UBND	Ủy ban Nhân dân
USD	Đô-la Mỹ
VN	Việt Nam
XK	Xuất khẩu

Tóm tắt

Ngành sản xuất, chế biến và thương mại sản (ngành sản) là một ngành nông nghiệp quan trọng của Việt Nam. Sản hiện là một trong những cây trồng quan trọng đối với sinh kế của khoảng 1,2 triệu hộ nông dân, tập trung chủ yếu tại các vùng trung du, miền núi và khu vực khó khăn. Do nhu cầu về sản nguyên liệu và các sản phẩm chế biến từ sản, đặc biệt là tinh bột sản và sản lát khô, trên thị trường quốc tế và tại nội địa tăng, kim ngạch tiêu dùng nội địa và đặc biệt xuất khẩu ngành sản của Việt Nam tăng mạnh và đã đạt trên 1,1 tỷ USD năm 2024, đưa Việt Nam trở thành quốc gia xuất khẩu sản lớn thứ ba thế giới.

Chuỗi cung ngành sản Việt Nam mang tính đặc thù, thể hiện vai trò kép của Việt Nam vừa là quốc gia sản xuất sản nguyên liệu lớn, vừa là trung tâm chế biến và xuất khẩu sản quy mô lớn của khu vực, với nguồn cung nguyên liệu đầu vào cho chế biến từ cả nguồn nội địa và nhập khẩu. Tổng lượng cung sản nguyên liệu của Việt Nam hàng năm đạt trên 18 triệu tấn (quy tươi), trong đó, nguồn cung trong nước chiếm khoảng 58%, còn lại (42%) là từ nhập khẩu. Nguồn cung trong nước đến từ hơn 500 nghìn ha diện tích trồng sản, cung cấp trên 10 triệu tấn sản tươi mỗi năm. Nguồn cung nhập khẩu hàng năm tương đương 8 triệu tấn sản tươi. Diện tích trồng sản cả nước nhìn chung có xu hướng giảm nhẹ, song lại ghi nhận sự mở rộng đáng kể tại một số địa phương trong những năm gần đây, đặc biệt ở các tỉnh có diện tích rừng lớn. Điều này làm dấy lên những quan ngại về mối liên hệ giữa mở rộng diện tích trồng sản và chuyển đổi mục đích sử dụng đất, trong đó có đất rừng.

Việt Nam nhập khẩu một lượng lớn sản nguyên liệu, chủ yếu từ Cam-pu-chia và Lào. Lượng cung từ 02 quốc gia này chiếm trên 97% tổng lượng sản nguyên liệu nhập khẩu của Việt Nam. Giống như tại Việt Nam, sản là cây trồng có vai trò quan trọng đối với sinh kế của hàng trăm nghìn hộ dân tại cả Cam-pu-chia và Lào. Mở rộng diện tích trồng sản trong những năm gần đây tại các quốc gia này cũng đặt ra những lo ngại về chuyển đổi đất rừng để trồng sản.

Chuỗi cung sản hiện nay chủ yếu vận hành theo mô hình phân tán và mang tính tự phát. Phần lớn sản nguyên liệu được sản xuất bởi các hộ nông dân nhỏ lẻ và được tiêu thụ thông qua mạng lưới thương lái (hay đại lý) và doanh nghiệp thương mại, với rất ít hợp đồng pháp lý hoặc cơ chế ràng buộc chính thức. Hơn 95% hộ trồng sản bán sản phẩm thông qua thương lái. Việc thu thập thông tin nhằm truy xuất, bao gồm thông tin về nguồn gốc đất, giao dịch sản phẩm giữa hộ và đại lý chưa được các bên quan tâm. Các doanh nghiệp chế biến, dù có năng lực sản xuất lớn và đóng vai trò trung tâm trong chuỗi cung, hiện vẫn gặp hạn chế trong việc kiểm soát và chứng minh tính hợp pháp và bền vững của nguồn nguyên liệu đầu vào, đặc biệt đối với nguyên liệu sản nhập khẩu qua biên giới.

Việt Nam xuất khẩu các mặt hàng sản tới hơn 90 thị trường, trong đó Trung Quốc là thị trường quan trọng nhất, với trên 90% tổng kim ngạch xuất khẩu của ngành hàng năm là từ thị trường này. Các thị trường xuất khẩu còn lại như Hàn Quốc, Đài Loan, Malaysia, v.v... có quy mô nhỏ. Trong bối cảnh các thị trường quốc tế ngày càng gia tăng yêu cầu đối với tính hợp pháp, truy xuất nguồn gốc và sản phẩm không gây mất rừng, với ví dụ gần đây nhất là Quy định chống mất rừng của Liên minh châu Âu (EUDR) hiện đang được áp dụng với ngành cà phê, cao su và gỗ, chuỗi cung ngành sản Việt Nam sẽ phải đối mặt với những thách thức trong việc đáp ứng các quy định như thế này trong tương lai không xa.

Trong những năm gần đây, Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách quan trọng nhằm định hướng phát triển bền vững ngành sản, nổi bật là Đề án “*Phát triển bền vững ngành hàng sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*”, cùng với các cơ chế khuyến khích liên kết sản xuất, phát triển hợp

tác xã và thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp. Tuy nhiên, việc triển khai các chính sách này trên thực tế còn nhiều hạn chế, thiếu hướng dẫn cụ thể, thiếu công cụ giám sát và chưa tạo được các động lực đủ mạnh để thúc đẩy các tác nhân trong chuỗi cung tuân thủ các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc, minh bạch và bảo vệ rừng. Chính phủ cũng đã trọng tâm ưu tiên vào thực hiện việc truy xuất sản phẩm, trong đó nhấn mạnh mục tiêu năm 2026 các hàng hóa nông lâm sản của Việt Nam và xuất khẩu ra nước ngoài cần thực hiện truy xuất nguồn gốc.¹ Trong bối cảnh chuỗi cung ngành sản như hiện nay, đáp ứng các yêu cầu về truy xuất của thị trường xuất khẩu là thách thức rất lớn của ngành.

Báo cáo nhấn mạnh sự cần thiết phải sớm chuyển đổi chuỗi cung ngành sản Việt Nam theo hướng thực hiện được truy xuất, trọng tâm vào việc minh bạch và chính thống hóa về thông tin trong các khâu, bao gồm khâu sử dụng đất của hộ và trong các giao dịch sản phẩm giữa hộ và đại lý, giữa các đại lý và giữa đại lý và các doanh nghiệp chế biến. Ngoài ra, Chính phủ và các tác nhân trong chuỗi cần thiết lập cơ chế kiểm soát rủi ro hiệu quả, đảm bảo việc phát triển sản không gây tổn hại tới tài nguyên rừng và khuyến khích sử dụng đất bền vững. Đáp ứng yêu cầu về truy xuất đòi hỏi việc phổ cập thông tin và xây dựng năng lực của tất cả các bên trong chuỗi, đặc biệt là nông hộ nhỏ và thương lái. Các địa phương cũng cần rà soát các diện tích trồng sản hiện tại, đánh giá về các diện tích trồng sản hiện đang nằm trên các diện tích quy hoạch là đất lâm nghiệp, từ đó, thực hiện các biện pháp khoanh vùng rủi ro đối với các diện tích này. Các giao dịch giữa hộ và đại lý cũng cần được chính thống hóa, theo hướng đảm bảo tuân thủ pháp luật. Đối với luồng cung sản nhập khẩu, Chính phủ cần tăng cường hợp tác với Cam-pu-chia và Lào nhằm nắm bắt thực trạng của nguồn cung này, bao gồm các khía cạnh về rủi ro pháp lý và nguy cơ gây mất rừng. Để ngành sản phát triển bền vững, vai trò của các tổ chức xã hội, hiệp hội ngành hàng cần được đẩy mạnh, đặc biệt trong việc hỗ trợ nâng cao nhận thức và năng lực về truy xuất nguồn gốc, canh tác bền vững và trách nhiệm xã hội cho nông hộ, chính quyền địa phương và doanh nghiệp. Đây là những yếu tố then chốt để giảm thiểu rủi ro, chống mất rừng, duy trì thị trường xuất khẩu và đảm bảo sinh kế bền vững cho hàng triệu hộ trồng sản trong tương lai.

¹ <https://tuoitre.vn/tu-2026-truy-xuat-nguon-goc-tat-ca-nong-san-ban-trai-cay-chua-chat-cam-se-bi-xu-ly-20251210132940288.htm>;
<https://dinre.mae.gov.vn/toan-van-phat-bieu-cua-bo-truong-tran-uc-thang-tai-le-ra-mat-he-thong-truy-xuat-nguon-goc-nong-san-viet-nam-2862.htm>.

1. Giới thiệu

Cây sắn - hay cây mì, cây khoai mì - trước đây được xem là cây lương thực chính của người nghèo. Trong vài năm trở lại đây cây trồng này đã trở thành cây hàng hoá quy mô xuất khẩu trên dưới 1 tỷ USD mỗi năm, mang lại thu nhập tương đối cao và ổn định cho các hộ trồng sắn. Sự lên ngôi của cây sắn là nhờ nhu cầu ngày càng tăng đối với sắn nguyên liệu, chủ yếu là sắn lát khô và tinh bột sắn, phục vụ chế biến sâu cho nhiều ngành như chế biến thực phẩm, công nghiệp, chăn nuôi, y tế, và năng lượng.

Sắn nguyên liệu là một trong 13 mặt hàng chủ lực đóng góp đáng kể vào kim ngạch xuất khẩu chung của cả nước. Năm 2024, kim ngạch xuất khẩu sắn nguyên liệu của Việt Nam đạt trên 1,1 tỷ USD,² tăng 33,4% so với năm 2019. Với mức kim ngạch này, ngành sắn Việt Nam giữ vị trí xuất khẩu sắn lớn thứ ba thế giới.³

Kết quả tích cực nêu trên đạt được nhờ nguồn nguyên liệu sắn sản xuất trong nước và nguồn nhập khẩu, đặc biệt từ Cam-pu-chia và Lào. Số liệu của Tổng cục Thống kê (nay là Cục Thống kê (CTK)) và Tổng cục Hải quan (nay là Cục Hải quan (CHQ)) Việt Nam cho thấy trong năm 2024, tổng lượng cung 18,2 triệu tấn sắn nguyên liệu (quy tươi)⁴, trong đó, nguồn cung trong nước cung cấp 10,5 triệu tấn (tương đương 57,7%), nguồn cung từ Cam-pu-chia chiếm 6,5 triệu tấn (35,8%), và từ Lào chiếm hơn 1,1 triệu tấn (6,4%).

Nguồn cung trong nước có nguồn gốc từ các diện tích sắn tại một số tỉnh, bao gồm nguồn từ các diện tích mở rộng trong những năm gần đây. Theo số liệu từ CTK, giai đoạn 2020 – 2024 diện tích trồng sắn tại Điện Biên tăng 8,5 ngàn ha, Sơn La tăng 7,3 ngàn ha, Tây Ninh tăng 4,4 ngàn ha,...⁵ Diện tích trồng sắn mở rộng làm xuất hiện một số lo ngại về mối tương quan giữa bảo tồn rừng và mở rộng đất sản xuất cho cây sắn.

Tại Cam-pu-chia và Lào, 02 nguồn cung sắn nguyên liệu nhập khẩu quan trọng nhất của Việt Nam, cũng ghi nhận sự mở rộng đáng kể diện tích trồng sắn trong vài năm gần đây. Liệu có sự tương quan giữa việc mở rộng diện tích trồng sắn với các diện tích rừng tại các quốc gia này?

Trên 90% lượng sắn nguyên liệu từ Việt Nam, bao gồm cả nguồn nhập khẩu được xuất khẩu sang Trung Quốc. Lượng còn lại được xuất khẩu sang Hàn Quốc, Đài Loan,...⁶ Nhìn chung các thị trường xuất khẩu ngày càng có các quy định chặt chẽ hơn về khía cạnh hợp pháp và bền vững của các sản phẩm nhập khẩu vào các thị trường này. Mặc dù Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan chưa áp dụng quy định về việc hoạt động sản xuất hàng hóa nông – lâm sản (bao gồm cả sắn) nhập khẩu vào các thị trường này phải đảm bảo không gây mất rừng. Tuy nhiên, các quốc gia trên có thể áp dụng các quy định này trong tương lai. Bên cạnh đó, Chính phủ Việt Nam ngày càng có các quy định chặt chẽ hơn

² Số liệu của Cục Hải quan Việt Nam.

³ <https://vneconomy.vn/nganh-san-can-giai-bai-toan-doi-moi-de-phat-trien-ben-vung.htm#:~:text=GIÁ%20SẢN%20XUẤT%20KHẤU%20GIẢM,tế%20nông%20nghiệp%20quốc%20gia.>

⁴ Sắn nguyên liệu bao gồm các loại khác nhau như sắn tươi (sắn mới thu hoạch, chưa qua bất kỳ khâu chế biến nào), sắn lát khô (củ sắn được thái lát phơi khô), hay tinh bột sắn (tinh bột sắn được tách từ củ sắn). Để đồng nhất về đơn vị trọng lượng, báo cáo sử dụng đơn vị quy tươi dựa theo tỷ trọng thành phẩm của mỗi loại nguyên liệu sắn lát khô hay tinh bột.

⁵ Nguồn: <https://www.nso.gov.vn/px-web-2/?pxid=V0630&theme=Nông%2C%20lâm%20nghiệp%20và%20thủy%20sản.>

⁶ Số liệu của Cục Hải quan Việt Nam.

về việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa.⁷ Đảm bảo việc truy xuất đang và sẽ là yêu cầu bắt buộc đối với các sản phẩm hàng hóa, bao gồm cả sắn trong thời gian tới.

Báo cáo ***Chuỗi cung ngành sắn Việt Nam: Thực trạng và một số khía cạnh cần quan tâm*** do nhóm nghiên cứu của Tổ chức Forest Trends thực hiện với mục đích cung cấp thông tin về chuỗi cung ngành sắn của Việt Nam, bao gồm thông tin về nguồn cung sắn nguyên liệu trong nước và nguồn nhập khẩu chính (Cam-pu-chia và Lào), và thị trường xuất khẩu chính (Trung Quốc) sắn nguyên liệu. Báo cáo cũng chỉ ra tầm quan trọng của cây sắn đối với sinh kế các hộ trồng sắn, và tác động của việc phát triển, mở rộng diện tích trồng sắn đến bảo vệ và phát triển rừng tại Việt Nam, và Cam-pu-chia và Lào. Dựa trên những thông tin nêu trên, báo cáo đưa ra khuyến nghị hướng tới phát triển bền vững ngành sắn của Việt Nam, bao gồm sản xuất sắn gắn với các hoạt động bảo vệ rừng, và thực hiện truy xuất.

Báo cáo sử dụng các nguồn số liệu sơ cấp và thứ cấp khác nhau. Dữ liệu sơ cấp được thu thập từ khảo sát thực tế một số khu vực trồng nhiều sắn tại Cam-pu-chia, Lào, và Việt Nam trong thời gian từ tháng 8 đến tháng 10/2024 và tháng 8 – 9/2025. Nguồn số liệu từ các địa phương của Việt Nam được thu thập trước khi các tỉnh thực hiện sáp nhập. Báo cáo sử dụng tên các địa phương trước sáp nhập. Nguồn số liệu cụ thể bao gồm:

- Tại Cam-pu-chia: khảo sát thực tế một số khu vực trồng sắn gần với rừng, và phỏng vấn trực tiếp một số hộ trồng sắn tại tỉnh Moldukiri. Khảo sát được thực hiện trong tháng 8/2024.
- Tại Lào: khảo sát thực tế một số khu vực trồng sắn gần với rừng, và phỏng vấn trực tiếp một số hộ trồng sắn và thương lái sắn tại tỉnh Attapeu. Khảo sát được thực hiện trong tháng 8/2024 và 8 – 9/2025.
- Tại Việt Nam: khảo sát trực tiếp và phỏng vấn hộ trồng sắn, trưởng thôn, lãnh đạo UBND xã, thương lái sắn, nhà máy chế biến sắn tại huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước; huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum; huyện Thuận Châu và Mai Sơn, tỉnh Sơn La; huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; và huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Khảo sát được thực hiện trong tháng 8, 9, 10/2024.

Thông tin thứ cấp sử dụng trong báo cáo được thu thập từ các báo cáo và dữ liệu thống kê của CTK Việt Nam, CHQ Việt Nam, Cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật (TT&BVTV) Việt Nam, Hiệp hội Sắn Việt Nam. Ngoài ra, báo cáo có tham khảo thông tin từ một số nguồn khác trong và ngoài nước.

Báo cáo gồm 06 phần chính. Sau Phần 1 giới thiệu chung, Phần 2 cung cấp thông tin về nguồn cung sắn nguyên liệu, bao gồm số liệu về diện tích, sản lượng, năng suất của nguồn cung trong nước (phân theo vùng sinh thái và các địa phương có diện tích và lượng cung lớn); và lượng và kim ngạch nhập khẩu (tập trung vào 02 nguồn cung chính là Cam-pu-chia và Lào). Phần 3 cung cấp số liệu về xuất khẩu (lượng và kim ngạch) các mặt hàng sắn nguyên liệu của Việt Nam, tập trung phân tích chi tiết thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam là Trung Quốc. Phần này cũng cung cấp thông tin về năng lực sản xuất của các doanh nghiệp chế biến sắn tại Việt Nam. Phần 4 của báo cáo cung cấp thông tin khái quát về chuỗi cung sắn Việt Nam, và một số cơ chế chính sách của nhà nước hỗ trợ phát triển ngành hàng sắn. Phần 5 thảo luận về một số khía cạnh, bao gồm vai trò của cây sắn đối với sinh kế của các hộ trồng sắn tại Việt Nam, Cam-pu-chia và Lào; tác động của việc phát triển, mở rộng diện tích trồng sắn đối với bảo vệ rừng tại 03 nước; và thực trạng chuỗi cung ngành sắn Việt Nam trong bối cảnh xuất hiện những quy định mới về tính hợp pháp và không gây phá rừng. Phần 6 đưa ra một số thảo luận và đề xuất một số khuyến nghị hướng tới phát triển bền vững chuỗi cung ngành sắn Việt Nam và bảo vệ và phát triển rừng.

⁷ <https://danviet.vn/bo-truong-tran-duc-thang-cuoi-nam-2026-co-ban-tat-ca-cac-san-pham-nong-lam-thuy-san-deu-phai-co-truy-xuat-nguon-goc-d1387409.html>

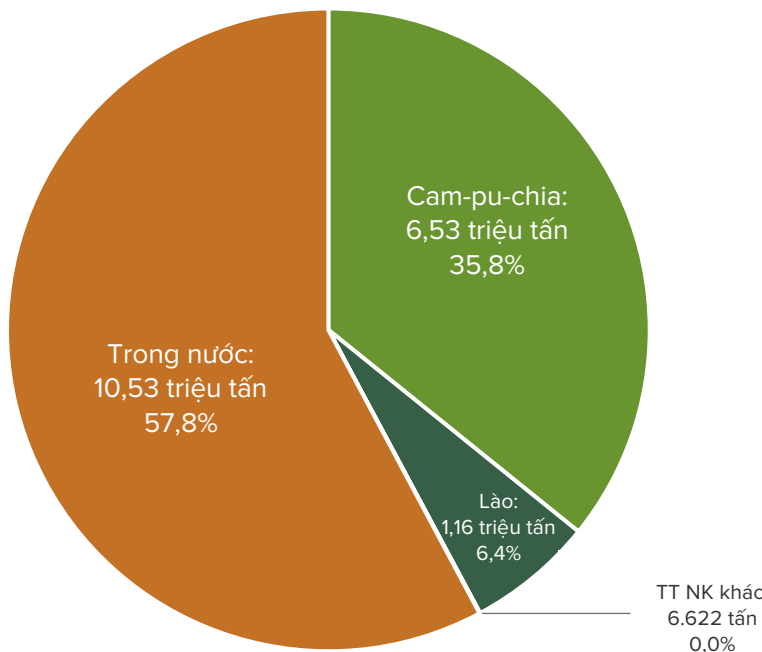
2. Nguồn cung sản nguyên liệu

2.1. Một số nét chung

Lượng cung sản nguyên liệu Việt Nam sử dụng có xu hướng tăng đều trong những năm gần đây, với mức tăng trung bình 10,6%/năm trong giai đoạn 2018 – 2024, và tăng rất mạnh năm 2024. Nguồn cung này có nguồn gốc từ phần diện tích trong nước và nguồn cung nhập khẩu. Theo số liệu của CTK và CHQ, năm 2024 Việt Nam có tổng lượng cung sản nguyên liệu là 18,2 triệu tấn quy tươi, trong đó, nguồn trong nước chiếm 57,8% và nguồn nhập khẩu chiếm 42,2%. Cụ thể, năm 2024, diện tích hơn 517 ngàn ha trồng sản trong nước đã cung cấp 10,53 triệu tấn sản tươi, nguồn nhập khẩu cung cấp gần 7,7 triệu tấn quy tươi (Nguồn đã dẫn) (Hình 1).

Trong số khoảng 10 thị trường cung cấp sản nguyên liệu cho Việt Nam hàng năm, Cam-pu-chia và Lào luôn duy trì là nguồn cung sản nguyên liệu nhập khẩu cao nhất. Năm 2024, lượng nhập từ Cam-pu-chia đạt trên 6,5 triệu tấn quy tươi và từ Lào đạt trên 1,1 triệu tấn quy tươi, chiếm lần lượt 35,8% và 6,4% trong tổng lượng sản nguyên liệu trong năm theo số liệu của CHQ. Lượng cung từ các thị trường khác rất nhỏ (Hình 1).

Hình 1. Lượng (quy tươi) và tỷ trọng lượng sản nguyên liệu Việt Nam tiêu thụ năm 2024



Nguồn: Số liệu của CTK (sơ bộ) và CHQ, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.

2.2. Nguồn cung sản nguyên liệu trong nước

Diện tích trồng và sản lượng sản cả nước

Theo số liệu của CTK, trong 10 năm gần đây (2015 – 2024), diện tích trồng sản hàng năm của Việt Nam duy trì trên 500 ngàn ha nhưng có xu hướng giảm dần. Năm 2015 và 2016 được ghi nhận là những năm có diện tích trồng sản lớn nhất trong giai đoạn này, với gần 570 ngàn ha mỗi năm. Diện tích trồng giảm mạnh trong năm 2017 và 2018, với diện tích giảm trung bình khoảng 27 ngàn ha/năm. Giai đoạn 2019 – 2024, diện tích trồng sản duy trì trong khoảng 511 – 525 ngàn ha. Năm 2022 và 2023 là những năm có diện tích trồng sản thấp nhất với 511 ngàn ha. Năm 2024, diện tích trồng tăng thêm khoảng 6.000 ha, đạt 517 ngàn ha. So với năm 2015, diện tích trồng sản năm 2024 giảm trên 50 ngàn ha.

Theo CTK, giai đoạn 2015 – 2024, nguồn cung trong nước chiếm bình quân trên 10 triệu tấn sản tươi mỗi năm.

Hình 2 chỉ ra diện tích trồng và sản lượng sản tươi trong nước hàng năm của Việt Nam giai đoạn 2015 – 2024.

Hình 2. Diện tích trồng và sản lượng sản tươi thu hoạch hàng năm trong nước của Việt Nam, giai đoạn 2015 – 2024



Nguồn: Số liệu của Cục Thống kê (CTK), được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.

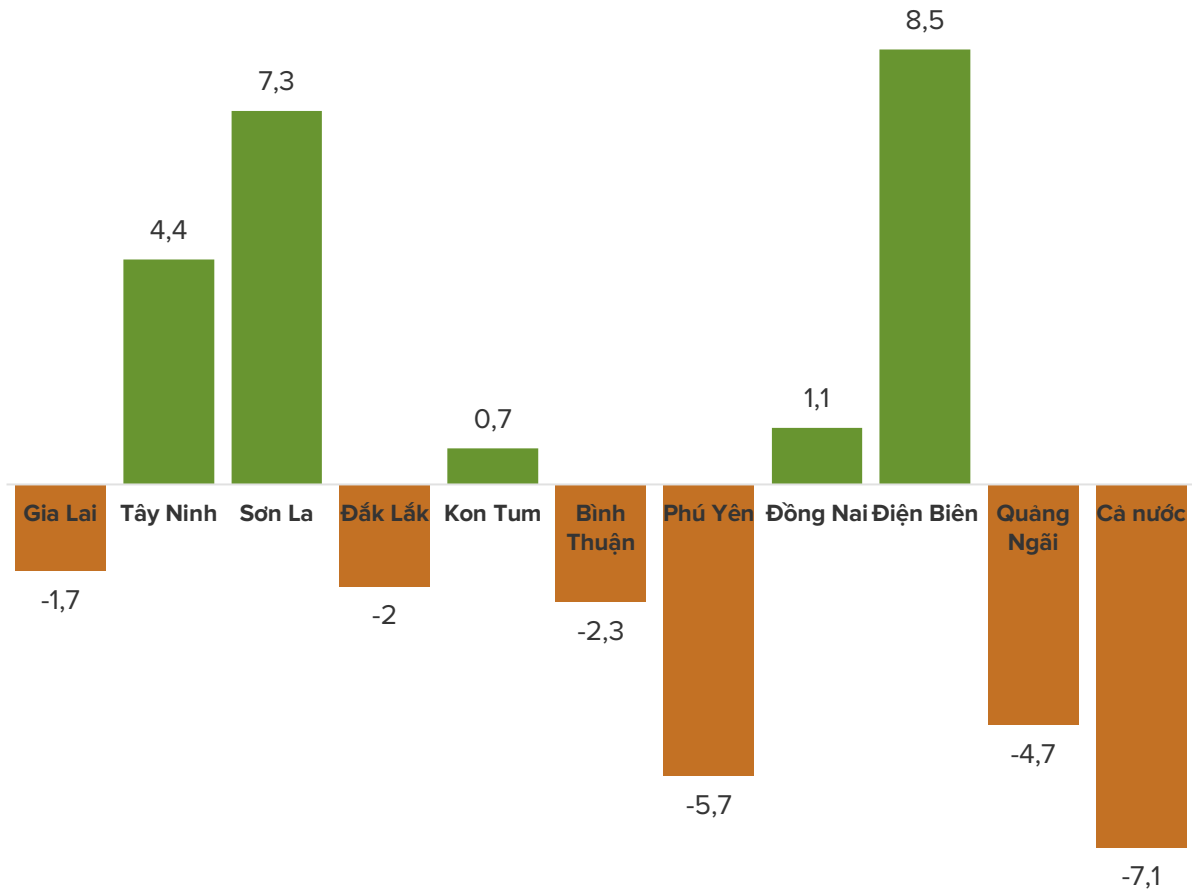
Diện tích trồng và sản lượng sản tại một số tỉnh trọng điểm

Sản được trồng tại 40 tỉnh với sự tham gia của khoảng 1,2 triệu hộ dân. Sản được trồng nhiều ở các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và miền núi phía Bắc. 10 tỉnh có diện tích trồng sản lớn nhất trong giai đoạn 2020 – 2024, cùng với thông tin về sản lượng và năng suất sản hàng năm của mỗi tỉnh này được

tổng hợp trong Bảng 1. Năm 2024, diện tích sản của 10 tỉnh này chiếm 70% tổng diện tích cả nước, với lượng cung chiếm gần 74% tổng sản lượng sản tươi trong năm của cả nước.

Tính chung trong 5 năm 2020 – 2024, diện tích trồng sản cả nước giảm tổng cộng 7,1 ngàn ha. Phú Yên, Quảng Ngãi là các tỉnh có diện tích sản giảm mạnh nhất trong giai đoạn này. Tuy nhiên diện tích lại mở rộng mạnh ở một số tỉnh khác như Điện Biên, Sơn La và Tây Ninh (Hình 3).

Hình 3. Thay đổi diện tích trồng sản tại các tỉnh có diện tích trồng lớn nhất trong 5 năm 2020 – 2024 (ngàn ha)



Nguồn: Số liệu của CTK, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.

Năng suất sản trong nước

Giai đoạn 2020 – 2024 năng suất sản trung bình của Việt Nam dao động từ 20,0 đến 20,8 tấn/ha/năm. Năng suất của Việt Nam đứng thứ 5 trong số các quốc gia sản xuất sản hàng đầu thế giới (sau Campuchia, Indonesia, Ghana, Thái Lan).⁸

Tây Ninh là tỉnh có năng suất sản đạt cao nhất (32,5 – 33,6 tấn tươi/ha/năm), trong khi Điện Biên có năng suất thấp nhất (8,3 – 10,3 tấn tươi/ha/năm) (Bảng 1).

⁸ Báo cáo: “Kết quả sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản giai đoạn 2015-2022, định hướng và giải pháp phát triển cây sản thời gian tới.” Cục Trồng trọt. Hội nghị ngành sản tại Tây Ninh ngày 27/6/2024.

Bảng 1. Diện tích, sản lượng và năng suất sắn hàng năm của 10 tỉnh có diện tích trồng lớn nhất Việt Nam, giai đoạn 2020 – 2024

TT	Tỉnh	2020			2021			2022			2023			Sơ bộ 2024		
		Diện tích (1.000 ha)	Sản lượng (1.000 tấn tươi)	Năng suất (tấn tươi/ha)	Diện tích (1.000 ha)	Sản lượng (1.000 tấn tươi)	Năng suất (tấn tươi/ha)	Diện tích (1.000 ha)	Sản lượng (1.000 tấn tươi)	Năng suất (tấn tươi/ha)	Diện tích (1.000 ha)	Sản lượng (1.000 tấn tươi)	Năng suất (tấn tươi/ha)	Diện tích (1.000 ha)	Sản lượng (1.000 tấn tươi)	Năng suất (tấn tươi/ha)
1	Gia Lai	78,9	1.592,8	20,2	78,8	1.588,2	20,2	80,2	1.596,4	19,9	80,2	1.611,1	20,1	77,2	1.557,3	20,2
2	Tây Ninh	57,1	1.903,9	33,3	59,2	1.926,4	32,5	62,3	2.024,6	32,5	62,3	2.070,3	33,2	61,5	2.068,8	33,6
3	Sơn La	36,9	432,4	11,7	41,9	487,4	11,6	43,0	553,2	12,9	43,0	526,8	12,3	44,2	537,9	12,2
4	Đắk Lắk	44,2	897,2	20,3	45,0	1.089,6	24,2	43,1	1.080,3	25,1	43,1	1.080,9	25,1	42,2	1.081,8	25,6
5	Kon Tum	39,3	589,9	15,0	38,8	584,9	15,1	39,3	612,1	15,6	39,3	619,1	15,8	40,0	648,8	16,2
6	Bình Thuận	28,0	516,8	18,5	28,0	515,6	18,4	26,1	535,1	20,5	26,1	536,7	20,6	25,7	523,1	20,4
7	Phú Yên	29,5	664,4	22,5	29,7	671,9	22,6	25,0	628,6	25,1	25,0	510,4	20,4	23,8	498,6	20,9
8	Đồng Nai	16,5	438,7	26,6	16,8	434,0	25,8	17,6	433,9	24,7	17,6	472,5	26,8	17,6	475,2	27,0
9	Điện Biên	8,3	78,7	9,5	8,9	91,6	10,3	12,7	105,5	8,3	12,7	123,5	9,7	16,8	157,4	9,4
10	Quảng Ngãi	17,8	340,7	19,1	17,1	309,3	18,1	13,1	245,3	18,7	13,1	231,5	17,7	13,1	233,7	17,8
	Cả nước	524,7	10.504,2	20,0	524,5	10.565,6	20,1	511,0	10.626,9	20,8	511,0	10.439,2	20,4	517,6	10.534,0	20,4

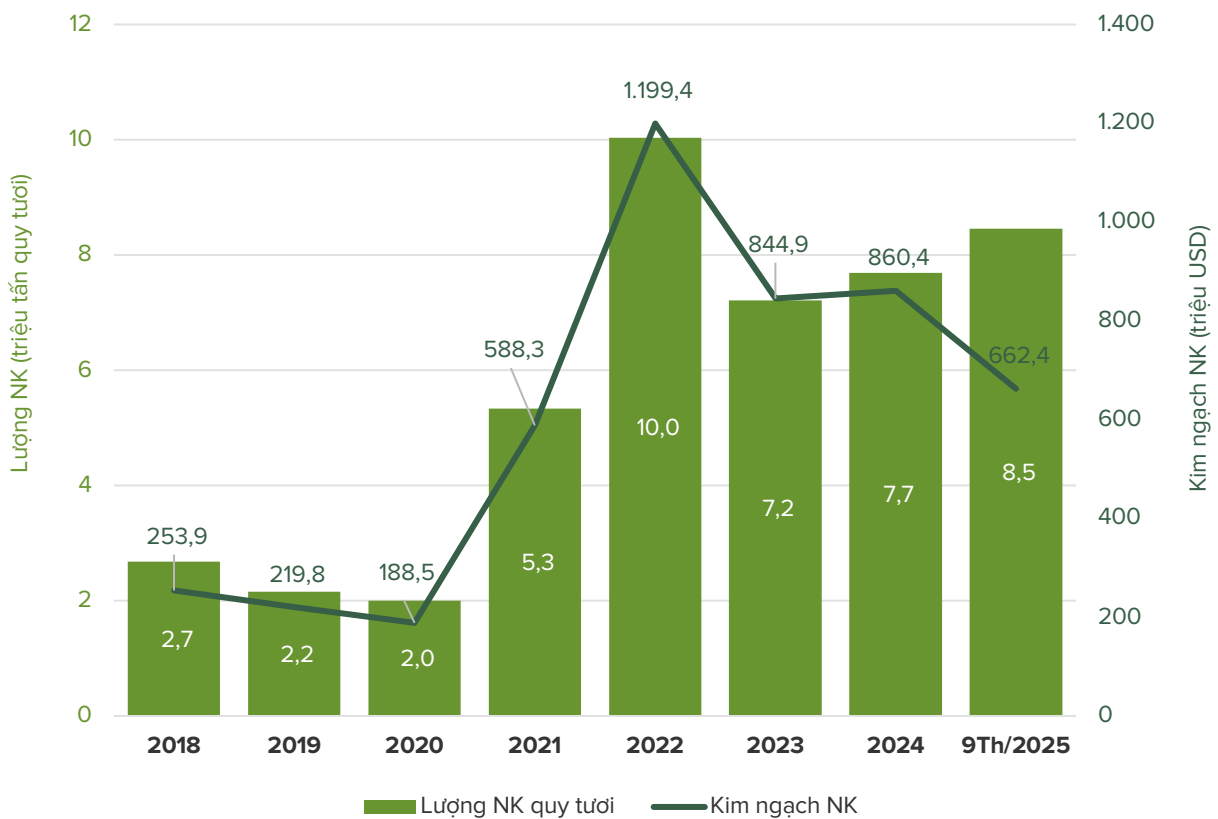
Nguồn: Số liệu của CTK, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.

2.3. Nguồn cung sản nguyên liệu nhập khẩu

Lượng và kim ngạch nhập khẩu

Theo số liệu của CHQ, lượng nhập khẩu sản của Việt Nam tăng rõ rệt từ năm 2021 và đạt mức cao nhất vào năm 2022 (khoảng 10 triệu tấn quy tươi, kim ngạch gần 1,2 tỷ USD), trước khi giảm và ổn định hơn trong các năm tiếp theo. Giai đoạn 2018 – 2020, lượng và kim ngạch nhập khẩu đều duy trì ở mức thấp và biến động nhẹ. Từ năm 2021, nhập khẩu bắt đầu tăng mạnh. Sau 2022, lượng và kim ngạch nhập khẩu giảm nhẹ nhưng vẫn ở mức tương đối cao so với giai đoạn 2018 – 2021. Đáng chú ý, chỉ trong 9 tháng đầu năm 2025, lượng nhập khẩu đã đạt 8,5 triệu tấn, vượt hơn 10% so với lượng nhập của cả năm 2024 (7,7 triệu tấn), nhưng kim ngạch chỉ đạt khoảng 662 triệu USD, chỉ bằng 77% so với tổng kim ngạch nhập khẩu của năm 2024, phản ánh xu hướng giảm của giá nhập khẩu (Hình 4).

Hình 4. Lượng và kim ngạch nhập khẩu sản nguyên liệu của Việt Nam giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025



Nguồn: Số liệu của CHQ, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.

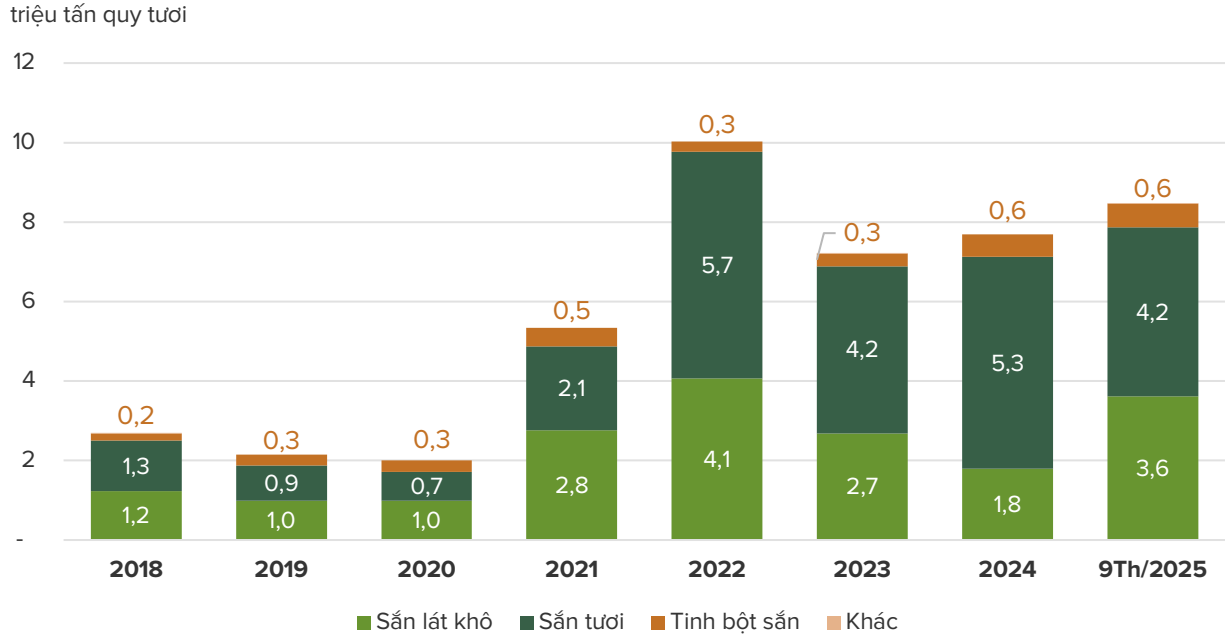
Loại mặt hàng nhập khẩu

Việt Nam hàng năm nhập khẩu chủ yếu 02 loại mặt hàng sản nguyên liệu, bao gồm sản lát khô (mã HS 07141011) và sản tươi (mã HS 07141099). Ngoài ra, một lượng nhỏ tinh bột sản (mã HS 11081400), bột sản (mã HS 11062010) và sản khô khác (mã HS 07141019) cũng được nhập khẩu.

Lượng sản lát khô và sản tươi nhập khẩu hàng năm chiếm từ trên 85% đến 97% trong tổng lượng quy tươi nhập khẩu trong giai đoạn 2018 – 9 tháng đầu năm 2025.

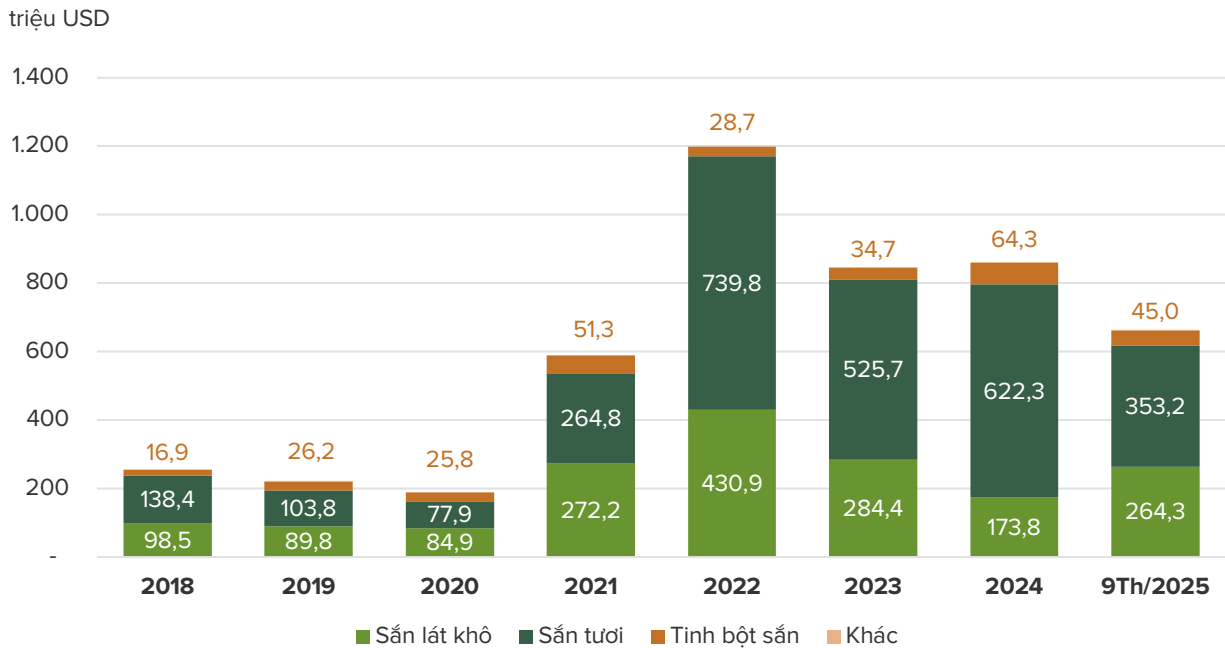
Giai đoạn 2018 – 2021, sản lát khô là mặt hàng được nhập khẩu nhiều nhất. Tuy nhiên giai đoạn 2022 – 9 tháng đầu năm 2025, sản tươi trở thành mặt hàng được nhập nhiều nhất (Hình 5 và 6).

Hình 5. Lượng sản nguyên liệu Việt Nam nhập khẩu phân theo loại mặt hàng, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (triệu tấn quy tươi)



Nguồn: Số liệu của CHQ, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.⁹

Hình 6. Kim ngạch nhập khẩu sản nguyên liệu của Việt Nam phân theo loại mặt hàng, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (triệu USD)



Nguồn: Số liệu của CHQ, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.

⁹ Hệ số quy tươi sử dụng trong báo cáo này: 1 tấn Sản lát khô = 2,5 tấn sản tươi; 1 tấn Tinh bột sản (hay Bột sản) = 4 tấn sản tươi.

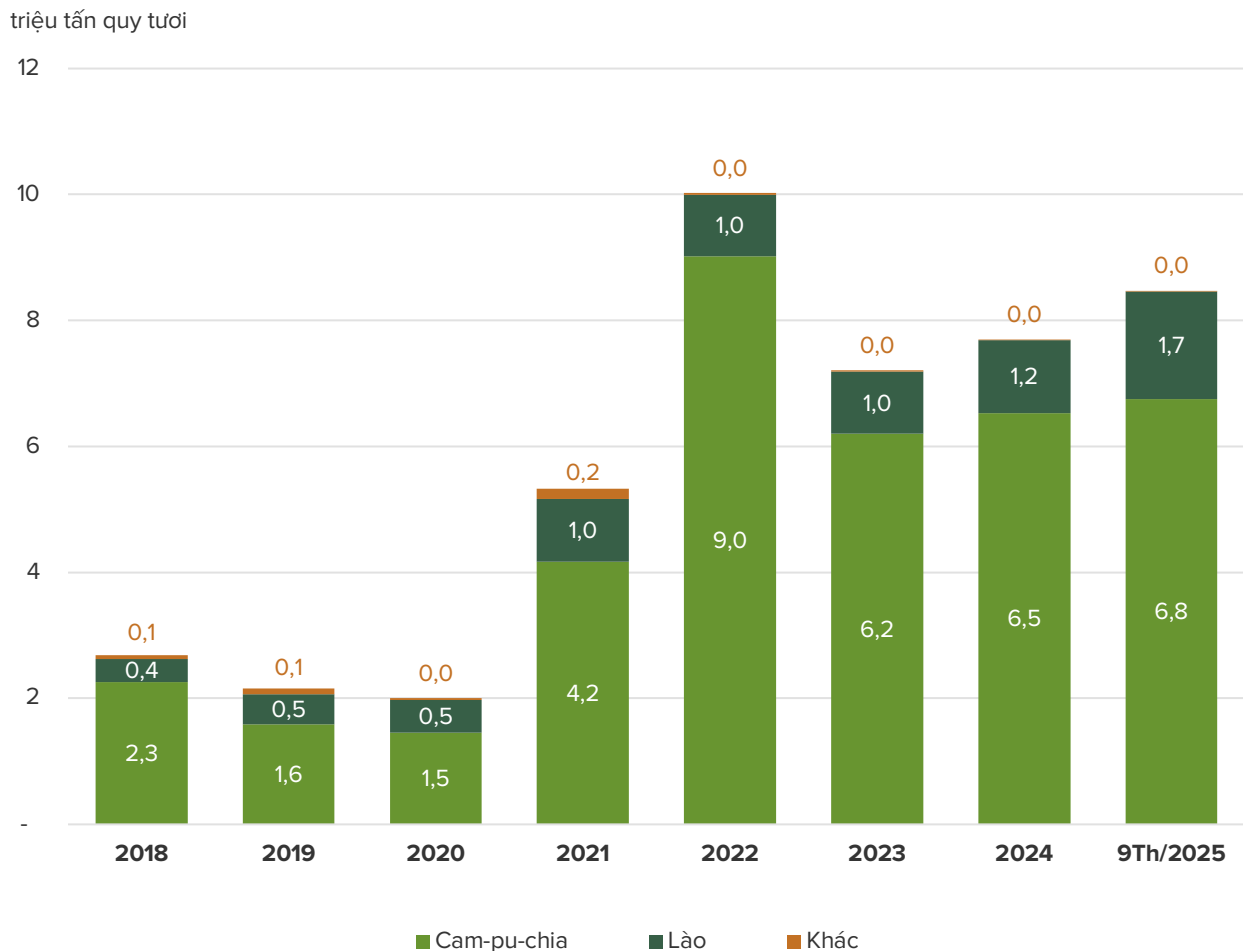
Phụ lục 1 và 2 cung cấp số liệu chi tiết về lượng và kim ngạch nhập khẩu sản nguyên liệu của Việt Nam phân theo mặt hàng, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025.

Nguồn cung sản nguyên liệu nhập khẩu

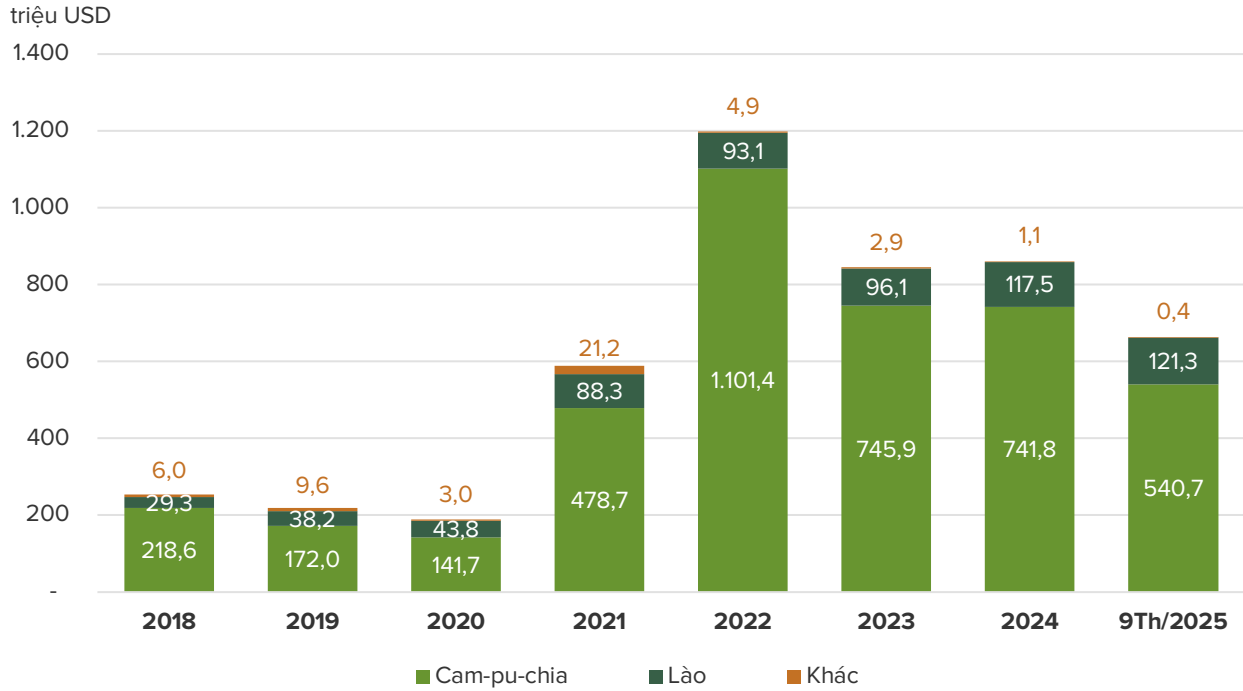
Xét về nguồn cung nhập khẩu, trong giai đoạn 2018 – 9 tháng đầu năm 2025, hàng năm Việt Nam nhập khẩu sản nguyên liệu từ 06 đến 10 quốc gia. Tuy nhiên, 02 nguồn quan trọng nhất của Việt Nam là Cam-pu-chia và Lào, trong đó Cam-pu-chia là nguồn cung lớn nhất. Lượng cung hàng năm từ Cam-pu-chia luôn gấp từ 2,8 đến 9,2 lần so với từ Lào trong giai đoạn này, tính theo lượng quy tươi. Tính chung, 02 quốc gia này trung bình hàng năm cung cấp cho Việt Nam trên 97% xét theo lượng nhập khẩu quy tươi. Các thị trường khác cung cấp trung bình cho Việt Nam chưa tới 2,3%/năm.

Hình 7 và 8 chỉ ra lượng quy tươi và kim ngạch sản nguyên liệu Việt Nam nhập khẩu phân theo nguồn cung giai đoạn 2018 – 9 tháng đầu năm 2025, theo số liệu của CHQ.

Hình 7. Lượng sản nguyên liệu Việt Nam nhập khẩu phân theo nguồn cung, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (ngàn tấn quy tươi)



Nguồn: Số liệu của CHQ, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.

Hình 8. Kim ngạch nhập khẩu sắn nguyên liệu của Việt Nam phân theo nguồn cung, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (triệu USD)

Nguồn: Số liệu của CHQ, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.

Nhập khẩu sắn nguyên liệu từ Cam-pu-chia

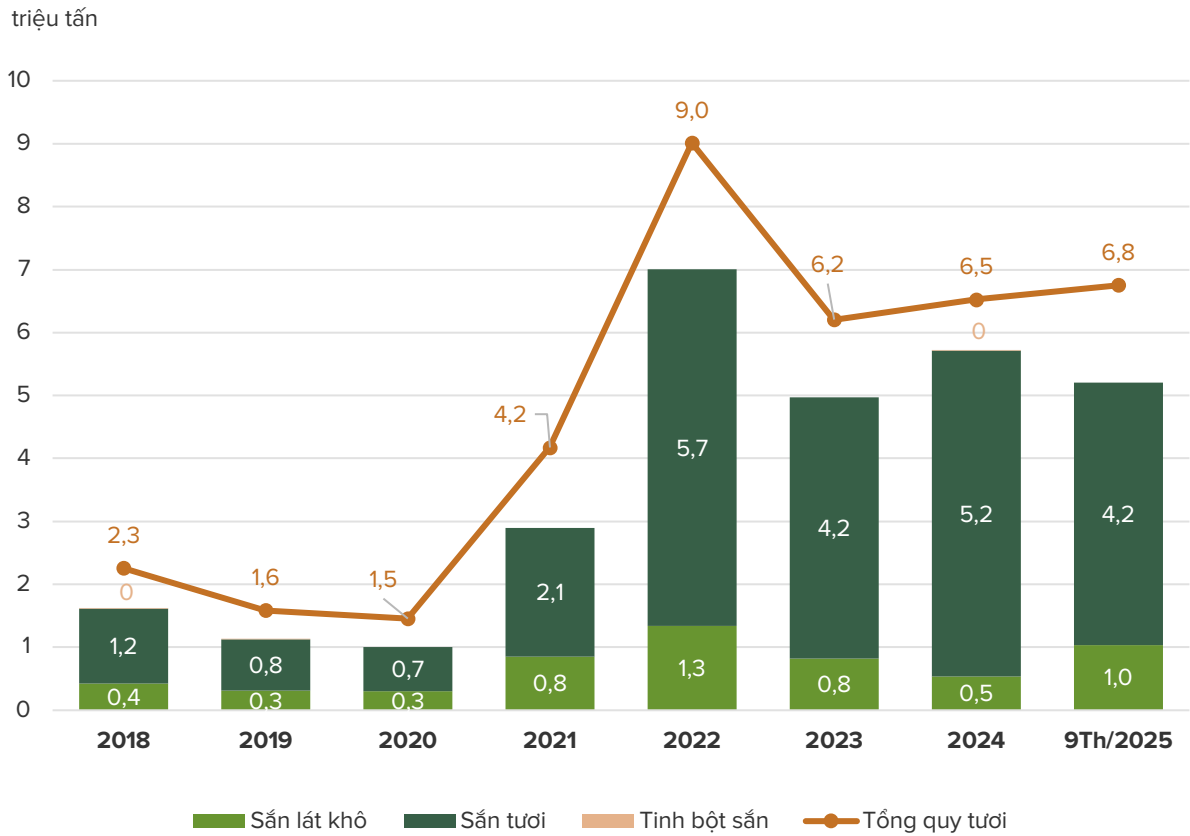
Cam-pu-chia là nguồn cung sắn nguyên liệu lớn nhất cho Việt Nam trong giai đoạn 2018 – 9 tháng đầu năm 2025, chiếm hàng năm từ 72% - 90% tổng lượng (quy tươi) nhập khẩu. Lượng nhập từ nguồn này tăng mạnh vào năm 2022 với 9 triệu tấn (quy tươi) được nhập khẩu, cao nhất từ trước đến nay, tăng hơn 2,1 lần so với một năm trước đó. Lượng nhập các năm 2023 – 9 tháng đầu năm 2025 có giảm đi so với năm 2022, nhưng vẫn duy trì ở mức cao so với giai đoạn 2018 – 2020. Trong 9 tháng đầu năm 2025, lượng nhập sắn tươi của Việt Nam từ thị trường này giảm khoảng 20% so với cả năm 2024, tuy nhiên lượng nhập sắn lát khô lại tăng gấp đôi, khiến tổng lượng sắn quy tươi trong 9 tháng vượt 3,5% so với tổng quy tươi của cả năm 2024 (Hình 8).

Việt Nam chủ yếu nhập 02 mặt hàng từ Cam-pu-chia là sắn tươi và sắn lát khô trong giai đoạn 2018 – 9 tháng đầu năm 2025, trong đó sắn tươi chiếm tỷ trọng lớn nhất. Mặt hàng tinh bột sắn chỉ được nhập với lượng rất nhỏ trong các năm 2018, 2019 và 2024 trong giai đoạn này.

Tương đồng với lượng nhập, năm 2022 là năm giá trị nhập khẩu sắn của Việt Nam từ thị trường Cam-pu-chia đạt cao nhất, với hơn 1,1 tỷ USD. Năm 2023 và 2024 giá trị nhập khẩu giảm còn trên 740 triệu USD mỗi năm. Trong 9 tháng đầu năm 2025, dù lượng nhập vượt cả năm 2024, kim ngạch nhập khẩu chỉ đạt 540 triệu, giảm 27% so với cả năm 2024. Điều này cho thấy giá nhập khẩu trung bình giảm đáng kể trong những tháng gần đây.

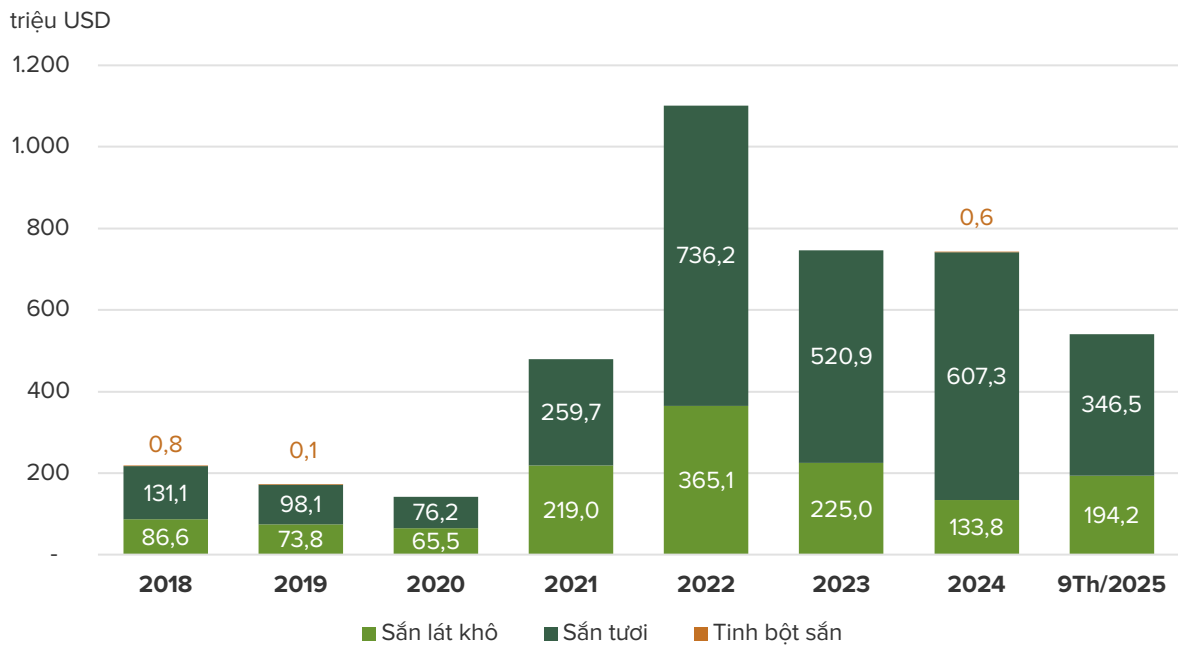
Hình 9 và 10 chỉ ra lượng và kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng sắn nguyên liệu từ Cam-pu-chia của Việt Nam giai đoạn 2018 – 9 tháng đầu năm 2025, theo số liệu của CHQ.

Hình 9. Lượng sản nguyên liệu Việt Nam nhập khẩu từ Cam-pu-chia phân theo loại mặt hàng, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (triệu tấn)



Nguồn: Số liệu của CHQ, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.

Hình 10. Kim ngạch nhập khẩu sản nguyên liệu từ Cam-pu-chia của Việt Nam phân theo loại mặt hàng, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (triệu USD)



Nguồn: Số liệu của CHQ, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.

Nhập khẩu sản nguyên liệu từ Lào

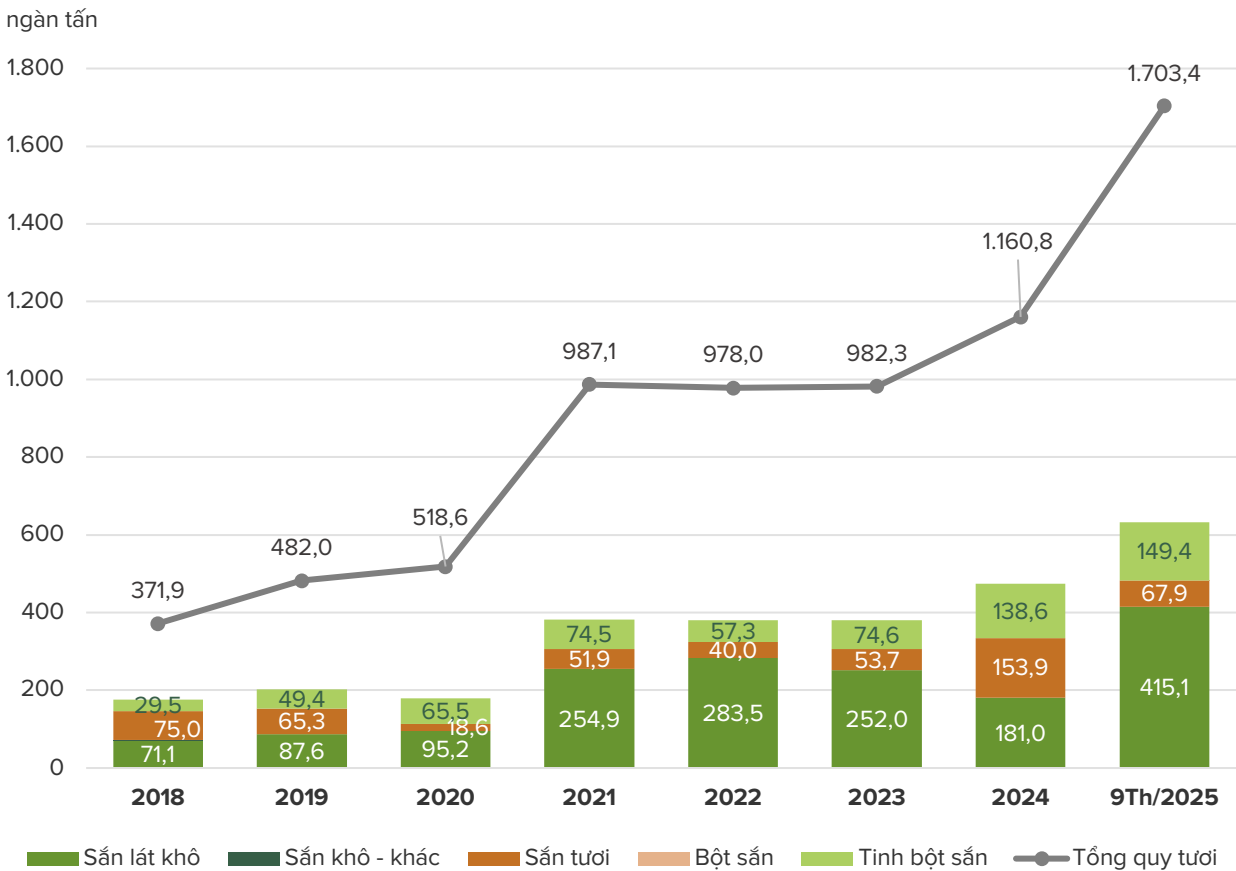
Lào là quốc gia cung cấp sản nguyên liệu cho Việt Nam lớn thứ hai, sau Cam-pu-chia, trong giai đoạn 2018 – 9 tháng đầu năm 2025, theo số liệu của CHQ. Lượng cung từ Lào chiếm từ 10% - 26% trong tổng lượng sản nguyên liệu Việt Nam tiêu thụ hàng năm.

Lượng sản nhập khẩu từ Lào tăng đều qua các năm trong giai đoạn 2018 – 2024, đặc biệt là tăng mạnh vào năm 2021 với lượng nhập (quy tươi) tăng hơn 90% so với năm 2020, sau đó ổn định ở mức như năm 2021 trong 02 năm 2022 và 2023 tiếp theo. Lượng nhập năm 2024 tiếp tục tăng nhanh so với 03 năm trước đó, với mức tăng 18%. Đặc biệt chỉ trong 9 tháng đầu năm 2025 tổng lượng nhập (quy tươi) vượt hơn 46% so với cả năm 2024, trong đó tinh bột sản tăng 2,3 lần. Dù lượng tăng mạnh nhưng giá trị nhập khẩu của 9 tháng 2025 chỉ tăng 3,4% so với cả năm 2024, cho thấy giá sản nhập khẩu trong năm 2025 giảm đáng kể so với năm 2024.

Trong khi Việt Nam nhập khẩu từ Cam-pu-chia 03 mặt hàng với phần lớn là sản tươi, Lào cung cấp cho Việt Nam 05 mặt hàng nhưng phần lớn là sản lát khô. Thực tế này phần nào phản ánh chính sách hạn chế xuất khẩu nguyên liệu thô của Lào áp dụng trong những năm gần đây.

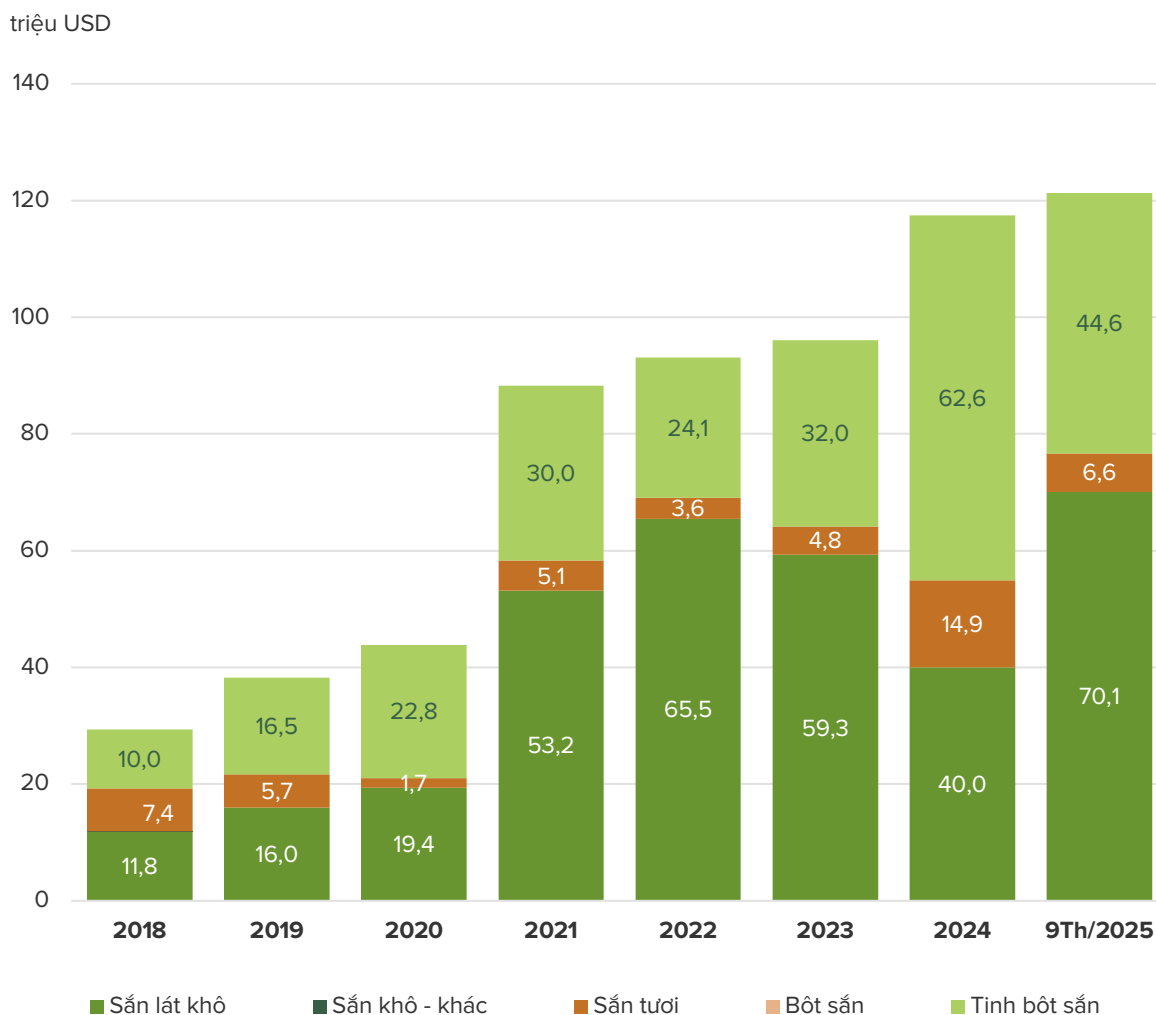
Hình 11 và 12 chỉ ra lượng và kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng sản nguyên liệu từ Lào của Việt Nam giai đoạn 2018 – 9 tháng đầu năm 2025.

Hình 11. Lượng sản nguyên liệu Việt Nam nhập khẩu từ Lào phân theo loại mặt hàng, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (ngàn tấn)



Nguồn: Số liệu của CHQ, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.

Hình 12. Kim ngạch nhập khẩu sản nguyên liệu từ Lào của Việt Nam phân theo loại mặt hàng, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (triệu USD)



Nguồn: Số liệu của CHQ, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.

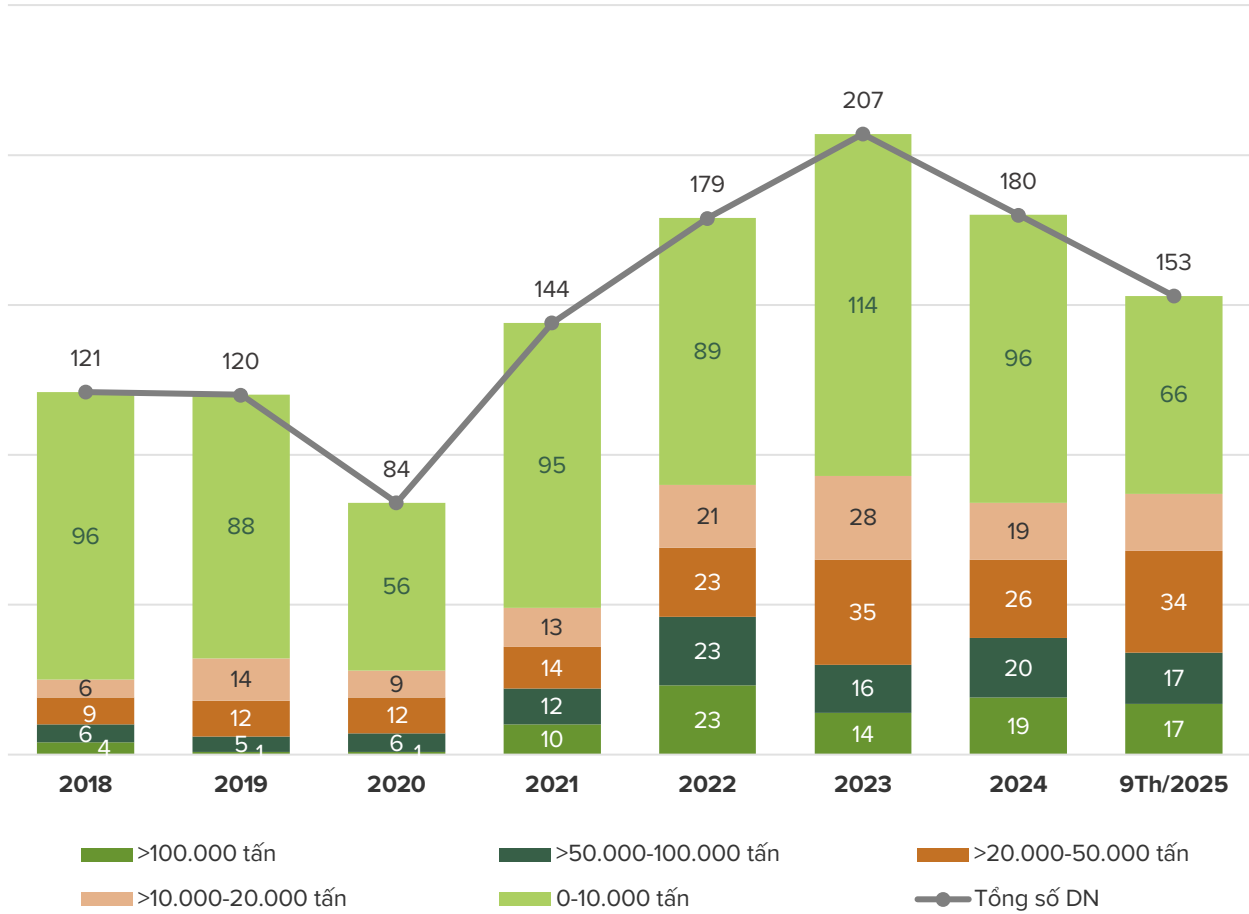
Phụ lục 3 và 4 cung cấp số liệu chi tiết về lượng và kim ngạch nhập khẩu sản nguyên liệu của Việt Nam phân theo thị trường, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025.

Doanh nghiệp nhập khẩu sản nguyên liệu

Số liệu của CHQ cho thấy trong giai đoạn 2018 – 9 tháng đầu năm 2025, mỗi năm có từ 84 đến 207 doanh nghiệp (DN) Việt Nam tham gia trực tiếp nhập khẩu sản nguyên liệu. Trong đó phần lớn là các DN có lượng nhập khẩu lượng rất nhỏ (nhập đến 10 ngàn tấn/năm), chiếm trung bình 61% tổng số DN. Từ năm 2022 trở lại đây, số DN có lượng nhập khẩu lớn trên 50 ngàn tấn/năm có xu hướng tăng lên, nhưng vẫn chiếm tỷ trọng nhỏ với trung bình 21% trong tổng số DN nhập khẩu.

Hình 13 cung cấp số liệu chi tiết về số DN tham gia nhập khẩu trực tiếp sản nguyên liệu theo quy mô nhập khẩu trong giai đoạn 2018 – 9 tháng đầu năm 2025, theo số liệu của CHQ.

Hình 13. Số doanh nghiệp Việt Nam tham gia nhập khẩu trực tiếp sản nguyên liệu phân theo quy mô nhập khẩu, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025



Nguồn: Số liệu của CHQ, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.

3. Việt Nam xuất khẩu sản nguyên liệu

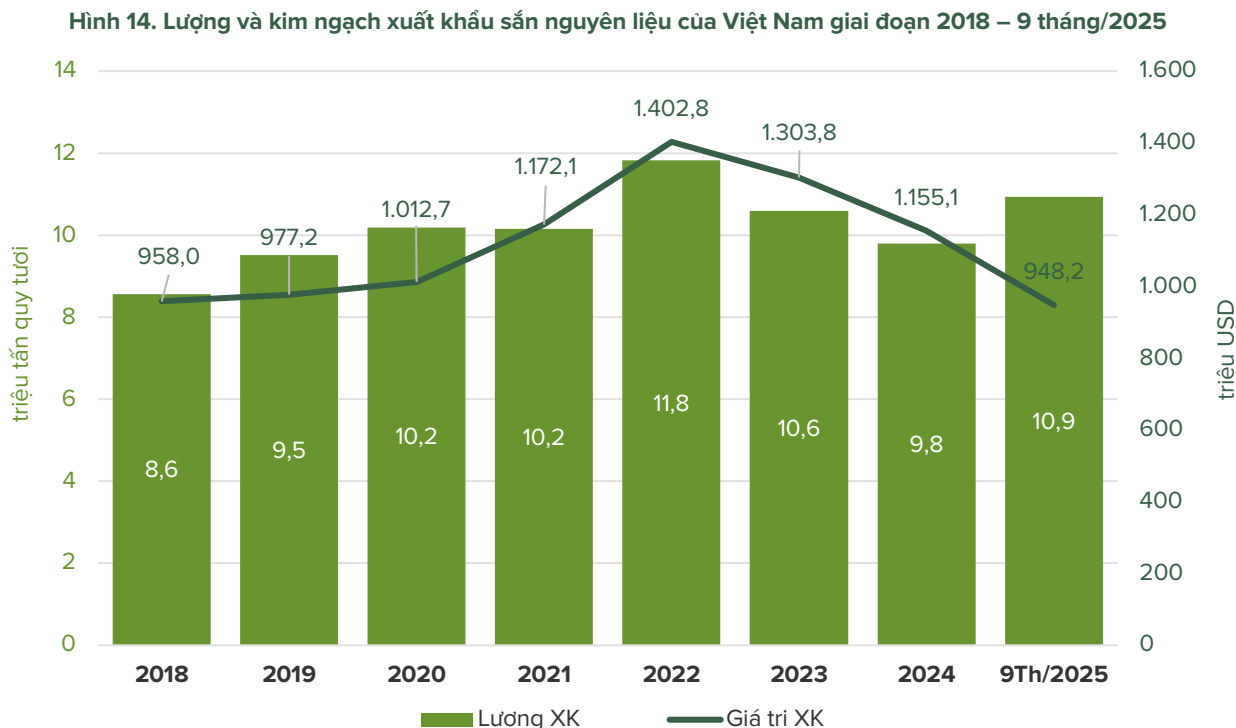
3.1. Lượng và kim ngạch xuất khẩu hàng năm

Số liệu của CHQ cho thấy trong giai đoạn 2018 – 2024, mỗi năm Việt Nam xuất khẩu từ trên 2,4 triệu đến 3,2 triệu tấn sản nguyên liệu các loại, tương đương từ 8,6 triệu đến 11,8 triệu tấn quy tươi. Giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt từ gần 1 tỷ đến 1,4 tỷ USD mỗi năm. Năm 2022 được ghi nhận là năm có lượng và kim ngạch xuất khẩu sản nguyên liệu cao nhất trong giai đoạn này.

Lượng và kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng sản tăng đều từ năm 2018 đến 2022, sau đó giảm nhẹ đều trong 2 năm 2023 và 2024. Tuy nhiên, trong 9 tháng đầu năm 2025 lượng xuất khẩu đã đạt 10,9 triệu tấn quy tươi—vượt 11% so với tổng lượng xuất cả năm 2024, nhưng giá trị xuất khẩu chỉ đạt 948 triệu USD—tương đương 82% so với cả năm 2024. Lượng xuất khẩu tăng trong khi giá trị xuất khẩu giảm thể hiện tình trạng giảm giá của mặt hàng này.¹⁰

¹⁰ Bộ Công Thương dẫn nguồn số liệu của Tổng cục Hải quan Trung Quốc cho biết giá bình quân nhập khẩu sản của Trung Quốc từ Việt Nam trong 5 tháng đầu năm 2025 giảm mạnh 33,5% so với cùng kỳ năm 2024, xuống mức 277,7 USD/tấn (Nguồn: <https://vneconomy.vn/phat-trien-nganh-hang-san-theo-huong-xanh-ben-vung.htm>).

Hình 14 cung cấp thông tin chi tiết về lượng (quy tươi) và kim ngạch xuất khẩu sản nguyên liệu hàng năm của Việt Nam trong giai đoạn 2018 – 9 tháng đầu năm 2025.



Nguồn: Số liệu của CHQ, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.

3.2. Các mặt hàng xuất khẩu

Theo số liệu của CHQ, trong giai đoạn 2018 – 9 tháng đầu năm 2025 Việt Nam xuất khẩu 06 mặt hàng sản nguyên liệu, bao gồm sản lát khô (mã HS 07141011), tinh bột sắn (HS 11081400), sắn tươi (HS 07141099), sản lát khô – khác (HS 07141019), bột sắn (HS 11062010) và sắn đông lạnh (HS 07141091). Trong số này, 02 mặt hàng được xuất khẩu nhiều nhất lần lượt là tinh bột sắn và sản lát khô, chiếm trung bình trên 99% tổng lượng (quy tươi) cũng như kim ngạch xuất khẩu hàng năm trong giai đoạn này. Lượng xuất khẩu tinh bột sắn hàng năm luôn vượt trội, gấp từ 3,7 đến 11,8 lần so với mặt hàng có lượng xuất khẩu đứng thứ 2 là sản lát khô.

Trong giai đoạn 2018 – 2024, kim ngạch xuất khẩu Tinh bột sắn đạt từ trên 800 triệu đến gần 1,2 tỷ USD mỗi năm, trong khi kim ngạch xuất khẩu sản lát khô đạt từ 69 triệu đến 228 triệu USD/năm.

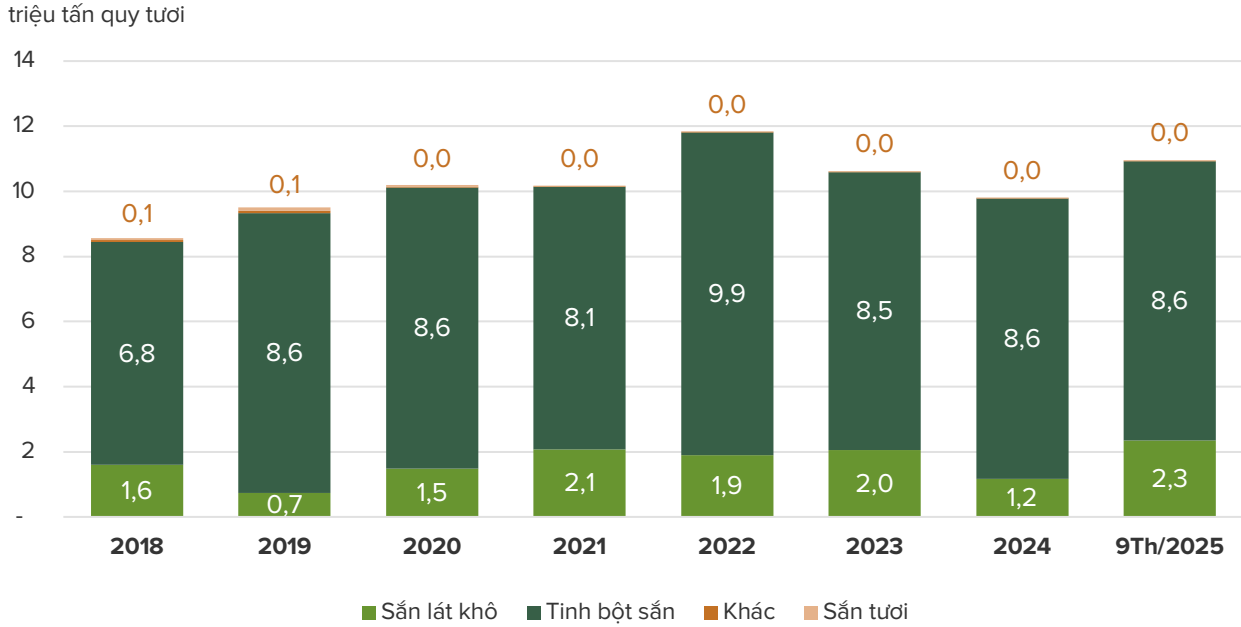
02 mặt hàng sản lát khô và sắn tươi chiếm trung bình 16,5% tổng lượng xuất khẩu hàng năm trong giai đoạn 2018 – 9 tháng đầu năm 2025, xét theo lượng quy tươi.

Trong 9 tháng đầu năm 2025, lượng xuất khẩu tinh bột sắn gần bằng lượng xuất mặt hàng này của cả năm 2024 (xấp xỉ 2,15 triệu tấn, tương đương khoảng 8,6 triệu tấn quy tươi), nhưng kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 756 triệu USD, bằng 73% so với cả năm 2024 là 1,036 tỷ USD.

Lượng xuất khẩu Sản lát khô trong 9 tháng đầu năm 2025 là 936 ngàn tấn (tương đương 2,34 triệu tấn quy tươi), gấp 02 lần lượng xuất khẩu của cả năm 2024 với 465 ngàn tấn (tương đương 1,16 triệu tấn quy tươi). Giá trị xuất khẩu Sản lát khô 9 tháng đầu năm 2025 tăng 162% so với cả năm 2024.

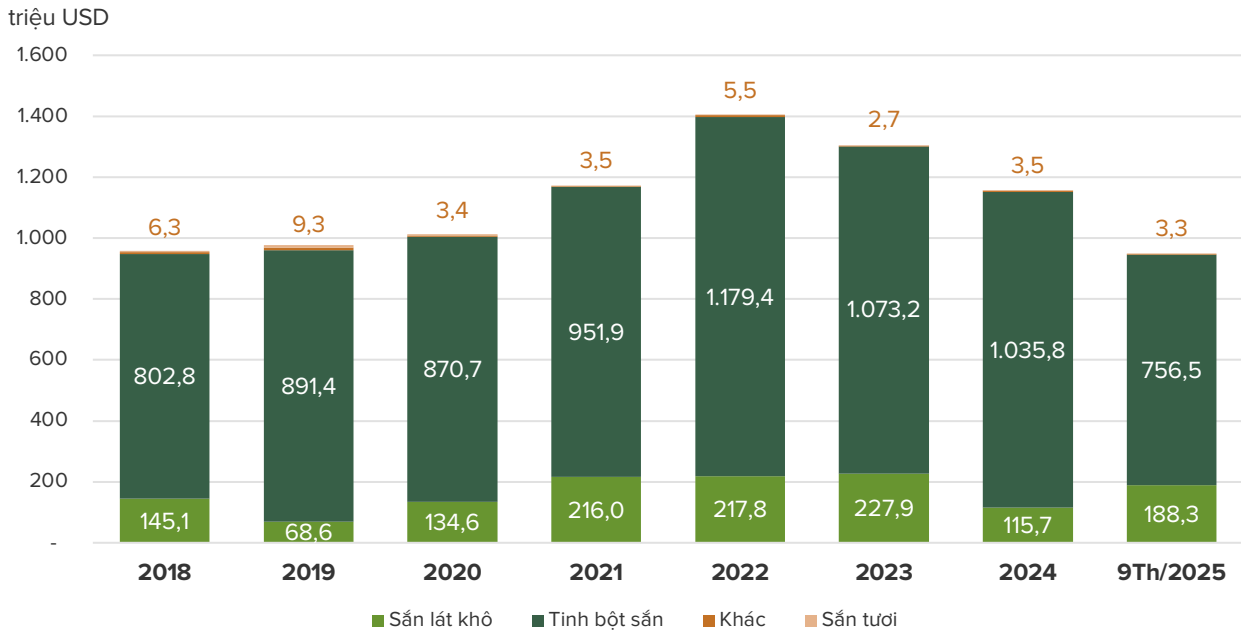
Hình 15 và 16 cung cấp thông tin chi tiết về lượng (quy tươi) và kim ngạch xuất khẩu sắn nguyên liệu của Việt Nam phân theo mặt hàng giai đoạn 2018 – 9 tháng đầu năm 2025, theo số liệu của CHQ.

Hình 15. Lượng sắn nguyên liệu Việt Nam xuất khẩu phân theo loại mặt hàng, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (triệu tấn quy tươi)



Nguồn: Số liệu của CHQ, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.

Hình 16. Kim ngạch xuất khẩu sắn nguyên liệu của Việt Nam phân theo loại mặt hàng, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (triệu USD)



Nguồn: Số liệu của CHQ, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.

Phụ lục 5 và 6 cung cấp số liệu chi tiết về lượng và kim ngạch xuất khẩu sắn nguyên liệu của Việt Nam phân theo mặt hàng, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025.

3.3. Thị trường xuất khẩu

Việt Nam xuất khẩu các sản phẩm sản nguyên liệu đến hơn 90 thị trường khác nhau trong giai đoạn 2018 – 9 tháng đầu năm 2025. Số thị trường xuất khẩu thực tế mỗi năm từ 58 đến 72 thị trường.

Các thị trường xuất khẩu chính bao gồm Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Malaysia, và Philippines. Trong số này, Trung Quốc là thị trường lớn nhất, chiếm trung bình tới trên 90% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng năm. Kim ngạch xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc tăng đều từ trên 844 triệu USD năm 2018 lên hơn 1,28 tỷ USD năm 2022—tăng trung bình 14%/năm. Năm 2023 và 2024 kim ngạch xuất khẩu vào thị trường này giảm xuống còn lần lượt trên 1,18 tỷ USD và 1,06 tỷ USD, tức giảm 7,5% và 10,6% so với năm trước đó.

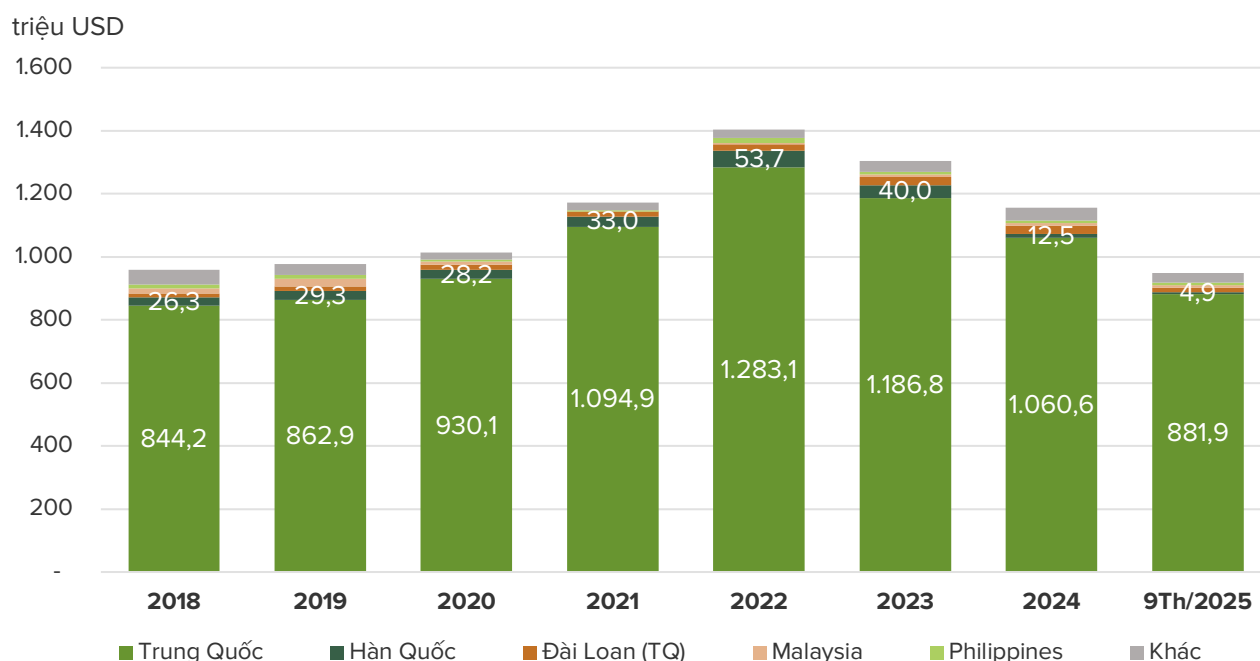
Lượng xuất sang Trung Quốc chiếm 93,1% tổng lượng sản nguyên liệu (quy tươi) Việt Nam xuất khẩu trong năm 2024. Các thị trường xuất khẩu còn lại chỉ chiếm 6,9%.

Kim ngạch xuất khẩu vào Trung Quốc trong 9 tháng đầu năm 2025 đạt 882 triệu USD, tương đương 83% tổng kim ngạch xuất khẩu vào thị trường này của cả năm 2024.

Hàn Quốc là thị trường lớn thứ hai sau Trung Quốc, tuy nhiên, quy mô kim ngạch chỉ chiếm khoảng 3% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng năm. Kim ngạch xuất khẩu vào các quốc gia còn lại không đáng kể.

Hình 17 chỉ ra kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng sản nguyên liệu tới các thị trường chính trong giai đoạn 2018 – 9 tháng đầu năm 2025, theo số liệu của CHQ. Phụ lục 7 và 8 cung cấp thông tin chi tiết về lượng và kim ngạch xuất khẩu sản nguyên liệu của Việt Nam vào các thị trường trong giai đoạn này.

Hình 17. Kim ngạch xuất khẩu sản nguyên liệu của Việt Nam phân theo thị trường, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (triệu USD)



Nguồn: Số liệu của CHQ, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.

Xuất khẩu sắn nguyên liệu vào thị trường Trung Quốc

Việt Nam xuất khẩu 04 mặt hàng sắn nguyên liệu vào thị trường Trung Quốc trong giai đoạn 2018 – 9 tháng đầu năm 2025 là tinh bột sắn (HS 11081400), sắn lát khô (HS 07141011), sắn tươi (HS 07141099) và bột sắn (HS 11062010). 02 mặt hàng xuất khẩu nhiều nhất là tinh bột sắn và sắn lát khô. Trong năm 2024 và 9 tháng đầu năm 2025, Trung Quốc không còn nhập sắn tươi từ Việt Nam. Giai đoạn 2019 – 2021, Việt Nam không xuất khẩu bột sắn vào Trung Quốc. Mặt hàng này chỉ được xuất khẩu kể từ 2022 đến nay.

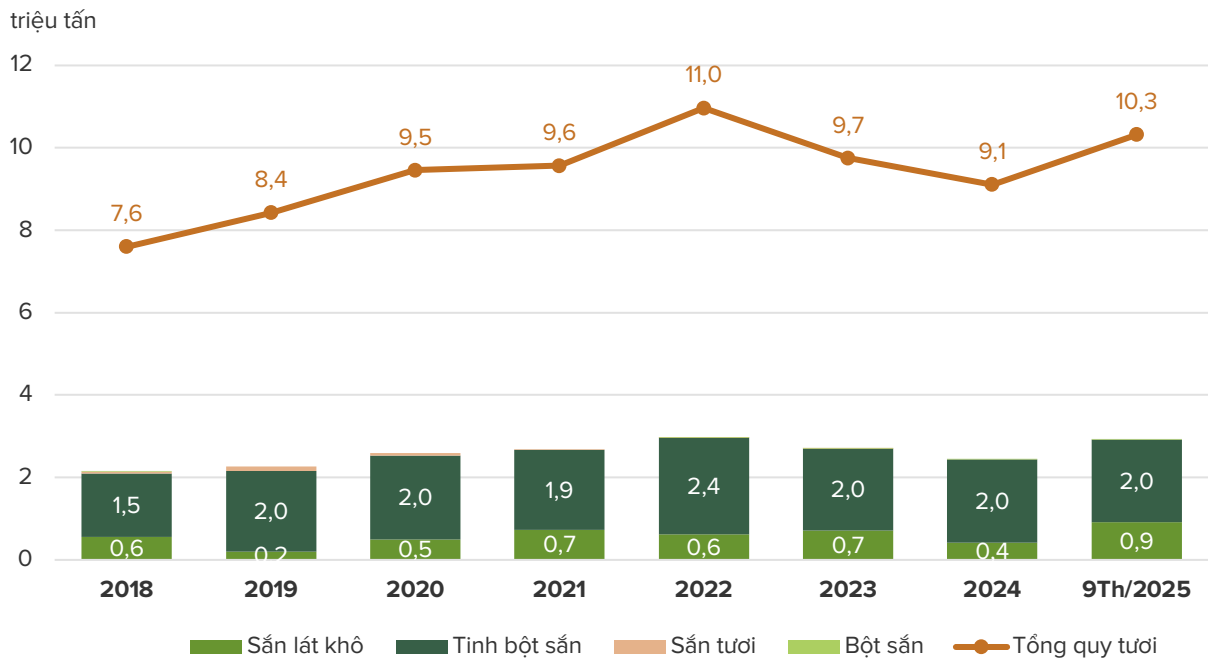
Lượng tinh bột sắn xuất khẩu sang Trung Quốc đạt từ 1,5 triệu tấn (tương đương 6,2 triệu tấn quy tươi) đến 2,4 triệu tấn (9,4 triệu tấn quy tươi) trong giai đoạn 2018 – 2024. Lượng xuất khẩu tương đương từ 80,7% đến 92,6% tổng lượng quy tươi xuất vào Trung Quốc, tương đương với kim ngạch từ 799 triệu USD đến gần 1,12 tỷ USD mỗi năm.

Trong cùng giai đoạn 2018 – 2024, sắn lát khô được Trung Quốc nhập trung bình 0,54 triệu tấn (1,34 triệu tấn quy tươi)/năm, chiếm trung bình 14,4% tổng lượng nhập quy tươi, với giá trị xuất khẩu trung bình 132 triệu USD/năm.

9 tháng đầu năm 2025, tổng lượng sắn nguyên liệu Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc là 10,3 triệu tấn quy tươi, vượt 13,3% lượng xuất khẩu cả năm 2024 (9,1 triệu tấn quy tươi), do tăng mạnh xuất khẩu Sắn lát khô. Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 882 triệu USD, bằng 83,2% tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2024. Điều này cho thấy sụt giảm về giá xuất khẩu.

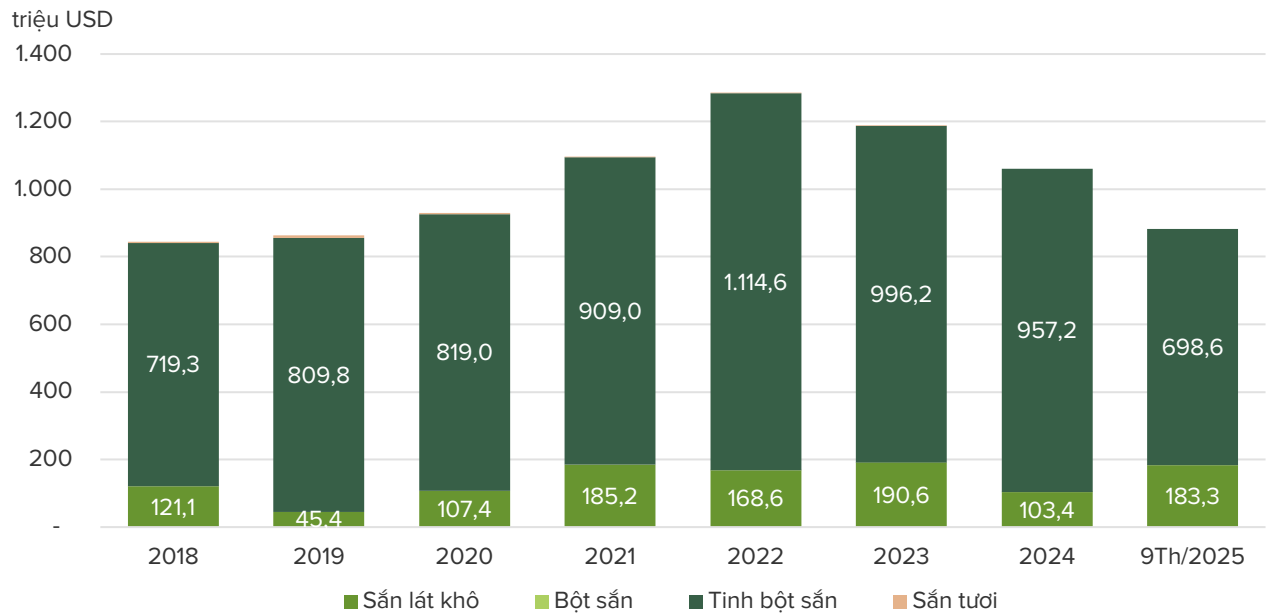
Hình 18 và 19 chỉ ra lượng và kim ngạch xuất khẩu sắn nguyên liệu của Việt Nam vào Trung Quốc phân theo mặt hàng giai đoạn 2018 – 9 tháng 2025.

Hình 18. Lượng sắn nguyên liệu Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc phân theo mặt hàng, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (triệu tấn)



Nguồn: Số liệu của CHQ, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.

Hình 19. Kim ngạch xuất khẩu sản nguyên liệu của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc phân theo mặt hàng, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (triệu USD)



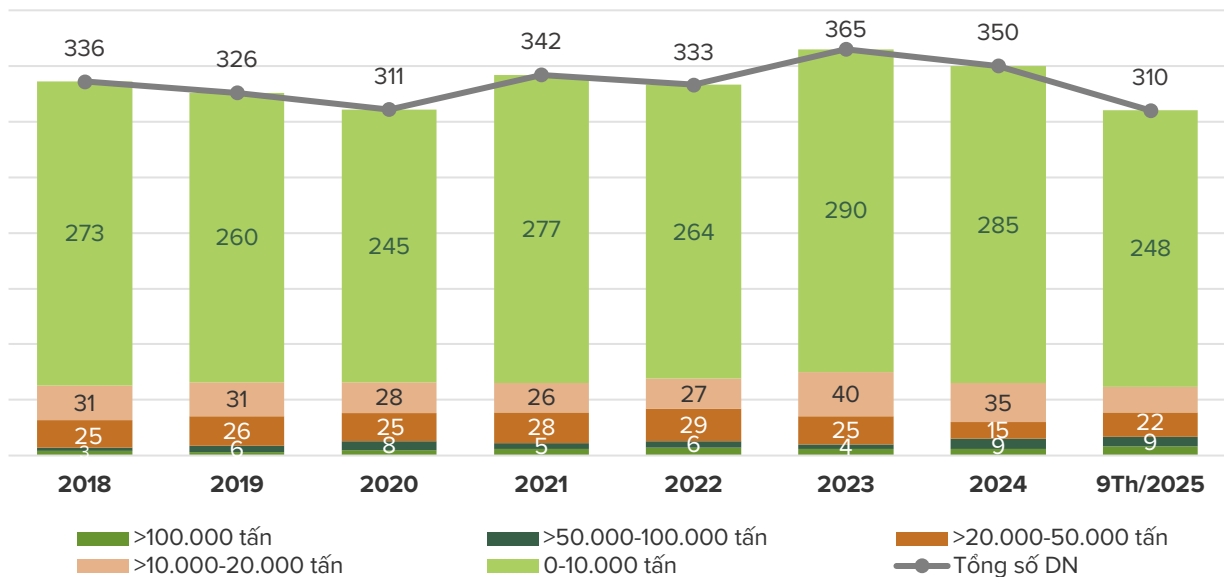
Nguồn: Số liệu của CHQ, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.

Phụ lục 9 và 10 cung cấp thông tin chi tiết về lượng và kim ngạch xuất khẩu từng mặt hàng sản nguyên liệu của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc trong giai đoạn 2018 – 9 tháng đầu năm 2025.

Doanh nghiệp xuất khẩu

Mỗi năm có trên 300 DN tham gia xuất khẩu. Hầu hết (80%) các DN có quy mô xuất khẩu nhỏ, dưới đến 10 ngàn tấn/năm. DN lớn với lượng xuất trên 50 ngàn tấn/DN/năm, chỉ chiếm trung bình 3,6% (Hình 20).

Hình 20. Số doanh nghiệp Việt Nam tham gia xuất khẩu trực tiếp sản nguyên liệu phân theo quy mô xuất khẩu, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025



Nguồn: Số liệu của CHQ, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.

Giá sản nguyên liệu xuất khẩu

Giá xuất khẩu có nhiều biến động. Giá sản lát khô nhìn chung biến động ít, duy trì ở mức 220 – 300 USD/tấn. Giai đoạn 2018 – 2020 giá giảm nhẹ, sau đó phục hồi từ giữa năm 2021 và đạt mức cao trong năm 2022 và 2023. Bước sang năm 2024 đến hết nửa đầu năm 2025, giá giảm và xuống mức thấp nhất trong toàn giai đoạn 2018 – 9 tháng 2025, sau đó tăng nhẹ từ giữa năm 2025.

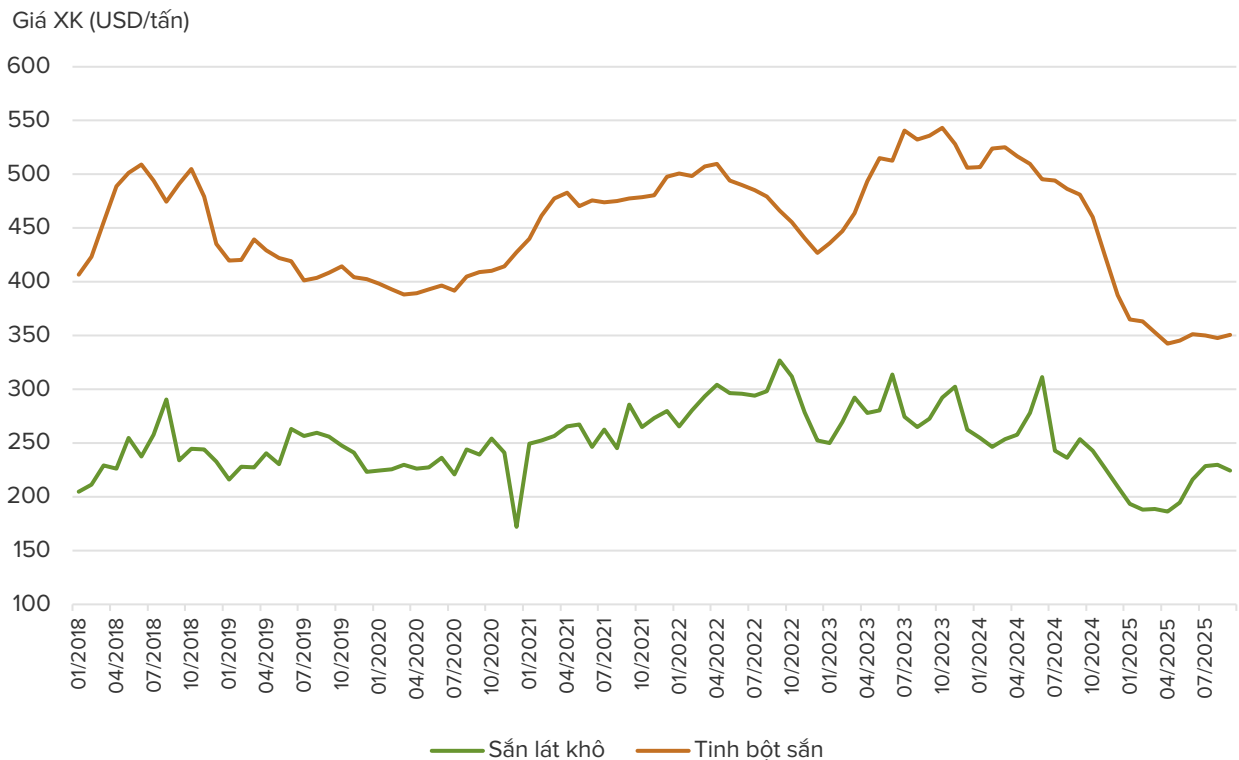
Tinh bột sản có giá xuất khẩu cao hơn so với sản lát khô và mức giá cũng biến động mạnh hơn. Giá xuất bình quân khoảng 390 – 510 USD/tấn. Sau mức cao năm 2018, giá giảm dần và chạm đáy vào 2020. Giai đoạn 2021 – 2022 chứng kiến giá phục hồi mạnh, nhưng lại quay đầu giảm vào cuối năm 2022/đầu 2023, rồi lại bật tăng đạt đỉnh mới vào giữa năm 2023. Tuy nhiên, từ năm 2024 trở đi giá giảm sâu và liên tục, duy trì mức giá thấp nhất trong năm 2025, chỉ còn khoảng 340 – 360 USD/tấn. Đây là mức thấp nhất kể từ 2018.

Giá và lượng tinh bột và sản lát khô xuất khẩu sang Trung Quốc giảm mạnh trong năm 2024 (Hình 18) được cho là do nhu cầu của thị trường này giảm, và do vẫn còn lượng hàng tồn lớn đã được các DN nhập khẩu mua tích lũy trước đó.

Trong 9 tháng đầu năm 2025 giá xuất khẩu duy trì ở mức thấp nhưng lượng nhập vào Trung Quốc tăng mạnh. Đây là được cho là hiện tượng tranh thủ mua tích trữ nguyên liệu khi giá thấp của thị trường này.

Hình 21 chỉ ra giá xuất khẩu trung bình theo tháng của 02 mặt hàng sản lát khô và tinh bột sản Việt Nam xuất khẩu trong giai đoạn 2018 – 9 tháng đầu năm 2025.

Hình 21. Giá xuất khẩu trung bình tháng mặt hàng sản lát khô và tinh bột sản của Việt Nam, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (USD/tấn)



Nguồn: Số liệu của CHQ, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.

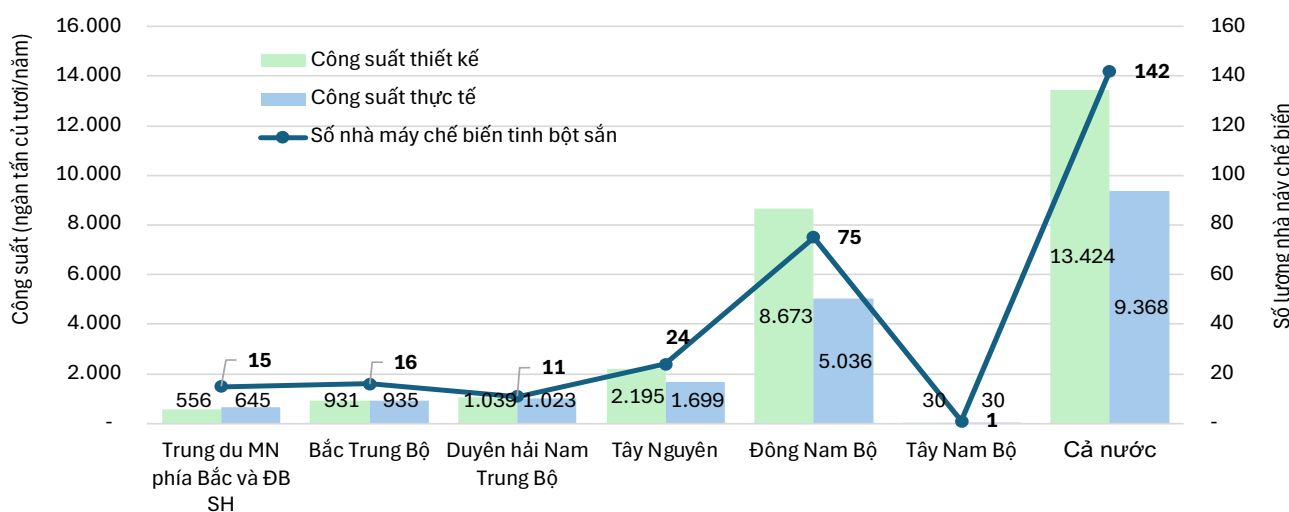
3.4. Doanh nghiệp chế biến sản tại Việt Nam

Theo số liệu của Cục Trồng trọt nay là Cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật - TT&BVTV (2024) các DN chế biến tinh bột sản tại Việt Nam có nhà máy đặt tại 30 tỉnh thành, với 142 nhà máy với tổng công suất thiết kế trên 13,4 triệu tấn củ tươi/năm đang hoạt động. Vùng có số nhà máy tinh bột sản lớn nhất là Đông Nam Bộ, với 75 nhà máy có công suất thiết kế gần 8,7 triệu tấn củ tươi/năm, tương đương 64,6% tổng công suất thiết kế của cả nước. Điều này phù hợp với thực tế là vùng này có diện tích và sản lượng sản lớn (chỉ sau vùng Tây Nguyên), và đặc biệt vùng này gần biên giới Cam-pu-chia nên sử dụng lượng lớn sản nhập khẩu từ quốc gia này để chế biến. Cam-pu-chia, như đã nêu trên, là nguồn cung sản nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam.

Tính chung cả nước năm 2023, các nhà máy chế biến tinh bột sản tại Việt Nam sử dụng 9,37 triệu tấn củ tươi nguyên liệu sản xuất ra khoảng 3 triệu tấn tinh bột sản, đạt gần 70% công suất thiết kế. Hoạt động sản xuất của các nhà máy tại vùng Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ không đạt công suất thiết kế. Đáng chú ý là các nhà máy tại vùng Đông Nam Bộ chỉ đạt 58% công suất thiết kế. Trong khi đó, các nhà máy tại vùng Bắc Trung Bộ và Trung du miền núi phía Bắc và Đồng bằng Sông Hồng đạt công suất cao hơn công suất thiết kế từ 0,4% đến 16%.¹¹

Nguyên nhân của tình trạng trên là do một số vùng thiếu hụt nguồn cung sản nguyên liệu trong khi số nhà máy chế biến đặt tại các vùng này quá lớn so với năng lực cung cấp sản nguyên liệu của vùng.

Hình 22. Số lượng DN chế biến tinh bột sản tại Việt Nam và công suất chế biến phân theo vùng sinh thái năm 2023/24



Nguồn: Cục Trồng trọt (2024).

Ngoài ra, theo báo cáo của Cục Trồng trọt (tháng 6/2024) cả nước có 04 nhà máy nguyên liệu sinh học sản xuất cồn E100 đặt tại Bình Phước, Đồng Nai, Quảng Nam và Dung Quất. Tuy nhiên, chỉ có 02 nhà máy đang hoạt động với công suất 200.000 m³ sản nhiên liệu/nhà máy; với nhu cầu sản khô nguyên liệu của 02 nhà máy là 500.000 tấn/năm.¹²

¹¹ Nguồn: Cục Trồng trọt, 2024.

¹² Báo cáo: “Kết quả sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản giai đoạn 2015 - 2022, định hướng và giải pháp phát triển cây sản thời gian tới.” Cục Trồng trọt. Hội nghị ngành sản tại Tây Ninh ngày 27/6/2024.

4. Chuỗi cung và chính sách hỗ trợ phát triển ngành sắn Việt Nam

4.1. Chuỗi cung ngành sắn Việt Nam

Với công dụng của sản phẩm đầu ra đa dạng, sắn đã trở thành một loại cây trồng đem lại thu nhập ổn định cho các hộ.

Hiện tinh bột sắn là nguyên liệu được sử dụng rộng rãi cho ngành công nghiệp thực phẩm và tiêu dùng (sản xuất ra mì gói/mì ăn liền, bánh kẹo, mì chính/bột ngọt, cồn rượu, keo dán, mỹ phẩm,...), ngành dược phẩm và hoá chất (sản xuất thuốc chữa bệnh, cồn y tế,...), ngành năng lượng (sản xuất ethanol/nhiên liệu sinh học). Vỏ củ sắn và bã sắn được dùng để sản xuất thức ăn chăn nuôi và phân vi sinh cho ngành nông nghiệp, hoặc làm giấy, gỗ ép,... Lá cây sắn được dùng làm thức ăn nuôi tằm, cá, hoặc làm phân hữu cơ. Thân cây sắn dùng làm cây giống (hom giống) và nguyên liệu trồng nấm.¹³

Nhìn chung, chuỗi cung của ngành sắn bao gồm các hợp phần sau:¹⁴

Nông hộ trồng sắn trong nước

Nguồn sắn nguyên liệu sản xuất trong nước chủ yếu là từ các nông hộ.¹⁵ Sắn được trồng trên các diện tích đất nông nghiệp hoặc đất lâm nghiệp của hộ, theo hình thức độc canh hoặc xen canh trên diện tích khi cây trồng chính (ví dụ cao su) chưa khép tán. Hiện có khoảng 1,2 triệu hộ đang tham gia trồng sắn trên cả nước. Hầu hết sắn được sản xuất từ hộ được cung cấp ra thị trường; hộ chỉ sử dụng một lượng nhỏ (2-3% trong tổng lượng cung từ hộ) để chăn nuôi gia súc, gia cầm, cá hay sinh hoạt (nấu rượu) của hộ.

Thương lái và doanh nghiệp thương mại sắn nguyên liệu trong nước

Hộ bán sắn ra thị trường thông qua mạng lưới thương lái hay đại lý địa phương. Thương lái là mắt xích trung gian, thu mua sắn từ hộ rồi bán lại cho các nhà máy chế biến. Thương lái đóng vai trò trung gian giữa hộ và các nhà máy chế biến. Khoảng 95% lượng sắn của hộ được bán thông qua đại lý. Chỉ có 5% còn lại là sắn từ các hộ có diện tích trồng lớn, gần nhà máy chế biến, được hộ bán trực tiếp cho nhà máy chế biến.

Tại các vùng trồng sắn sử dụng đất bằng như ở Tây Ninh, Bình Phước, thương lái thường mua cả ruộng chưa thu hoạch của hộ sau đó tự tổ chức thu hoạch và vận chuyển sắn đến các đại lý lớn hoặc tới nhà máy chế biến.¹⁶ Giá mua – bán được xác định theo độ bột trong củ.¹⁷

¹³ Báo cáo của Cục Trồng trọt và Hiệp hội Sắn Việt Nam chia sẻ tại Hội nghị ngành sắn tại Tây Ninh ngày 27/6/2024.

¹⁴ Thông tin từ khảo sát trực tiếp tại các điểm nghiên cứu trong thời gian tháng 8 đến tháng 10/2024, kết hợp với thông tin từ CHQ, CTK (năm 2024), và các báo cáo, bài trình bày của Hiệp hội Cao su Việt Nam và Cục Trồng trọt chia sẻ tại Hội nghị ngành sắn tại Tây Ninh ngày 27/6/2024.

¹⁵ Một số doanh nghiệp trồng rừng, cao su hoặc cây ăn quả có thể trồng sắn trên diện tích đất trống, đất chưa sử dụng hoặc trồng xen trong giai đoạn cây trồng chính chưa khép tán. Tuy nhiên số DN lựa chọn cây sắn làm cây trồng chính gần như không có; và diện tích trồng sắn từ nhóm đối tượng này không đáng kể, do hiệu quả kinh tế của sắn không cao, chu kỳ sản xuất dài hơn nhiều so với cây trồng khác như ngô, đậu,...

¹⁶ Một số ít trường hợp thương lái mua vườn của hộ trước thời điểm thu hoạch vài tháng (mua sớm giá sẽ rẻ hơn), bỏ công chăm sóc cho đến khi được thu hoạch.

¹⁷ Giá giao dịch sắn củ tươi của hộ tại Việt Nam được xác định dựa vào điểm hay độ bột trong củ sắn. Giá trị giao dịch được xác định dựa vào điểm bột này kết hợp với trọng lượng và độ "sạch" (tức mức độ dính bùn đất) của củ sắn.

Tại các vùng trồng sản trên đất dốc, đặc biệt là vùng miền núi phía Bắc, nông hộ trồng sản thường tự thu hoạch và chuyển đến điểm thương lái có thể tiếp cận để thu mua. Giao dịch giữa hộ - đại lý thường theo hình thức mua bán “xô” theo trọng lượng.¹⁸

Giao dịch giữa hộ trồng sản với thương lái thường là thoả thuận miệng và không có hợp đồng mua bán.

Thương lái bán lại sản tươi cho các DN thương mại. Những DN thương mại này thường có quy mô lớn hơn nhiều so với thương lái, có thể thu mua hàng trăm tấn sản mỗi ngày. Những DN thương mại này có thể cung cấp toàn bộ lượng sản tươi thu mua được cho các nhà máy chế biến, hoặc băm sản sau đó phơi khô và bán sản lát khô cho các bên có nhu cầu. Một số DN trực tiếp xuất khẩu.

Doanh nghiệp thương mại sản nguyên liệu nhập khẩu

Việt Nam nhập một lượng lớn sản từ khoảng 10 thị trường trên thế giới, đặc biệt là từ Cam-pu-chia (lớn nhất) và Lào (lớn thứ 2). Các loại sản nguyên liệu nhập khẩu bao gồm củ sản tươi, sản lát khô, và tinh bột thô. Cam-pu-chia cung cấp chủ yếu củ sản tươi và sản lát khô, trong khi Lào chủ yếu cung cấp sản lát khô và tinh bột sản cho Việt Nam.

Sản nguyên liệu nhập khẩu từ Cam-pu-chia và Lào được nhập thông qua các DN thương mại. Các DN thương mại này có thể là DN thương mại Việt hoặc Cam-pu-chia (đối với sản nhập từ Cam-pu-chia) hoặc DN thương mại Việt hoặc Lào (đối với sản nhập từ Lào). Các DN thương mại này mua sản từ các nguồn khác nhau tại Lào và Cam-pu-chia¹⁹ rồi bán lại cho các DN thương mại khác trong nước, hoặc bán trực tiếp cho các nhà máy chế biến trong nước. Một số DN Việt Nam có đầu tư trồng sản và/hoặc có nhà máy chế biến bên Lào/Cam-pu-chia thì nhập sản từ chi nhánh công ty bên Lào/Cam-pu-chia về công ty mẹ tại Việt Nam. Các hoạt động xuất – nhập khẩu qua biên giới tuân thủ đầy đủ theo quy định về hoạt động xuất – nhập.

Hoạt động của chuỗi cung sản có tính chất mùa vụ, phụ thuộc vào thời điểm thu hoạch sản. Một số nhà máy chế biến không có nguồn nguyên liệu trong giai đoạn sản chưa thu hoạch nên phải tạm dừng sản xuất.

Doanh nghiệp chế biến và thương mại trong nước

Có 02 nhóm DN tham gia vào khâu chế biến, bao gồm (i) các DN tham gia khâu sơ chế (hay chế biến thô) và (ii) các DN tinh chế (hay chế biến sâu). DN sơ chế là DN sử dụng sản tươi hay lát khô sản xuất ra các sản phẩm, là đầu vào cho các công đoạn chế biến sâu sau đó, như tinh bột thô, bã sản. DN tinh chế sử dụng nguyên liệu đầu vào từ công đoạn sơ chế để sản xuất ra các sản phẩm cấp cao hơn hoặc hoàn chỉnh, như tinh bột biến tính, đường Glucose, mạch nha,... Một số DN có cả hoạt động sơ chế và tinh chế. Theo thông tin từ Hiệp hội Sản Việt Nam, nhiều DN trong nước đã làm chủ được công nghệ

¹⁸ Thực tế các thương lái cũng phải dựa vào thông tin về giá nhập của nhà máy chế biến, đã được nhà máy tính toán dựa vào chất lượng củ sản hộ dân trồng trên địa bàn, và kinh nghiệm đánh giá chất lượng sản thông qua quan sát và cảm nhận của thương lái, để xác định mức giá có thể mua từ hộ.

¹⁹ Đất trồng sản tại Cam-pu-chia và Lào có 3 loại: đất thuộc sở hữu của hộ dân, đất thuộc doanh nghiệp được nhà nước cho thuê đất (land concession) và đất DN ký hợp đồng thuê đất với hộ (contract farming). Một số doanh nghiệp Việt Nam đầu tư tại 2 thị trường này thuê đất từ nhà nước và hộ có tham gia trồng sản (dạng thuê trực tiếp từ nhà nước, hộ hoặc thuê lại từ DN được thuê/cấp đất khác). Tuy nhiên, hiện không có thông tin chính thức về nguồn gốc của sản nhập khẩu từ 2 quốc gia này vào Việt Nam thuộc loại đất nào. Mặc dù vậy, có thông tin cho rằng sản từ Cam-pu-chia xuất khẩu sang Việt Nam chủ yếu là sản từ hộ (Nguồn: <https://bpb-ap-se2.wpmucdn.com/blog.une.edu.au/dist/4/1340/files/2024/05/AAP-Vol-27-Paper-4-Thong-4bf36ce9eeb06b8e.pdf>). Viengsavang et al. (2023) cho biết sản tại Lào chủ yếu được trồng bởi các hộ nông dân (Nguồn: Viengsavang Thipphavong et al. (2023) Determinant Factors of Lao Farmers' Engagement to Agricultural Value Chains: A Case Study of Cassava. Feed the Future. Research Paper #15. May 2023 ([https://www.canr.msu.edu/prci/publications/\(08%20June%202023\)_PRCI.Laos_Final.SD.RV02_Cleaned.pdf](https://www.canr.msu.edu/prci/publications/(08%20June%202023)_PRCI.Laos_Final.SD.RV02_Cleaned.pdf)).

chế biến tinh bột sắn biến tính, sản lượng ước đạt 200.000 tấn/năm.²⁰ Khoảng 5% nhà máy tinh bột sắn ở Việt Nam đầu tư sản xuất Mạch nha và/hoặc đường Glucose, với quy mô sản xuất cũng khoảng 200.000 tấn/năm, trong đó 70% cung cấp cho các nhà máy thực phẩm, đồ uống trong nước và 30% còn lại được xuất khẩu.²¹

Các DN chế biến thu mua sắn nguyên liệu thông qua hệ thống trạm thu mua đặt tại các vùng trồng sắn mua trực tiếp từ nông hộ (ít) và từ các thương lái hay DN thương mại trong nước, và các DN thương mại có nguồn cung nhập khẩu.

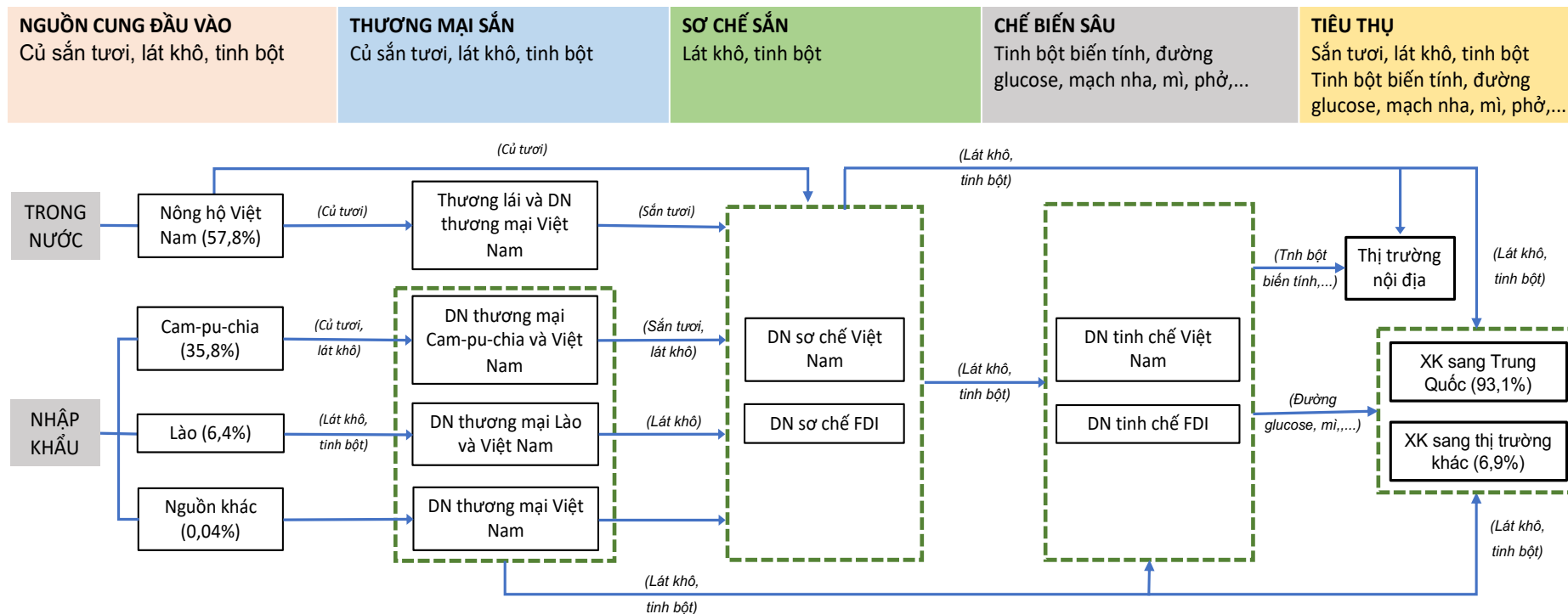
Cả DN nội địa và DN có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) tham gia vào khâu chế biến thô và tinh. Tuy nhiên hiện nay không có thông tin cụ thể về hoạt động sản xuất của mỗi loại hình DN này.

Hình 23 cung cấp sơ đồ khái quát chuỗi cung sắn Việt Nam năm 2024.

²⁰ Thông tin từ Bài trình bày của Hiệp hội Sắn Việt Nam tại Hội nghị ngành sắn tại Tây Ninh ngày 27/6/2024. Hiệp hội Sắn không cho biết thông tin cụ thể về thời điểm lượng tinh bột biến tính này được sản xuất và cung ra thị trường, và có xuất khẩu hay không.

²¹ Bài trình bày của Hiệp hội Sắn Việt Nam tại Hội nghị ngành sắn tại Tây Ninh ngày 27/6/2024.

Hình 23. Sơ đồ khái quát chuỗi cung sắn của Việt Nam năm 2024



Ghi chú: Tỷ trọng sắn nguyên liệu nhập khẩu và xuất khẩu được tính theo lượng quy tươi của năm 2024.

Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu của Forest Trends dựa vào số liệu của CTK và CHQ (số liệu 2024); báo cáo của Cục Trồng trọt và Hiệp hội Sắn Việt Nam (tháng 6/2024), và khảo sát trực tiếp hộ trồng sắn (từ tháng 8 đến tháng 10/2024, tháng 8 - 9/2025) tại tỉnh Moldukiri (Cam-pu-chia); thương lái sắn và hộ trồng sắn tại tỉnh Attapeu (Lào); và DN chế biến sắn, thương lái sắn và hộ trồng sắn tại các tỉnh Bình Phước, Kon Tum, Sơn La, Tây Ninh, và Yên Bái (Việt Nam).

4.2. Chính sách hỗ trợ phát triển ngành sản của Việt Nam

Các cơ chế chính sách liên quan tới khâu sản xuất, thương mại, chế biến đóng vai trò quan trọng trong việc định hình ngành sản như hiện nay và trong thời gian tới. Trong những năm gần đây, Chính phủ đã ban hành một số cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ phát triển ngành hàng sản. Nổi bật là Đề án “*Phát triển bền vững ngành hàng sản đến năm 2030, tầm nhìn 2050*” thể hiện cam kết mạnh mẽ của Việt Nam trong việc phát triển ngành sản theo hướng hiệu quả, bền vững và nâng cao giá trị kinh tế. Mục tiêu của Đề án là tăng năng suất, chất lượng và tỷ lệ chế biến sâu, đồng thời mở rộng diện tích canh tác áp dụng quy trình bền vững. Các giải pháp chính bao gồm cải tiến giống, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và đẩy mạnh liên kết chuỗi giá trị. Ngành sản cũng được hưởng một số chính sách hỗ trợ chung trong nông nghiệp như khuyến khích liên kết sản xuất (Nghị định 98/2018), thu hút doanh nghiệp đầu tư (Nghị định 57/2018) và thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể (Nghị định 113/2024). Cụ thể,

Đề án “*Phát triển bền vững ngành hàng sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*”

Phát triển bền vững ngành hàng sản là một trong những ưu tiên của Việt Nam. Cây sản đã được đưa vào danh mục các cây trồng chủ lực quốc gia.²² Tháng 4/2024, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT), nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường, đã Ban hành Quyết định 1115/QĐ-BNN-TT phê duyệt Đề án “*Phát triển bền vững ngành hàng sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*”.²³ Đề án có mục tiêu chung là “*Phát triển ngành hàng sản ổn định, hiệu quả, bền vững; xây dựng liên kết chặt chẽ giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nhằm tạo ra giá trị kinh tế cao, góp phần giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống dân cư khu vực nông thôn; nâng cao giá trị kim ngạch xuất khẩu và bảo vệ môi trường.*”

Đề án đặt mục tiêu cụ thể đến năm 2030, diện tích trồng sản cả nước khoảng 480 - 510 ngàn ha, sản lượng củ tươi đạt 11,5 - 12,5 triệu tấn, trong đó sản lượng sản tươi dùng để chế biến sâu một số sản phẩm (tinh bột, etanol, mỳ chính,...) chiếm khoảng 85%; diện tích trồng sản sử dụng giống đúng tiêu chuẩn chất lượng đạt 40 - 50%; diện tích trồng sản áp dụng quy trình canh tác bền vững đạt 50%; và kim ngạch xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản đạt 1,8 - 2,0 tỷ USD. Tầm nhìn đến năm 2050 của Đề án là tiếp tục phát triển ngành sản theo hướng bền vững, với 70 - 80% diện tích trồng sản áp dụng quy trình canh tác bền vững, sản lượng sản tươi dùng để chế biến sâu một số sản phẩm (tinh bột, etanol, mỳ chính,...) chiếm trên 90%, kim ngạch xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản đạt khoảng 2,3 - 2,5 tỷ USD.

Đề án cũng đưa ra những giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu trên, với những giải pháp chính bao gồm: (1) Nghiên cứu chọn tạo, nhập nội các giống sản mới có năng suất cao, hàm lượng tinh bột cao, có khả năng chống chịu với sinh vật gây hại; (2) Áp dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, cơ giới hoá trong quá trình sản xuất, chế biến; (3) Duy trì thị trường tiêu thụ sản phẩm hiện có và đẩy mạnh mở rộng thị trường mới.

Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp Ngày 5/7/2018, Chính phủ ban hành Nghị định 98/2018/NĐ-CP²⁴ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, có hiệu lực từ ngày 20/7/2018. Nội dung chính của Nghị định là (1) Khuyến khích các hình thức liên kết giữa nông dân, hợp tác xã và DN

²² <https://baochinhphu.vn/phan-trien-san-tro-thanh-cay-trong-chu-luc-quoc-gia-10224062807512415.htm>

²³ Xem chi tiết tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Quyet-dinh-1115-QD-BNN-TT-2024-De-an-Phat-trien-ben-vung-nganh-hang-san-den-2030-608415.aspx>

²⁴ <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=194092>

trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; (2) Hỗ trợ chi phí xây dựng mô hình liên kết, hạ tầng phục vụ liên kết như kho bãi, đường giao thông nội đồng; (3) Hỗ trợ đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho các bên tham gia liên kết; và (4) Tạo điều kiện thuận lợi cho việc ký kết hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

Ngày 17/4/2018 của Chính phủ ban hành Nghị định 57/2018/NĐ-CP²⁵ quy định về cơ chế, chính sách khuyến khích DN đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nhằm tạo điều kiện thuận lợi và hấp dẫn cho doanh nghiệp tham gia phát triển lĩnh vực này. Theo Nghị định, DN có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo mức ưu đãi phù hợp với từng loại dự án. Nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng như giao thông, điện, nước, xử lý chất thải trong khuôn khổ dự án. DN cũng được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, tiếp cận tín dụng thuận lợi hơn. Ngoài ra, còn có chính sách hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đào tạo kỹ thuật và phát triển thị trường như quảng bá, xây dựng thương hiệu cho DN.

Chính sách hỗ trợ phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã

Ngày 12/9/2024 Chính phủ ban hành Nghị định số 113/2024/NĐ-CP²⁶ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2023, trong đó có các chính sách hỗ trợ phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã. Những chính sách này nhằm tạo điều kiện để các tổ chức kinh tế tập thể phát triển bền vững, đóng góp vào xây dựng nông thôn mới và kinh tế hợp tác hiện đại. Cụ thể theo Nghị định, Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho thành viên và người lao động. Các đơn vị được hỗ trợ tiếp cận thông tin và xây dựng mạng lưới tư vấn để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành. Chính sách cũng khuyến khích nhân rộng các mô hình hợp tác xã hoạt động hiệu quả. Ngoài ra, có hỗ trợ đầu tư hạ tầng, trang thiết bị, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh. Doanh nghiệp được hỗ trợ tổ chức hội nghị, hội thảo, khảo sát thị trường và xây dựng kế hoạch phát triển phù hợp. Nhà nước còn hỗ trợ chi phí kiểm toán, tư vấn tài chính và đánh giá rủi ro để nâng cao năng lực tài chính. Các hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp được ưu tiên hỗ trợ hạ tầng phục vụ sản xuất.

Ngoài ra, Thủ tướng Chính phủ cũng ban hành một số chính sách về hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp²⁷, hỗ trợ phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp²⁸. Các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển cây sản và chế biến sản là một trong các đối tượng nhận được hỗ trợ từ các chính sách này.

Các cơ chế, chính sách nêu trên đã có những tác động tích cực đến hoạt động sản xuất chế biến sản trong nước. Các tỉnh trồng sản đã xây dựng đề án phát triển bền vững ngành sản, dựa trên Đề án quốc gia do Bộ NN&PTNT ban hành, làm cơ sở cho các hoạt động đầu tư, kêu gọi đầu tư và hỗ trợ cụ thể tại mỗi tỉnh. Đồng thời, theo báo cáo của Cục Trồng trọt (nay là Cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật)²⁹, nhiều

²⁵ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Nghi-dinh-57-2018-ND-CP-chinh-sach-khuyen-khich-doanh-nghiep-dau-tu-va-nong-nghiep-nong-thon-351740.aspx>

²⁶ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Nghi-dinh-113-2024-ND-CP-huong-dan-Luat-Hop-tac-xa-564191.aspx>

²⁷ Quyết định 68/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 14/11/2013 về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp (<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-chinh-nha-nuoc/Quyết-dinh-68-2013-QĐ-TTg-chinh-sach-ho-tro-giam-ton-that-nong-nghiep-213484.aspx>).

²⁸ Quyết định 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 28/5/2020 phê duyệt Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2030 (<https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpg/2020/05/703.signed.pdf>).

²⁹ Cục Trồng trọt (2024) Báo cáo “Thực trạng và giải pháp phát triển sản xuất sản các tỉnh phía Bắc,” trình bày tại Hội nghị: “Sản xuất sản bền vững trên đất dốc” tổ chức ngày 09/08/2024 tại Yên Bái.

mô hình liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm giữa DN chế biến tinh bột sắn với tổ hợp tác, hợp tác xã và hộ trồng sắn đã hình thành ở nhiều tỉnh, với tổng diện tích tham gia liên kết và được bao tiêu sản phẩm lên tới hàng ngàn ha/năm.³⁰ Nhiều mô hình liên kết giữa hợp tác xã, hộ trồng sắn với các đơn vị nghiên cứu để khảo nghiệm và sản xuất giống sắn mới sạch bệnh, kháng bệnh cũng được xây dựng ở một số địa phương.³¹

5. Phát triển bền vững ngành sắn Việt Nam: Một số khía cạnh cần quan tâm

5.1. Vai trò của cây sắn đối với sinh kế của hộ trồng sắn

Tại Việt Nam, sắn không còn được sử dụng như nguồn lương thực như trước đây. Sắn được trồng chủ yếu để tạo thu nhập cho các hộ, với nguồn thu từ sắn đóng vai trò quan trọng đối với sinh kế của các hộ dân, đặc biệt là với các cộng đồng dân cư miền núi, nơi quỹ đất sản xuất hạn chế. Theo khảo sát nhanh của nhóm nghiên cứu, thu nhập từ cây sắn tại huyện Tân Châu (Tây Ninh) chiếm từ 30% đến 50% trong tổng nguồn thu của hộ; con số này tại huyện Sa Thầy (Kon Tum) chiếm 20 - 30%; tại huyện Thuận Châu và Mai Sơn (Sơn La) chiếm 25 - 60%, cá biệt có hộ chiếm đến 70% thu nhập của hộ.³²

Tại Lào, diện tích sắn được mở rộng diện tích nhanh kể từ cuối những năm 2010. Theo Thời báo Lào đưa tin ngày 17/7/2023, nhu cầu đối với sắn tăng mạnh từ năm 2023, đưa cây sắn trở thành cây trồng có lợi nhuận cao nhất của Lào. Một số lượng đáng kể hộ nông dân Lào đã chuyển từ trồng lúa và cao su sang sản xuất sắn thương mại hoàn toàn.³³ Năm 2020, sắn mang lại 220 triệu USD cho các hộ trồng sắn.³⁴ Nghiên cứu của Viengsavang và cộng sự (2023), dù không cho biết số hộ tham gia trồng sắn, cho thấy sản xuất sắn ở Lào được thực hiện chủ yếu bởi các hộ dân. Sắn cung cấp một phần đáng kể thu nhập cho hộ, chỉ sau thu nhập từ lúa.³⁵ Khảo sát nhanh của nhóm nghiên cứu tại Lào vào tháng 8/2024 cho thấy thu nhập từ sắn của một số hộ dân tại khu vực Attapeu chiếm 20 đến 30% thu nhập của hộ.

Tuy nhiên, một số chuyên gia tại Lào đã cảnh báo về nguy cơ sụt giá do dư cung, và điều này xảy ra sẽ gây ra những rủi ro đáng kể đối với nền kinh tế Lào và sinh kế của những hộ nông dân đã chuyển đổi cây cao su hoặc các loại cây trồng khác sang trồng sắn. "Nếu giá sắn giảm mạnh hoặc dư cung trên thị trường, nó có thể dẫn đến giảm thu nhập cho nông dân và tác động tiêu cực đến lợi nhuận của họ", một nhà kinh tế được Thời báo Lào dẫn lời. Người này nói thêm: "Điều này đặc biệt ảnh hưởng đến những người chỉ dựa vào sắn làm nguồn thu nhập chính của họ. Những người nông dân đã chuyển từ cao su hoặc các cây trồng khác sang sắn có thể thấy mình dễ bị tổn thương trước những biến động thị trường và biến động giá." Nền kinh tế Lào cũng có thể phải đối mặt với những hậu quả bất lợi. Giá sắn

³⁰ Các mô hình liên kết điển hình tại Cao Bằng, Hoà Bình, Yên Bái, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị,... Cách thức liên kết phổ biến là doanh nghiệp chế biến ứng trước giống sắn, phân bón cho hộ trồng sắn (trực tiếp cho hộ hoặc thông qua tổ hợp tác, hợp tác xã), và thu lại khi thu mua sắn nguyên liệu từ hộ (Cục Trồng trọt, 2024).

³¹ Cục Trồng trọt (2024).

³² Khảo sát thực hiện tháng 8 - 9/2024.

³³ Cassava Profits Conceal Alarming Environmental Threat in Laos. *Laotian Times*. July 17, 2023 (Nguồn: <https://laotiantimes.com/2023/07/17/cassava-profits-conceal-alarming-environmental-threat-in-laos/>)

³⁴ Viengsavang Thipphavong et al. (2023) Determinant Factors of Lao Farmers' Engagement to Agricultural Value Chains: A Case Study of Cassava. *Feed the Future. Research Paper #15*. May 2023 ([https://www.canr.msu.edu/prci/publications/\(08%20June%202023\)_PRCI.Laos_Final.SD.RV02_Cleaned.pdf](https://www.canr.msu.edu/prci/publications/(08%20June%202023)_PRCI.Laos_Final.SD.RV02_Cleaned.pdf))

³⁵ Viengsavang Thipphavong et al. (2023) Determinant Factors of Lao Farmers' Engagement to Agricultural Value Chains: A Case Study of Cassava. *Feed the Future. Research Paper #15*. May 2023 ([https://www.canr.msu.edu/prci/publications/\(08%20June%202023\)_PRCI.Laos_Final.SD.RV02_Cleaned.pdf](https://www.canr.msu.edu/prci/publications/(08%20June%202023)_PRCI.Laos_Final.SD.RV02_Cleaned.pdf))

giảm mạnh có thể dẫn đến xuất khẩu nông sản giảm và mất nguồn thu ngoại hối cho đất nước. Ngoài ra, nguồn cung dư thừa có thể dẫn đến việc dự trữ sản với nhu cầu hạn chế, gây căng thẳng tài chính cho nông dân, các vấn đề về khả năng lưu trữ và khả năng lãng phí cây trồng.³⁶

Cây sắn tại Cam-pu-chia cũng chủ yếu được trồng bởi các nông hộ và đóng góp quan trọng đối với sinh kế của các hộ trồng sắn.³⁷ Theo kết quả điều tra về nông nghiệp của Cam-pu-chia, năm 2021 nước này có 209 ngàn hộ tham gia sản xuất sắn.³⁸ Nghiên cứu của Alice Beban và Christophe Gironde (2023)³⁹ cho thấy ở một số vùng trồng sắn chính tại Cam-pu-chia, các hộ dân sử dụng 23% đến 34% tổng diện tích đất sản xuất của mình để trồng sắn, là tỷ trọng cao thứ 2 sau cây điều, cho thấy mức độ quan trọng của cây sắn đối với sinh kế của hộ tại các địa phương này.

5.2. Tác động của cây sắn đến tài nguyên rừng

Tại Việt Nam

Diện tích trồng sắn của Việt Nam có xu hướng giảm dần trong khoảng 10 năm trở lại đây. Mặc dù vậy diện tích vẫn đang tiếp tục mở rộng tại một số tỉnh có diện tích trồng sắn lớn vùng miền núi phía Bắc và Đông Nam Bộ. Cụ thể, diện tích trồng sắn trong giai đoạn 2020 – 2024 tại Điện Biên tăng 8,5 ngàn ha, Sơn La tăng 7,3 ngàn ha, Tây Ninh tăng 4,4 ngàn ha, Đồng Nai tăng 1,1 ngàn ha,...⁴⁰ Một điểm đáng chú ý là phần lớn những tỉnh nêu trên là những tỉnh có diện tích rừng lớn. Hiện không có số liệu thống kê chính thức về diện tích trồng sắn được mở rộng tại những tỉnh này được trồng trên loại đất nào, và có hay không việc chuyển đổi đất rừng sang trồng sắn.⁴¹

Mặc dù vậy, một số nguồn thông tin trong thời gian gần đây đã cung cấp con số về diện tích rừng bị lấn chiếm với mục đích trực tiếp là để trồng sắn. Báo Dân trí đưa tin tại huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum, một diện tích rừng tự nhiên trên 11.000 m² được xác định bị chặt hạ để lấy đất trồng sắn trong tháng 3/2024. Một số người đã bị xử lý hình sự với mức phạt tù từ 20 đến 24 tháng mỗi người cho hành vi trên.⁴²

Khảo sát của nhóm nghiên cứu trong thời gian tháng 8 – 10/2024 tại một số tỉnh cũng cho thấy, tình trạng xâm lấn đất rừng, bao gồm cả rừng phòng hộ, rừng tự nhiên để lấy đất sản xuất, trong đó có trồng sắn, vẫn diễn ra tương đối phổ biến, dù quy mô không lớn. Cụ thể, tại huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, một số hộ dân trong 2 - 3 năm gần đây đã mở rộng diện tích trồng sắn vào rừng khi “tận dụng” đất rừng nằm sát vườn cây ăn quả của hộ. Một trưởng bản tại xã Bó Mười của huyện cho biết: “*Trường hợp lấn vào đất rừng để trồng sắn có thể có xảy ra, nhưng chưa ghi nhận trường hợp nào kiểm lâm có ý kiến.*” Một trưởng bản khác cũng tại xã này cho biết, đất các hộ dân đang trồng sắn là đất nông nghiệp được khoanh cố định, tùy vị trí đất mà phía trên có thể là rừng trồng hoặc rừng phòng hộ (đang được hưởng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR)), hoặc cả quả đồi là đất sản xuất nông nghiệp của hộ. Vài năm gần đây số hộ và diện tích trồng sắn tại bản có tăng lên, do dân thấy được giá nền trồng

³⁶ Cassava Profits Conceal Alarming Environmental Threat in Laos. *Laotian Times*. July 17, 2023 (Nguồn: <https://laotiantimes.com/2023/07/17/cassava-profits-conceal-alarming-environmental-threat-in-laos/>)

³⁷ <https://bpb-ap-se2.wpmucdn.com/blog.une.edu.au/dist/4/1340/files/2024/05/AAP-Vol-27-Paper-4-Thong-4bf36ce9eeb06b8e.pdf>

³⁸ <https://www.nis.gov.kh/nis/CAS23/CAS%202021%20-%20Report%20-%20-%20Crop%20Production%20-%20ENG.pdf>

³⁹ <https://doi.org/10.1080/1747423X.2023.2190744>

⁴⁰ Nguồn: <https://www.nso.gov.vn/px-web-2/?pxid=V0630&theme=Nông%2C%20lâm%20nghiệp%20và%20thủy%20sản>.

⁴¹ Các báo cáo chính thức về tình trạng vi phạm pháp luật về lâm nghiệp của Cục Lâm nghiệp, nay là Cục Lâm nghiệp - Kiểm lâm, trong đó nêu cụ thể số vụ và diện tích phá rừng vì mục đích lấy đất sản xuất trên cả nước, không còn được công bố trên cổng thông tin của Cục sau Báo cáo tháng 3 năm 2014. Tức là Cục Lâm nghiệp đã dừng việc chia sẻ rộng rãi các báo cáo này hơn 10 năm nay.

⁴² https://dantri.com.vn/phap-luat/5-nguoi-linh-an-tu-vi-pha-rung-de-lay-dat-trong-san-20241117163911234.htm?utm_source=chatgpt.com (đăng ngày 17/11/2024).

nhều sản hơn. Vị trưởng ban này không biết chính xác các vị trí hộ xâm canh vào rừng để trồng sản, nhưng thừa nhận có tình trạng này xảy ra, khi cho biết: *“Năm trước [2023] kiểm lâm địa bàn có nhắc là có tình trạng hộ dân tại bản xâm phạm đốt rừng phòng hộ lấy đất sản xuất, nhưng không nói chi tiết khu vực nào. Tôi có nói các hộ [qua hệ thống loa của bản] chú ý đốt nương cẩn thận, không để cháy lan vào rừng, không phá rừng để trồng cây nông nghiệp.”* Một cán bộ kiểm lâm và một lãnh đạo xã tại huyện Thuận Châu cũng cho biết là không thể bảo vệ được rừng một cách tuyệt đối, trường hợp phá rừng làm nương vẫn xảy ra. Có trường hợp địa phương phạt hành chính (phạt tiền), có trường hợp chuyển sang bên công an để điều tra, xử lý hình sự. Cũng có trường hợp chỉ nhắc nhở và yêu cầu trồng lại rừng với diện tích bị đốt, phá. Địa hình phức tạp, lực lượng và kinh phí hạn chế, là lý do kiểm lâm không thể tuần tra, kiểm tra liên tục được. Kiểm lâm hiện ưu tiên những khu vực nhiều rừng phòng hộ, rừng tự nhiên, và ưu tiên việc kiểm soát phòng chống cháy rừng. Một trưởng ban khác khẳng định: *“Việc trồng thêm một ít vào đất rừng để sản xuất nông nghiệp vẫn có xảy ra [...]. Nhiều khi bà con phát đốt nương để chuẩn bị vụ mới cũng gây cháy vào rừng, nhưng thường là những vụ nhỏ, diện tích [rừng] bị ảnh hưởng không đáng kể.”*

Vẫn tại huyện Thuận Châu, đại diện một hộ dân cho biết *“Hộ không phá thêm rừng để trồng sản hay trồng cây gì khác, mặc dù có nghe nói ở những khu đồi khác có tình trạng này... Không biết những hộ khác có phá rừng có bị xử lý không, xử lý như thế nào, đất vi phạm là loại đất rừng gì. Nói chung tình trạng đốt rừng lấy đất làm nương vẫn xảy ra trên toàn xã, không riêng tại bản này, còn xử lý thế nào thì không nắm được.”* Hay một hộ khác chia sẻ: *“[...] cũng nghe nói có trường hợp chỗ nọ chỗ kia phá rừng trồng cây nông nghiệp, chỗ bị kiểm lâm phạt, chỗ không bị. Những chỗ bị phạt thì hộ đó phải trồng lại rừng, không được trồng cây nông nghiệp trên đất đó.”*

Tại một bản khác ở huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, trưởng ban cho biết: *“Những năm trước nhà nào cũng phá rừng để mở rộng diện tích sản xuất. Tất cả các bản trong xã đều có tình trạng hộ dân lấn vào rừng lấy đất sản xuất nông nghiệp. Có thời điểm gần như hộ nào cũng vi phạm như vậy. Nhưng vài năm gần đây thì đã ít hơn, dù vẫn có.”* Vị trưởng ban cho biết thêm là việc các hộ phá rừng lấy đất sản xuất nông nghiệp trồng ngô, sản vẫn diễn ra hàng năm, dù quy mô không còn lớn như trước. *“Những khu vực đĩnh đồi là rừng, dưới là đất sản xuất trồng sắn hay bị phá rừng mở rộng diện tích trồng sản nhất, nhưng thường không phá nhiều, chỉ vài mét mỗi lần.”* *“Với những trường hợp phá rừng bị phát hiện thường sẽ bị kiểm lâm lập biên bản xử phạt hành chính. Hộ vi phạm phải nộp tiền nhiều ít theo diện tích và loại rừng bị phá—có quy định cụ thể của kiểm lâm. Biên bản vi phạm có chữ ký của địa chính xã, lãnh đạo xã, kiểm lâm. Xã xuất hoá đơn cho hộ nộp tiền phạt.”* Vị trưởng ban cũng khẳng định: *“Năm trước [2023] có vài hộ bị phạt mức 6.000 đồng/m² đối với diện tích hộ phá rừng [...] đã có vụ phá rừng bảo vệ diện tích lớn bị xử lý hình sự.”* Thông tin trên cho thấy rõ ràng việc tiếp tục mất rừng cho mục đích lấy đất sản xuất nông nghiệp, trong đó có sắn đã và đang tiếp tục diễn ra tại đây. Một thông tin khác khẳng định diện tích rừng tại địa bàn này tiếp tục suy giảm, đó là diện tích rừng được hưởng tiền DVMTR tiếp tục bị giảm đi, do các hộ dân vẫn phá rừng làm nương, do cháy rừng (cả nguyên nhân tự nhiên, do dân mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp, và đốt nương gây cháy rừng). Vị trưởng ban cũng cho biết diện rừng phòng hộ trên giấy chứng nhận cấp cho Cộng đồng bản năm 2003 (nhóm nghiên cứu có ảnh chụp GCN này) là trên 600 ha hoàn toàn là rừng phòng hộ, tuy nhiên hiện nay diện tích được tính để được chi trả DVMTR chỉ có 513 ha, tức giảm đi khoảng 90 ha. Báo Sơn La cũng đưa tin về trường hợp phá rừng phòng hộ tại Sơn La để lấy đất sản xuất nông nghiệp, trồng cà phê, khẳng định tình trạng rừng tự nhiên tiếp tục bị phá cho mục đích sản xuất nông nghiệp.⁴³

⁴³ Tham khảo chi tiết tại: <https://baosonla.org.vn/phong-su/kien-quyet-xu-ly-viec-lan-chiem-pha-rung-qFs7nDj4g.html>

Tại huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái, người dân địa phương trồng sản phục vụ mục đích chăn nuôi của hộ là chính, không bán thương mại ra bên ngoài, do chất lượng đường giao thông rất kém. Tuy nhiên tình trạng “vén rừng” để trồng cây nông nghiệp, bao gồm lúa, ngô, sản vẫn xảy ra, như khẳng định của một trường bản: “*Tình trạng đốt phá rừng làm nương vẫn diễn ra hàng năm, vụ nào kiểm lâm phát hiện, tìm được người phá thì sẽ bị xử phạt hành chính và bắt trồng lại rừng với mảnh đã phá.*” Rừng đang bị xâm phạm tại địa phương được vị trường bản khẳng định phần lớn là rừng phòng hộ, hiện đang được hưởng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (rừng do cộng đồng bản quản lý, mỗi hộ được nhận khoảng 5 triệu đồng/năm), bao gồm rừng do BQL rừng phòng hộ quản lý, và rừng do kiểm lâm huyện quản lý. Những trường hợp vi phạm [phá rừng làm rẫy] mà bị kiểm lâm của BQL rừng hoặc kiểm lâm địa bàn phát hiện, xác định được người phá, sẽ bị lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính và bị phạt tiền. Tùy thuộc hiện trạng rừng trước khi phá và diện tích bị phá, sẽ áp các mức phạt khác nhau. Ở 02 thôn mà nhóm nghiên cứu khảo sát tại huyện Trạm Tấu, chưa ghi nhận trường hợp nào bị xử lý hình sự trong vài năm gần đây, mặc dù năm nào cũng ghi nhận có các trường hợp vi phạm.

Trên diện tích rừng do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận (tỉnh Bình Thuận) quản lý, “*tình hình lấn, chiếm đất lâm nghiệp vẫn diễn ra ngày càng phức tạp tại một số điểm nóng như địa bàn Bắc Bình Thuận, Hàm Thuận Bắc và Hàm Thuận Nam.*” Một trong những nguyên nhân của tình trạng lấn chiếm này được xác định là do “*người dân sống trong và gần rừng của Công ty có một bộ phận là người đồng bào dân tộc thiểu số, có cuộc sống khó khăn, thiếu đất canh tác,... dẫn đến việc có những hành vi lấn, chiếm đất Công ty để trồng cây nông nghiệp ngăn ngày.*”⁴⁴



Sản trồng khu vực giáp ranh rừng tại Sa Thầy, Kon Tum (ảnh chụp tháng 8/2024)



Sản trồng khu vực giáp ranh rừng tại Sa Thầy, Kon Tum (ảnh chụp tháng 8/2024)

⁴⁴ Báo cáo tham luận “Kết quả thực hiện và những khó khăn vướng mắc trong quá trình sắp xếp, đổi mới hoạt động của Công ty Lâm nghiệp Bình Thuận” của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận trình bày tại Hội thảo “Giải pháp đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý, sử dụng đất đai trong các công ty lâm nghiệp” do Bộ NN&PTNT và Hội Khoa học Kinh tế Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tổ chức ngày 4/10/2024 tại Hà Nội.



Sắn trồng khu vực giáp ranh rừng tại Thuận Châu, Sơn La (ảnh chụp tháng 9/2024)



Sắn trồng khu vực giáp ranh rừng tại Thuận Châu, Sơn La (ảnh chụp tháng 9/2024)

Cam-pu-chia và Lào là 02 nguồn cung sắn quan trọng của Việt Nam. Năm 2023, Việt Nam là thị trường nhập khẩu sắn lớn thứ 2 của sắn Lào (sau Trung Quốc)⁴⁵ và của Cam-pu-chia (sau Thái Lan)⁴⁶.

Tại Lào

Sắn được trồng trên các diện tích đất Nhà nước giao cho DN (land concession) và trên đất DN thuê lại của người dân (contract farming), chủ yếu thuộc các DN FDI từ Trung Quốc, Thái Lan và Việt Nam. Sắn cũng được trồng trên các diện tích đất của hộ hộ dân (Mienmany, 2022). Diện tích trồng sắn tại Lào mở rộng gấp hơn 10 lần vào năm 2019 so với năm 2005, từ 6.755 ha lên 101.200 ha (Mienmay, 2022 dẫn nguồn MAFF, 2020), và lên 249.279 ha năm 2023. Với diện tích này, sắn đã trở thành mặt hàng nông sản chủ lực của Lào⁴⁷. Các khu vực trồng sắn chủ yếu nằm ở miền Trung và Nam Lào, nơi tiếp giáp Việt Nam, điều này thuận lợi cho việc xuất khẩu sang Việt Nam.⁴⁸ Nguồn đất trước kia các hộ sử dụng trồng ngô, cà phê, thậm chí cây rau màu đã làm đất bạc màu, chỉ phù hợp với trồng sắn hay do giá thị trường của các mặt hàng này xuống thấp, đã được hộ chuyển sang trồng sắn (Mienmany, 2022).

Nhiều hộ dân cũng chuyển đổi đất rừng sang trồng sắn trong những năm gần đây, gây tác động tiêu cực đến tài nguyên rừng và môi trường. Theo Thời báo Lào, việc chuyển đổi và mở rộng diện tích trồng sắn đã dẫn đến tình trạng phá rừng quy mô lớn. Một số diện tích rừng bảo tồn cũng bị xâm phạm cho mục đích trồng sắn.⁴⁹ Cụ thể như trường hợp các hộ nông dân trồng sắn xâm phạm rừng bảo vệ tại tỉnh Champasak, với hàng trăm cây rừng trong Khu bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia Dong Hua Sao được ghi nhận mới bị chặt hạ để lấy đất trồng sắn. Thời báo Lào dẫn hình ảnh từ mạng xã hội của người dân địa phương cho thấy nhiều cây gỗ lớn bị chặt hạ nằm trong khu vực rừng bảo vệ của khu bảo tồn này.⁵⁰ Hoạt động chuyển đổi rừng sang trồng sắn “không chỉ dẫn đến mất mát các hệ sinh thái rừng có giá trị mà còn góp phần làm tăng lượng khí thải carbon, ô nhiễm không khí và nguy cơ cháy rừng,

⁴⁵ Cassava Profits Conceal Alarming Environmental Threat in Laos. *Laotian Times*. July 17, 2023 (Nguồn: <https://laotiantimes.com/2023/07/17/cassava-profits-conceal-alarming-environmental-threat-in-laos/>)

⁴⁶ Kim ngạch xuất khẩu sắn của Cam-pu-chia vào Việt Nam năm 2023 đạt 213 triệu USD; vào Thái Lan đạt 221 triệu USD (Nguồn: <https://oec.world/en/profile/bilateral-product/cassava/reporter/khm>).

⁴⁷ https://tapchilaoviet.org/tin-ngay/san-la-mat-hang-nong-san-chu-luc-cua-lao-66295.html?utm_source=chatgpt.com.

⁴⁸ Nguồn đã dẫn (https://tapchilaoviet.org/tin-ngay/san-la-mat-hang-nong-san-chu-luc-cua-lao-66295.html?utm_source=chatgpt.com).

⁴⁹ Cassava Profits Conceal Alarming Environmental Threat in Laos. *Laotian Times*. July 17, 2023 (Nguồn: <https://laotiantimes.com/2023/07/17/cassava-profits-conceal-alarming-environmental-threat-in-laos/>)

⁵⁰ “Cassava Farmers Encroach Upon Dong Hua Sao National Park.” *Thời báo Lào (Laotian Times)* May 4, 2022 (Nguồn: <https://laotiantimes.com/2022/05/04/cassava-farmers-invate-dong-hua-sao-national-park/>)

đặt ra những thách thức đáng kể cho các nỗ lực bảo tồn và nông nghiệp bền vững trong nước”, bài báo nhấn mạnh. Thời báo Lào cũng nêu “Tác động tiêu cực của việc trồng sắn đã lên đến đỉnh điểm vào đầu năm 2023, khi việc phát đốt trên diện rộng để lấy đất cho các đồn điền sắn gây ra đám khói độc khổng lồ bao phủ bầu trời ở nhiều tỉnh của Lào, ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân và tác động tiêu cực đến du lịch.” Lợi ích từ việc chuyển đổi các cây trồng khác sang trồng sắn và mở rộng diện tích trồng sắn vào đất rừng tại Lào, dù có đóng góp vào nỗ lực giảm thiểu các vấn đề an ninh lương thực quốc gia, được xem là những lợi ích ngắn hạn gây ra những hậu quả lớn về môi trường, khiến sự ổn định sinh thái lâu dài của đất nước gặp nguy hiểm.⁵¹ Một số lãnh đạo Sở NN&MT các tỉnh Xayaboury và Savannakhet khẳng định 02 tỉnh này đang có diện tích rất lớn trồng sắn trên diện tích chuyển đổi từ rừng, bao gồm cả rừng tự nhiên, gây khó khăn cho việc xác định ranh giới và triển khai cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đất lâm nghiệp cho những diện tích này.⁵²

Khảo sát của nhóm nghiên cứu tại tỉnh Attapeu, Lào tháng 8/2024 cho thấy nhiều diện tích sắn mới được trồng gần đây tại nhiều khu vực tại tỉnh này. Nhiều diện tích mới trồng sắn này là đất của các hộ dân đã được sử dụng trồng cây nông nghiệp từ nhiều năm trước và đã bỏ hoang một thời gian. Khi nhu cầu về sắn tăng cao thời gian gần đây, các hộ cao đã quay lại phát dọn và trồng sắn. Một số diện tích trước khi trồng sắn được hộ trồng ngô, lúa. Một số diện tích cũng được cho là mở rộng mới vào khu vực rừng lân cận. Quan sát trực tiếp cũng cho thấy nhiều rẫy sắn có vẻ được trồng trên diện tích rừng mới phát đốt, khi một số cây lớn bị cháy đen vẫn còn trên rẫy sắn. Nhóm nghiên cứu cũng ghi nhận trường hợp một nhà đầu tư nước ngoài thuê hơn 100 ha đất có rừng tại Attapeu trong năm 2023, đã chặt trắng hơn 80 ha trên diện tích này để trồng sắn. Trường hợp này bị lực lượng chức năng tỉnh Attapeu phát hiện và tạm giữ để điều tra.

Tình trạng lấn chiếm đất rừng gần đây cũng được xác nhận bởi lãnh đạo tỉnh Attapeu, như Tạp chí Việt Lào đưa tin: “Để bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên, chính quyền tỉnh đã thực hiện nhiều biện pháp quan trọng. Tỉnh đã giải quyết tình trạng lấn chiếm đất và rừng, và hiện trạng rừng đã bắt đầu ổn định, dự kiến sẽ phục hồi trong khoảng 3 - 4 năm tới”.⁵³



Rẫy sắn được trồng gần và lấn trong rừng tại Attapeu, Lào (ảnh chụp tháng 8/2024)



Một diện tích lớn nằm sát rừng mới được phát dọn để chuẩn bị trồng sắn tại Attapeu, Lào (ảnh chụp tháng 8/2024)

⁵¹ Cassava Profits Conceal Alarming Environmental Threat in Laos. *Laotian Times*. July 17, 2023 (Nguồn: <https://laotiantimes.com/2023/07/17/cassava-profits-conceal-alarming-environmental-threat-in-laos/>)

⁵² Tham vấn trực tiếp, tháng 8 – 9/2025.

⁵³ Tham khảo chi tiết tại: https://tapchilaoviet.org/tin-ngay/kinh-te-attapeu-tiep-tuc-tang-truong-o-muc-523-trong-6-thang-dau-nam-68981.html#google_vignette



Rẫy sắn tại bìa rừng với một số cây rừng bị đốt còn lại trên rẫy tại Attapeu, Lào (ảnh chụp tháng 8/2024)



Rẫy sắn được trồng gần và lẫn trong rừng tại Attapeu, Lào (ảnh chụp tháng 8/2024)

Tại Cam-pu-chia

Cam-pu-chia là một trong những quốc gia sản xuất sắn hàng đầu thế giới. Diện tích trồng sắn tại Cam-pu-chia được mở rộng đáng kể trong những năm gần đây, đưa cây sắn trở thành cây trồng có diện tích lớn thứ hai sau cây lúa tại quốc gia này.⁵⁴ Diện tích sắn của Cam-pu-chia tăng từ khoảng 400.000 ha năm 2011 lên 670.570 ha năm 2021,⁵⁵ và khoảng 700.000 ha năm 2024.^{56, 57} Theo báo cáo của Forest Trends,⁵⁸ sự mở rộng diện tích trồng sắn là một trong những nguyên nhân gây mất rừng tại Cam-pu-chia, đặc biệt trong các khu bảo tồn. Từ năm 2001 đến năm 2020, Cam-pu-chia đã mất gần 2,5 triệu ha cây che phủ, giảm độ che phủ tới 28% so với năm 2000. Gần 150.000 ha rừng đã bị mất chỉ riêng trong năm 2020, trong đó, 43% là rừng tự nhiên. Mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp, bao gồm trồng sắn, được xác định là nguyên nhân chính của việc mất rừng, đặc biệt là ở Preah Vihear, Ratanakiri và các tỉnh khác vùng Đông Bắc.⁵⁹

Một số người dân tại tỉnh Moldukiri cho biết⁶⁰, trong khoảng 02 năm trở lại đây, các hộ dân và doanh nghiệp tại đây mở rộng đáng kể diện tích trồng sắn. Một số DN Việt đang đẩy mạnh việc tìm thuê đất để trồng sắn (và cây ăn quả như sầu riêng) ở tỉnh này, ở khu vực nằm gần biên giới với tỉnh Đắc Lắc và Đắc Nông của Việt Nam (khoảng 50 - 70 km từ biên giới). Với diện tích đang trồng sắn hiện tại, theo một thương nhân người Việt đã định cư tại địa phương nhiều năm, bao gồm đất của hộ dân (phần lớn) và đất của DN. Đất trồng sắn của hộ một phần là đất nông nghiệp hộ trồng ngô (ngay trước khi chuyển sang trồng sắn) và một phần là đất nông nghiệp nhưng đã bỏ hoang vài năm (tương tự trường hợp bên

⁵⁴ <https://www.forest-trends.org/wp-content/uploads/2022/01/Cambodia-Timber-Legality-Risk-Dashboard-IDAT-Risk.pdf> (retrieved Dec 21, 2024)

⁵⁵ Số liệu của MAFF, trích dẫn trong Keo Sombath et al., 2024 (Nguồn: <https://www.canr.msu.edu/prci/uploads/files/1%20Cambodia's%20Cassava%20in%20Regional%20Value%20Chain%20Approved%20Final.pdf>)

⁵⁶ <https://www.khmertimeskh.com/501579701/cambodia-exports-over-2-million-tonnes-of-fresh-cassava-in-q3/>

⁵⁷ Diện tích trồng sắn hiện tại ở Cam-pu-chia được đánh giá nằm trong khoảng từ 600 ngàn đến 800 ngàn ha, theo The Better Cambodia (Nguồn: <https://thebettercambodia.com/cambodias-cassava-industry-95-raw-exports-728-million-annual-contribution-and-a-path-to-value-added-growth/>)

⁵⁸ <https://www.forest-trends.org/wp-content/uploads/2022/01/Cambodia-Timber-Legality-Risk-Dashboard-IDAT-Risk.pdf> (retrieved Dec 21, 2024)

⁵⁹ <https://www.forest-trends.org/wp-content/uploads/2022/01/Cambodia-Timber-Legality-Risk-Dashboard-IDAT-Risk.pdf> (retrieved Dec 21, 2024)

⁶⁰ Khảo sát trực tiếp của nhóm nghiên cứu tiến hành vào tháng 8/2024.

Lào). Về nguồn gốc của đất, vị doanh nhân này cho biết các diện tích sản xuất nông nghiệp nói chung ở khu vực này chủ yếu có lịch sử là đất rừng, được người dân khai phá làm đất trồng trọt từ 15 - 20 năm trước. Hiện tại, rất khó / không thể chắc chắn để khẳng định diện tích rẫy trồng sản mấy năm gần đây tại khu vực tỉnh Moldukiri là diện tích vừa mới chuyển đổi từ đất rừng, nếu không dựa vào giấy tờ do các cơ quan quản lý cấp. Có thể 10 - 15 năm trước là rừng, nhưng đã được chuyển đổi sang trồng cây công nghiệp hoặc nông nghiệp khác, trước khi quay lại trồng sản. Nói cách khác, rất khó để xác định đâu là diện tích rừng mới bị phát dọn để trồng sản. Mặc dù vậy, cũng tương tự trường hợp tại Lào, quan sát trực tiếp tại các rẫy sản cho thấy một số diện tích mới trồng sản nằm sát rừng hoặc nằm lẫn trong rừng, với một số cây lớn bị đốt còn một phần trên rẫy, và một số diện tích sát với rừng đang được phát dọn thực bì để chuẩn bị trồng sản. Rất có thể đây là đất rừng đang được chuyển mục đích sang trồng sản.



Sản trồng lẫn trong rừng tại Moldukiri, Cam-pu-chia (ảnh chụp tháng 8/2024)



Sản trồng lẫn trong rừng tại Moldukiri, Cam-pu-chia (ảnh chụp tháng 8/2024)



Sản trồng lẫn trong rừng tại Moldukiri, Cam-pu-chia (ảnh chụp tháng 8/2024)



Sản trồng lẫn trong rừng tại Moldukiri, Cam-pu-chia (ảnh chụp tháng 8/2024)

Các thông tin định tính trên cho thấy việc mở rộng diện tích trồng sản trong thời gian gần đây tiềm ẩn nguy cơ về mất rừng. Để xác định quy mô của mối tương quan này đòi hỏi cần có các nghiên cứu cụ thể hơn, bao gồm các khảo sát thực địa và nguồn dữ liệu định lượng, có thể thông qua việc sử dụng nguồn ảnh dữ liệu không gian như viễn thám.

5.3. Thực trạng chuỗi cung sản Việt Nam đáp ứng các quy định ngày càng chặt chẽ hơn về tính hợp pháp và chống mất rừng

Thời gian gần đây nhiều quốc gia đã ban hành và thực thi các quy định hiện có nhằm tăng cường yêu cầu về truy xuất nguồn gốc, đảm bảo tính hợp pháp và sản xuất không gây mất rừng đối với một số mặt hàng nông lâm sản được sản xuất và nhập khẩu vào các quốc gia này. Mục đích của các quy định này là đẩy mạnh việc tuân thủ pháp luật, đặc biệt trong khâu sử dụng đất, ngăn chặn tình trạng mất và suy thoái rừng, là một trong những nguyên nhân chính gây ra tình trạng biến đổi khí hậu và mất đa dạng sinh học toàn cầu. Một trong những quy định đáng chú ý nhất là Quy định chống phá rừng của Liên minh Châu Âu (EUDR), được thông qua vào tháng 6 năm 2023 và chính thức được áp dụng từ ngày 30/12/2025. EUDR quy định 07 nhóm mặt hàng (cà phê, ca cao, cao su, đậu nành, dầu cọ, gỗ, thịt bò) phải đáp ứng các yêu cầu không gây mất rừng và suy thoái rừng. Các mặt hàng này phải hợp pháp và truy xuất được nguồn gốc trong toàn bộ chuỗi cung và đến từng lô đất sản xuất, để được đưa vào thị trường Châu Âu.

Bên cạnh EUDR của Liên minh Châu Âu, một số quốc gia là thị trường chính của nông lâm sản Việt Nam cũng đã và đang trong quá trình ban hành những quy định tương tự EUDR: quy định chặt chẽ hơn về đảm bảo sản phẩm được sản xuất hợp pháp, không gây mất rừng và suy thoái rừng, và truy xuất được nguồn gốc. Một số ví dụ cụ thể bao gồm:

- **Hoa Kỳ:** Dự thảo luật FOREST Act⁶¹ được đưa ra từ 2021 có mục tiêu cấm nhập khẩu nông lâm sản có liên quan đến phá rừng bất hợp pháp. Hàng hóa dự kiến chịu sự điều chỉnh của Luật này là đậu nành, thịt bò, dầu cọ, ca cao, cao su, bột giấy.⁶² Hiện dự thảo luật này đang được thảo luận và vận động thông qua tại Quốc hội.
- **Vương quốc Anh:** Luật Môi trường (Environment Act) ban hành năm 2021 cấm nhập khẩu nông sản từ đất bị phá rừng bất hợp pháp. Luật này quy định DN phải chứng minh sản phẩm đưa vào Anh không liên quan đến đất bị chuyển đổi sử dụng trái phép theo luật nước sản xuất. Luật này hiện đang đợi hướng dẫn chi tiết (secondary regulations—Schedule 17/Forest Risk Commodity regulation) để áp dụng. Đáng chú ý, hiện đang có thảo luận về mở rộng phạm vi áp dụng của luật, không chỉ với sản phẩm sản xuất trên đất phá rừng bất hợp pháp và áp dụng với cả sản phẩm có liên quan đến chuyển đổi rừng hợp pháp.⁶³
- **Trung Quốc:** Các cơ quan quản lý và các DN nhập khẩu nông lâm sản của quốc gia này đang ngày càng đưa ra nhiều yêu cầu khắt khe hơn về chất lượng và truy xuất nguồn gốc đối với các đối tác cung ứng mặt hàng họ nhập khẩu (như trái cây, cao su,...). Một số DN lớn của nước này như COFCO, Sinochem,... đang tự cam kết loại bỏ sản phẩm gây/rủi ro gây phá rừng trong chuỗi cung ứng đậu nành, dầu cọ,... thông qua sáng kiến như Kế hoạch Hành động đối với Đậu nành (China Soybean Action Plan).⁶⁴

⁶¹ *Fostering Overseas Rule of Law and Environmentally Sound Trade.*

⁶² <https://www.congress.gov/bill/117th-congress/senate-bill/2950>.

⁶³ Tham khảo chi tiết tại: <https://www.loc.gov/item/global-legal-monitor/2024-02-15/united-kingdom-government-takes-measures-to-prevent-deforestation-of-worlds-forests>; <https://www.earthsight.org.uk/news/earth-day-2025>; <https://questions-statements.parliament.uk/written-statements/detail/2023-12-12/hlws113>.

⁶⁴ Tham khảo chi tiết tại: <https://www.cofcointernational.com/media/uqgabdyu/sustainable-soy-sourcing-policy.pdf>;

<https://www.cofcointernational.com/newsroom/cofco-international-to-supply-deforestation-free-soybeans-from-brazil-to-sheng-mu-in-china>.

- Các quốc gia **Nhật Bản, Hàn Quốc và Úc**⁶⁵ cũng đang trong quá trình điều chỉnh quy định liên quan đến kiểm soát hoạt động sản xuất và thương mại sản phẩm có nguồn gốc từ rừng, đặc biệt là gỗ, theo hướng chặt chẽ và nghiêm ngặt hơn.

Hiện nay sản chưa được đưa vào danh mục các mặt hàng chịu sự điều chỉnh của quy định cụ thể nào hiện có hiệu lực hay đang được xây dựng nêu trên, liên quan đến chống mất và suy thoái rừng, đảm bảo sản xuất hợp pháp và chuỗi cung minh bạch. Tuy nhiên, không loại trừ mặt hàng này sẽ bị đưa vào diện cần kiểm soát trong tương lai, nếu quá trình sản xuất, chế biến gây mất rừng và suy thoái rừng ở mức độ đáng kể.

Thực tế khảo sát về chuỗi cung hiện tại của ngành sản và một số nguồn thông tin đã chỉ ra một số tồn tại chính của chuỗi cung sản tại Việt Nam trong việc đáp ứng các yêu cầu về truy xuất, chống mất và suy thoái rừng và đảm bảo sản xuất hợp pháp. Các tồn tại cụ thể như sau:

Nguồn cung sản nguyên liệu trong nước gần như hoàn toàn do nông hộ cung cấp từ diện tích sản xuất nhỏ lẻ, manh mún (trung bình dưới 0,5 ha/hộ, 1,2 triệu nông hộ trồng khoảng 500 ngàn ha). Phần lớn diện tích trồng sản nằm ở các tỉnh trung du miền núi, đất trồng sản ở những tỉnh này chủ yếu là đất dốc sườn đồi, núi⁶⁶, nằm phân tán, khó tổ chức sản xuất quy mô lớn, kiểm soát xói mòn và cơ giới hóa. Tình trạng xâm lấn, phá rừng (bao gồm cả rừng tự nhiên phòng hộ) để trồng cây nông nghiệp, trong đó có sản, của các hộ dân được ghi nhận liên tục diễn ra ở một số địa phương, đặc biệt là những nơi có đất sản xuất nằm giáp ranh với đất rừng. Thêm vào đó, sản là cây ngắn ngày với thời gian một chu kỳ sản xuất phổ biến từ khoảng 8 đến 12 tháng⁶⁷. Diện tích trồng và vị trí (mảnh đất) trồng sản của mỗi hộ do đó có thể thay đổi hàng năm (hoặc sau mỗi chu kỳ sản xuất) tùy thuộc vào quyết định của hộ, mà hộ không cần phải thông báo hay cung cấp thông tin cho bất kỳ bên nào. Hiện trạng này cho thấy việc đảm bảo quyền sử dụng đất hợp pháp và truy xuất nguồn gốc đến lô sản xuất, ngày thu hoạch,... hiện rất khó để thực hiện được.

Liên kết giữa các tác nhân trong chuỗi cung hiện tại còn yếu khi phần lớn các hộ dân bán sản phẩm cho thương lái thông qua thỏa thuận miệng mà không có hợp đồng pháp lý rõ ràng. Các giao dịch giữa nông hộ - thương lái – DN chế biến phần lớn không có cam kết gắn bó dài hạn và thường lòng lèo. Một số mô hình liên kết bao tiêu sản phẩm giữa hộ, nhóm hộ, tổ hợp tác, hợp tác xã với DN chế biến đã được hình thành nhờ một số cơ chế, chính sách khuyến khích hỗ trợ của Nhà nước. Tuy nhiên, số hộ và diện tích trồng sản tham gia mô hình này chưa nhiều.⁶⁸ Đặc biệt là mô hình liên kết chủ yếu chỉ thực hiện với hình thức DN cung cấp giống, phân bón cho hộ (thông qua nhóm hộ, tổ hợp tác hay hợp tác xã), trong khi thỏa thuận về giá thu mua sản nguyên liệu vẫn do hộ và DN tự đàm phán với nhau.

Thương lái là mắt xích quan trọng trong chuỗi cung sản từ nông hộ trong nước. Tuy nhiên hoạt động của nhóm này hiện tương đối tự do, không được quản lý tốt. Hiện không có thông tin chính thức về hoạt động hay cơ chế vận hành của nhóm đối tượng này. DN thu mua nguyên liệu thông qua thương lái nhưng không có thông tin và không kiểm soát được các hoạt động trong chuỗi trước đó. Giao dịch

⁶⁵ https://www.aph.gov.au/Parliamentary_Business/Bills_Legislation/bd/bd2324a/24bd062; <https://woodcentral.com.au/australia-cracks-down-on-illegal-timber-what-you-need-to-know>.

⁶⁶ Tổng diện tích trồng sản năm 2023 tại 30 tỉnh vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Bắc trung bộ và Duyên hải miền Trung, và Tây Nguyên--với diện tích chủ yếu là đất dốc--là 407 ngàn ha, trong tổng 504 ngàn ha cả nước (Số liệu của CTK).

⁶⁷ Ở một số địa phương, hộ dân có thể trồng sản với chu kỳ sản xuất dài hơn, đến 18 thậm chí 24 tháng (canh tác quảng canh trên đất dốc).

⁶⁸ Ước tính tổng diện tích tham gia các mô hình liên kết DN ứng giống, phân bón và bao tiêu sản phẩm với hộ, nhóm hộ,... dưới 100 ngàn ha, trong tổng hơn 500 ngàn ha trồng sản của hộ.

giữa các tác nhân này nhìn chung chưa đáp ứng được tính minh bạch, không có và không truy xuất được theo lô hàng, không xác minh được vùng trồng cụ thể hay thời gian thu hoạch.

Đầu ra xuất khẩu sắn của Việt Nam phụ thuộc quá mức vào thị trường Trung Quốc. Hiện nay trên 90% lượng tinh bột sắn và lát sắn khô Việt Nam sản xuất ra hàng năm được xuất sang Trung Quốc. Đây là một rủi ro lớn đối với sự phát triển bền vững của ngành khi phụ thuộc quá mức vào 01 thị trường tiêu thụ.

Thương mại và đầu tư sắn xuyên biên giới và ý nghĩa đối với việc truy xuất

Nguồn nguyên liệu nhập khẩu – chiếm 42% tổng cung toàn ngành – chủ yếu đến từ Cam-pu-chia và Lào, cũng mang nhiều rủi ro. Dù giao dịch chính ngạch được khẳng định là có đầy đủ giấy tờ thương mại, hiện không có cơ chế nào giúp xác minh tính hợp pháp và vùng trồng cụ thể của các lô hàng sắn nhập khẩu. Khảo sát thực tế tại tỉnh Moldukiri (Cam-pu-chia) và Attapeu (Lào) cho thấy việc mở rộng diện tích trồng sắn đã diễn ra gần và trong khu vực có độ che phủ rừng cao, tiềm ẩn nguy cơ phá rừng hoặc suy thoái rừng do chuyển đổi đất không kiểm soát.

Truy xuất nguồn gốc hàng hóa nông lâm sản đã và đang trở thành xu hướng bắt buộc tại một số quốc gia, bao gồm cả Việt Nam. Tại Hội nghị Thủ tướng Chính phủ đối thoại với nông dân ngày 10/12/2025 vừa qua, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã khẳng định mục tiêu đến cuối 2026 tất cả các sản phẩm nông, lâm, thủy sản được sản xuất ra hay xuất khẩu từ Việt Nam đều được gắn truy xuất nguồn gốc.⁶⁹ Thực trạng chuỗi cung sắn của Việt Nam hiện nay, bao gồm cả nguồn cung nhập khẩu, cho thấy việc truy xuất nguồn gốc, bao gồm nguồn cung sắn nguyên liệu từ Việt Nam và đặc biệt nguồn cung nhập khẩu từ Cam-pu-chia và Lào sẽ là thách thức rất lớn. Để thực hiện việc truy xuất đòi hỏi cần thông tin rõ ràng sắn được sản xuất tại đâu, do ai, và tính pháp lý với diện tích đất như thế nào. Nguồn cơ sở dữ liệu này hầu như chưa có.

Tuy nhiên, với thực trạng nguồn cung nhập khẩu như hiện nay, việc truy xuất nguồn cung sắn nhập khẩu không khả thi. Hầu hết thương lái và doanh nghiệp nhập khẩu không có thông tin và không thể biết sắn được trồng ở khu vực nào, ai trồng. DN có thể yêu cầu người cung nguyên liệu cho mình (thương lái, đại lý thu mua) cung cấp thông tin để thực hiện việc truy xuất. Tuy nhiên, cơ hội để DN thu thập đầy đủ thông tin cho phép thực hiện truy xuất hầu như không có. Đây là khó khăn mà các ngành hàng như cao su, cà phê của Việt Nam đang phải đối mặt trong việc đáp ứng yêu cầu truy xuất trong phạm vi của Việt Nam, bởi các nông hộ không hợp tác, hoặc/và việc thu thập thông tin vô cùng tốn kém cho DN, cả về nguồn lực con người và tài chính. Thực hiện truy xuất đối với nguồn cung sắn nhập khẩu khó khăn hơn nhiều so với hoạt động truy xuất cà phê, cao su trong nước, không chỉ bởi chuỗi cung xuyên biên giới, phức tạp mà còn do sắn là sản phẩm có giá trị thương mại thấp hơn nhiều so với mặt hàng cà phê, cao su và các hộ sản xuất sắn thường có trình độ canh tác và tiềm lực tài chính thấp hơn nhiều so với các hộ trồng cao su, cà phê.

⁶⁹ <https://vicofa.org.vn/bo-truong-tran-duc-thang-cuoi-nam-2026-co-ban-tat-ca-cac-san-pham-nong-lam-thuy-san-deu-phai-co-truy-xuat-nguon-goc-bid3271.html>

6. Thảo luận và khuyến nghị

Sắn là một trong các cây trồng quan trọng của Việt Nam. Kim ngạch xuất khẩu tương đối cao. Cây sắn cũng là nguồn sinh kế quan trọng của hàng triệu hộ nông dân và phù hợp với năng lực và điều kiện kinh tế của nông hộ, đặc biệt là hộ đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, do sắn cây dễ trồng, ít kén đất, ít vốn đầu tư, phù hợp với nhiều vùng sinh thái khác nhau.

Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu gia tăng các yêu cầu khắt khe về kiểm soát chuỗi cung các mặt hàng nông lâm sản cho mục đích bảo vệ rừng và chống biến đổi khí hậu, chuỗi cung ngành sắn của Việt Nam đang đối mặt với thách thức không nhỏ liên quan đến đảm bảo tính hợp pháp, không gây phá rừng, và minh bạch chuỗi cung/truy xuất nguồn gốc trong toàn bộ chuỗi cung. Sự mở rộng diện tích trồng sắn tại một số địa phương làm dấy lên lo ngại về rủi ro về mất rừng do trồng sắn, dù chưa có số liệu đầy đủ xác định chính xác tỷ lệ diện tích rừng bị phá hay chuyển đổi. Ngoài ra, một tỷ lệ đáng kể nguồn nguyên liệu sắn của Việt Nam là nhập khẩu từ Cam-pu-chia và Lào, nơi ghi nhận sự gia tăng mạnh về diện tích trồng sắn, nhưng thiếu cơ chế kiểm soát việc sử dụng đất chặt chẽ và minh bạch. Điều này đặt ra nguy cơ không chỉ cho ngành chế biến sắn nội địa, mà còn cho các mục tiêu về bảo vệ rừng, cam kết bảo vệ môi trường và giảm phát thải, và hội nhập thị trường quốc tế của Việt Nam.

Chuỗi cung sắn trong nước chủ yếu vận hành dựa vào các giao dịch không chính thức giữa hộ trồng sắn và thương lái địa phương. Việc mua bán không có hợp đồng pháp lý, không ghi nhận rõ nguồn gốc đất, thời gian thu hoạch dẫn đến tình trạng khó kiểm tra, xác minh tính hợp pháp của nguyên liệu đầu vào. Việc thiếu một hệ thống truy xuất nguồn gốc hiệu quả khiến cho các DN chế biến và xuất khẩu gặp khó khăn khi cần đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các thị trường.

Một số chính sách hỗ trợ phát triển ngành sắn như Đề án phát triển bền vững ngành hàng sắn đến năm 2030, Nghị định 98 về liên kết sản xuất và Nghị định 57 về đầu tư vào nông nghiệp đã bước đầu tạo ra định hướng tốt. Tuy nhiên, việc cụ thể hóa các chính sách này thành hành động thực tế vẫn còn hạn chế. Các mô hình liên kết chuỗi giữa DN và nông dân, mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn bền vững vẫn chủ yếu mang tính điểm hay trình diễn, chưa nhân rộng hoặc đồng bộ hoá trên quy mô vùng.

Trong bối cảnh đó, để đảm bảo ngành sắn phát triển bền vững, không gây mất và suy thoái rừng, đồng thời bảo vệ được sinh kế của hàng triệu nông hộ và duy trì khả năng tiếp cận các thị trường xuất khẩu trọng điểm, cần triển khai các nhóm giải pháp cụ thể sau:

Cần sớm xây dựng và ban hành một hệ thống truy xuất nguồn gốc sắn nguyên liệu áp dụng cho toàn bộ chuỗi cung từ hộ dân đến nhà máy chế biến. Hệ thống này phải đủ đơn giản để hộ dân và thương lái có thể thực hiện, đồng thời đảm bảo khả năng lưu trữ, xác minh và kết nối với các cơ quan quản lý và DN xuất khẩu. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì với Cục TT&BVTV phối hợp cùng các Chi cục TT&BVTV cấp tỉnh sẽ là đầu mối hướng dẫn triển khai. DN chế biến đóng vai trò chủ lực trong việc tập huấn và giám sát thực hiện tại vùng nguyên liệu. Đối tượng áp dụng gồm toàn bộ hộ dân trồng sắn, thương lái, hợp tác xã và DN chế biến sắn, trong đó các nhà máy cần liên kết vùng nguyên liệu rõ ràng và minh bạch.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường cần phối hợp với các tỉnh có diện tích sắn lớn rà soát và xác định rõ khu vực được phép và ưu tiên cho việc sản xuất, trong đó có sắn. Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm cần chỉ đạo các Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm địa phương tăng cường kiểm tra thực địa và xử lý nghiêm các

hành vi lấn chiếm, chuyển đổi rừng trái phép. Trách nhiệm chính trong nhóm giải pháp này thuộc UBND cấp tỉnh, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, và hệ thống kiểm lâm địa phương.

Chính quyền địa phương cần tăng cường các biện pháp quản lý đối với các thương lái địa phương, đảm bảo mạng lưới thương lái hoạt động đúng pháp luật và minh bạch.

Để kiểm soát tốt chuỗi cung nhập khẩu, Bộ Công Thương phối hợp với Bộ Ngoại giao và Cục Hải quan để xây dựng một cơ chế hợp tác song phương với Cam-pu-chia và Lào về giám sát và xác minh nguồn gốc sản xuất khẩu sang Việt Nam. Các DN nhập khẩu sản của Việt Nam cần yêu cầu các doanh nghiệp xuất khẩu sản tại hai nước này cung cấp đầy đủ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ vùng nguyên liệu cho các bên liên quan trong chuỗi cung. Đồng thời, Hải quan Việt Nam cần thiết lập cơ chế “kiểm tra rủi ro” đối với các lô hàng sản nhập khẩu, đặc biệt từ các vùng có nguy cơ cao về phá rừng, dựa trên các thông tin chia sẻ từ cơ quan đối tác của Cam-pu-chia và Lào. Việc kiểm tra giấy tờ hợp pháp và chứng từ xuất xứ nên được tăng cường theo hướng ưu tiên cho các doanh nghiệp có các hoạt động minh bạch và tin cậy.

Các DN chế biến sản cần chủ động đầu tư vào vùng nguyên liệu có truy xuất nguồn gốc rõ ràng thông qua các hợp đồng bao tiêu sản phẩm gắn với tổ hợp tác, hợp tác xã hoặc nhóm nông hộ có chứng nhận sử dụng đất hợp pháp. Bộ Nông nghiệp và Môi trường cần hỗ trợ kỹ thuật, ưu đãi tín dụng và hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng các tiêu chí sản xuất bền vững (ví dụ: VietGAP, tiêu chuẩn không phá rừng). DN cũng cần triển khai hệ thống kiểm soát nội bộ để đảm bảo nguyên liệu đầu vào không có rủi ro về nguồn gốc đất và không rõ ràng về nguồn cung/nhà cung cấp. Đồng thời, cần tăng cường minh bạch thông tin trong toàn bộ quy trình thu mua và chế biến. Việc này không chỉ giúp DN đáp ứng yêu cầu thị trường mà còn bảo vệ uy tín lâu dài cho cả ngành.

Cần đẩy mạnh vai trò của các tổ chức xã hội, hiệp hội ngành hàng như Hiệp hội Sản Việt Nam, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ trong việc hỗ trợ nâng cao nhận thức và năng lực cho nông hộ, chính quyền địa phương và DN về các yêu cầu pháp lý và kỹ thuật liên quan đến truy xuất nguồn gốc, canh tác bền vững và trách nhiệm xã hội. Cần triển khai các chương trình đào tạo thực địa, xây dựng sổ tay hướng dẫn đơn giản, tổ chức mô hình thí điểm minh bạch chuỗi cung tại các tỉnh có diện tích trồng/sản lượng sản lớn. Các tổ chức này cũng có thể đóng vai trò cầu nối để lan tỏa thông tin chính sách, cung cấp công cụ kỹ thuật và góp phần giám sát độc lập quá trình thực hiện.

Tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm có giá trị gia tăng thấp (như sản lát hay sản tươi) cùng với sự phụ thuộc quá mức vào thị trường Trung Quốc là những rủi ro ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của ngành. Mặc dù Chính phủ đã có những định hướng để giải quyết những vấn đề này như thúc đẩy đầu tư và áp dụng, đổi mới công nghệ nhằm tăng tỷ trọng sản phẩm có giá trị gia tăng cao, và tìm kiếm mở rộng, đa dạng hóa thị trường tiêu thụ. Các hoạt động này cần phải đẩy nhanh và triển khai trên thực tế càng sớm càng tốt.

Tài liệu tham khảo

Alice Beban & Christophe Gironde (2023) Surviving cassava: smallholder farmer strategies for coping with market volatility in Cambodia, *Journal of Land Use Science*, 18:1, 109-127, DOI: 10.1080/1747423X.2023.2190744

Bài trình bày của Hiệp hội Sắn Việt Nam tại Hội nghị ngành sắn tại Tây Ninh ngày 27/6/2024.

Bản tin thị trường nông, lâm, thủy sản. Bộ Công Thương. Số ra ngày 22/8/2018 (Nguồn: <https://moit.gov.vn/upload/2005517/20210706/ban-tin-nlts-so-ra-ngay-22-8-2018dc17.pdf>).

Báo cáo tham luận “Kết quả thực hiện và những khó khăn vướng mắc trong quá trình sắp xếp, đổi mới hoạt động của Công ty Lâm nghiệp Bình Thuận” của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận trình bày tại Hội thảo “Giải pháp đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý, sử dụng đất đai trong các công ty lâm nghiệp” do Bộ NN&PTNT và Hội Khoa học Kinh tế Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tổ chức ngày 4/10/2024 tại Hà Nội.

Báo cáo tham luận “Tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty TNHH MTV, HTV lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk từ 2014 đến nay” của Sở NN&PTNT Đắk Lắk trình bày tại Hội thảo “Giải pháp đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý, sử dụng đất đai trong các công ty lâm nghiệp” do Bộ NN&PTNT và Hội Khoa học Kinh tế Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tổ chức ngày 4/10/2024 tại Hà Nội.

Báo cáo: “Kết quả sản xuất, chế biến và tiêu thụ sắn giai đoạn 2015-2022, định hướng và giải pháp phát triển cây sắn thời gian tới.” Cục Trồng trọt. Hội nghị ngành sắn tại Tây Ninh ngày 27/6/2024.

Cassava Profits Conceal Alarming Environmental Threat in Laos. *Laotian Times*. July 17, 2023 (Nguồn: <https://laotiantimes.com/2023/07/17/cassava-profits-conceal-alarming-environmental-threat-in-laos/>).

<https://baosonla.org.vn/phong-su/kien-quyet-xu-ly-viec-lan-chiem-pha-rung-qFs7nDj4g.html>

<https://baotintuc.vn/phong-su-dieu-tra/dak-lak-ngang-nhien-cao-troc-hon-74-ha-rung-de-lay-dat-san-xuat-20220419192407423.htm> (đăng ngày 19/4/2022)

<https://bpb-ap-se2.wpmucdn.com/blog.une.edu.au/dist/4/1340/files/2024/05/AAP-Vol-27-Paper-4-Thong-4bf36ce9eeb06b8e.pdf>

https://dantri.com.vn/phap-luat/5-nguoi-linh-an-tu-vi-pha-rung-de-lay-dat-trong-san-20241117163911234.htm?utm_source=chatgpt.com (đăng ngày 17/11/2024)

<https://danviet.vn/bo-truong-tran-duc-thang-cuoi-nam-2026-co-ban-tat-ca-cac-san-pham-nong-lam-thuy-san-deu-phai-co-truy-xuat-nguon-goc-d1387409.html>

<https://doi.org/10.1080/1747423X.2023.2190744>

<https://laodong.vn/phap-luat/rung-tu-nhien-o-bac-kan-bi-chat-pha-1436025.ldo> (đăng ngày 16/12/2024)

<https://questions-statements.parliament.uk/written-statements/detail/2023-12-12/hlws113>

https://tapchilaoviet.org/tin-ngay/kinh-te-attapeu-tiep-tuc-tang-truong-o-muc-523-trong-6-thang-dau-nam-68981.html#google_vignette

https://tapchilaoviet.org/tin-ngay/san-la-mat-hang-nong-san-chu-luc-cua-lao-66295.html?utm_source=chatgpt.com

<https://thebettercambodia.com/cambodias-cassava-industry-95-raw-exports-728-million-annual-contribution-and-a-path-to-value-added-growth/>

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Ke-hoach-119-KH-UBND-2024-trien-khai-phat-trien-ben-vung-nganh-hang-san-Quang-Ngai-612507.aspx>;

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Ke-hoach-1309-KH-UBND-2024-thuc-hien-De-an-phat-trien-ben-vung-nganh-hang-san-Gia-Lai-611820.aspx>

https://tuoitre.vn/ke-hoach-thu-hoi-hang-tram-ngan-hecta-dat-rung-tay-nguyen-bi-lan-chiem-20241029111004059.htm?utm_source=chatgpt.com (đăng ngày 19/10/2024)

https://vtv.vn/xa-hoi/nguyen-nhan-dang-sau-cac-vu-pha-rung-tu-nhien-o-bac-kan-20240326124006549.htm?utm_source=chatgpt.com (đăng ngày 16/03/2024)

<https://vtv.vn/xa-hoi/phia-sau-hang-tram-vu-pha-rung-tai-bac-kan-20240117214602218.htm> (đăng ngày 19/01/2024)

<https://www.canr.msu.edu/prci/uploads/files/1%20Cambodia's%20Cassava%20in%20Regional%20Value%20Chain%20Approved%20Final.pdf>

<https://www.cofcointernational.com/media/uqgabdyu/sustainable-soy-sourcing-policy.pdf>

<https://www.cofcointernational.com/newsroom/cofco-international-to-supply-deforestation-free-soybeans-from-brazil-to-sheng-mu-in-china>

<https://www.earthsight.org.uk/news/earth-day-2025>

<https://www.forest-trends.org/wp-content/uploads/2022/01/Cambodia-Timber-Legality-Risk-Dashboard-IDAT-Risk.pdf> (retrieved Dec 21, 2024)

<https://www.khmertimeskh.com/501579701/cambodia-exports-over-2-million-tonnes-of-fresh-cassava-in-q3/>

<https://www.loc.gov/item/global-legal-monitor/2024-02-15/united-kingdom-government-takes-measures-to-prevent-deforestation-of-worlds-forests>

<https://www.nis.gov.kh/nis/CAS23/CAS%202021%20-%20Report%20%20-%20Crop%20Production%20-%20ENG.pdf>

Mienmany, S. (2022). Riding the Boom: Rural Households' Participation and Livelihood Outcomes Associated with Teak, Banana and Cassava Crops in Northern Laos (Doctoral dissertation), The Australian National University. <https://openresearch-repository.anu.edu.au/handle/1885/259113>

Niên giám Thống kê Việt Nam 2023 (https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2024/06/NIEN-GIAM-THONG-KE-2023_Ban-quyen.pdf)

Quyết định số 1115/QĐ-BNN-TT ngày 17/04/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phê duyệt Đề án “Phát triển bền vững ngành hàng sắn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.” Xem chi tiết tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Quyết-dinh-1115-QĐ-BNN-TT-2024-De-an-Phat-trien-ben-vung-nganh-hang-san-den-2030-608415.aspx>

Số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam.

Viengsavang Thipphavong et al. (2023) Determinant Factors of Lao Farmers' Engagement to Agricultural Value Chains: A Case Study of Cassava. Feed the Future. Research Paper #15. May 2023 ([https://www.canr.msu.edu/prci/publications/\(08%20June%202023\)_PRCI.Laos_Final.SD.RV02_Cleaned.pdf](https://www.canr.msu.edu/prci/publications/(08%20June%202023)_PRCI.Laos_Final.SD.RV02_Cleaned.pdf)).

Phụ lục

Phụ lục 1. Lượng nhập khẩu sắn nguyên liệu của Việt Nam phân theo mặt hàng, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (tấn)

Mã HS	Mặt hàng	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	9 tháng/2025
07141011	Sắn lát khô	494.385	397.159	393.646	1.104.238	1.624.573	1.073.448	715.294	1.449.089
07141019	Sắn lát khô - Loại khác	500							
07141099	Sắn tươi	1.266.588	877.519	728.418	2.103.220	5.704.638	4.206.945	5.338.184	4.238.064
11062010	Bột sắn	1	0				5		54
11081400	Tinh bột sắn	44.422	70.614	72.944	117.377	65.796	79.525	141.646	150.004
	Tổng	1.805.896	1.345.292	1.195.008	3.324.835	7.395.007	5.359.924	6.195.124	5.837.210
	Tổng quy tươi	2.681.491	2.152.874	2.004.307	5.333.322	10.029.256	7.208.679	7.693.003	8.460.937

Nguồn: Số liệu của Cục Hải quan, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.

Phụ lục 2. Kim ngạch nhập khẩu sắn nguyên liệu của Việt Nam phân theo mặt hàng, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (USD)

Mã HS	Mặt hàng	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	9 tháng/2025
07141011	Sắn lát khô	98.486.150	89.790.200	84.850.360	272.231.487	430.860.954	284.432.534	173.837.555	264.274.932
07141019	Sắn lát khô - Loại khác	87.500							
07141099	Sắn tươi	138.422.353	103.796.535	77.886.317	264.780.870	739.820.196	525.714.741	622.258.063	353.152.232
11062010	Bột sắn	800	525				17.715		6.750
11081400	Tinh bột sắn	16.925.741	26.214.656	25.779.252	51.277.463	28.735.441	34.719.761	64.292.182	45.014.527
	Tổng	253.922.544	219.801.917	188.515.929	588.289.820	1.199.416.590	844.884.752	860.387.800	662.448.442

Nguồn: Số liệu của Cục Hải quan, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.

Phụ lục 3. Lượng nhập khẩu sản nguyên liệu của Việt Nam phân theo thị trường, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (tấn)

Thị trường	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	9 tháng/2025
Cam-pu-chia	1.616.712	1.122.049	1.008.329	2.900.614	7.004.654	4.974.277	5.719.931	5.204.092
Cameroon					500			
Trung Quốc	0	1			547	364	132	
Đức					0			
Ấn Độ					1			
Indonesia			6.000	25.311	0			
Ý							0	
Nhật Bản	1	0	1	0	1			
Lào	176.114	202.336	179.265	381.319	380.798	380.394	473.538	632.466
Malaysia		2						
Đài Loan (TQ)	64	17	17	9	15	2	2	
Thái Lan	13.005	20.887	1.396	17.582	8.492	4.887	1.522	653
Hoa Kỳ					0			
Tổng	1.805.896	1.345.292	1.195.008	3.324.835	7.395.007	5.359.924	6.195.124	5.837.210

Nguồn: Số liệu của Cục Hải quan, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.

Phụ lục 4. Kim ngạch nhập khẩu sắn nguyên liệu của Việt Nam phân theo thị trường, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (USD)

Thị trường	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	9 tháng/2025
Cam-pu-chia	218.556.541	172.013.585	141.724.290	478.725.120	1.101.372.797	745.935.073	741.792.259	540.744.105
Cameroon					124.000			
Trung Quốc	742	1.365			126.040	119.201	67.139	
Đức					334			
Ấn Độ					1.836			
Indonesia			2.220.056	11.834.212	205			
Ý							145	
Nhật Bản	1.274	585	1.456	424	1.147			
Lào	29.326.666	38.201.017	43.788.301	88.315.459	93.129.351	96.063.716	117.514.693	121.291.150
Malaysia		1.218						
Đài Loan (TQ)	26.750	12.969	22.112	11.440	14.640	1.440	1.120	
Thái Lan	6.010.570	9.571.178	759.714	9.403.164	4.643.890	2.765.322	1.012.446	413.187
Hoa Kỳ					2.352			
Tổng	253.922.544	219.801.917	188.515.929	588.289.820	1.199.416.590	844.884.752	860.387.800	662.448.442

Nguồn: Số liệu của Cục Hải quan, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.

Phụ lục 5. Lượng xuất khẩu sắn nguyên liệu của Việt Nam phân theo mặt hàng, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (tấn)

Mã HS	Mặt hàng	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	9 tháng/2025
07141011	Sắn lát khô	641.355	292.365	594.219	829.308	757.555	819.350	464.771	935.872
07141019	Sắn lát khô - Loại khác	343	1.218	65	131	31	25	45	42
07141091	Sắn đông lạnh	1.214	1.960	2.843	1.959	2.230	1.885	2.576	2.187
07141099	Sắn tươi	56.356	104.126	53.394	8.671	71	89	235	258
11062010	Bột sắn	17.552	20.101	1.546	3.601	7.047	1.117	1.988	3.386
11081400	Tinh bột sắn	1.708.884	2.148.761	2.159.711	2.014.473	2.476.382	2.133.222	2.154.205	2.145.724
	Tổng	2.425.704	2.568.532	2.811.777	2.858.144	3.243.316	2.955.688	2.623.819	3.087.471
	Tổng quy tươi	8.567.558	9.515.494	10.186.974	10.156.527	11.829.983	10.587.768	9.789.622	10.938.674

Nguồn: Số liệu của Cục Hải quan, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.

Phụ lục 6. Kim ngạch xuất khẩu sản nguyên liệu của Việt Nam phân theo mặt hàng, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (USD)

Mã HS	Mặt hàng	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	9 tháng/2025
07141011	Sắn lát khô	145.060.172	68.643.758	134.572.488	216.011.653	217.764.465	227.885.363	115.688.768	188.290.336
07141019	Sắn lát khô - Loại khác	122.819	534.688	82.983	73.849	33.749	23.606	45.347	47.655
07141091	Sắn đông lạnh	1.171.237	2.094.564	2.854.434	2.129.842	2.723.425	2.276.547	2.958.382	2.409.739
07141099	Sắn tươi	3.883.347	7.873.909	3.970.565	708.762	28.517	40.562	111.965	102.421
11062010	Bột sắn	5.038.830	6.653.352	470.573	1.252.323	2.778.830	440.168	505.848	855.774
11081400	Tinh bột sắn	802.751.483	891.359.689	870.733.899	951.897.452	1.179.422.711	1.073.160.773	1.035.806.195	756.488.304
	Tổng	958.027.887	977.159.959	1.012.684.942	1.172.073.881	1.402.751.698	1.303.827.018	1.155.116.506	948.194.230

Nguồn: Số liệu của Cục Hải quan, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.

Phụ lục 7. Lượng xuất khẩu sản nguyên liệu của Việt Nam phân theo thị trường, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (tấn)

Thị trường	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	9 tháng/2025
Trung Quốc	2.148.775	2.261.778	2.590.108	2.674.124	2.973.115	2.705.672	2.436.651	2.923.641
Hàn Quốc	89.132	99.074	97.873	99.673	150.404	108.662	38.194	18.065
Đài Loan (TQ)	27.343	32.738	39.639	29.986	39.998	50.838	49.106	42.246
Malaysia	32.056	67.097	26.663	3.166	9.389	13.942	15.902	21.222
Philippines	27.719	27.123	12.738	6.933	29.501	18.811	16.339	20.885
Khác	100.680	80.721	44.756	44.262	40.910	57.765	67.629	61.411
Tổng	2.425.704	2.568.532	2.811.777	2.858.144	3.243.316	2.955.688	2.623.819	3.087.471

Nguồn: Số liệu của Cục Hải quan, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.

Phụ lục 8. Kim ngạch xuất khẩu sản nguyên liệu của Việt Nam phân theo thị trường, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (USD)

Thị trường	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	9 tháng/2025
Trung Quốc	844.164.710	862.917.939	930.059.948	1.094.882.675	1.283.147.261	1.186.847.267	1.060.579.794	881.901.088
Hàn Quốc	26.282.850	29.324.689	28.182.747	33.025.230	53.675.403	40.019.639	12.469.031	4.897.191
Đài Loan (TQ)	13.499.222	14.344.427	16.430.535	14.775.796	20.014.291	26.467.564	25.740.891	15.711.631
Malaysia	15.532.672	24.452.058	11.164.440	1.562.796	4.580.292	7.259.116	8.168.767	8.113.215
Philippines	12.963.139	11.345.250	5.088.015	3.212.575	14.833.898	9.191.975	8.132.018	7.183.497
Khác	45.585.294	34.775.597	21.759.257	24.614.808	26.500.552	34.041.458	40.026.005	30.387.608
Tổng	958.027.887	977.159.959	1.012.684.942	1.172.073.881	1.402.751.698	1.303.827.018	1.155.116.506	948.194.230

Nguồn: Số liệu của Cục Hải quan, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.

Phụ lục 9. Lượng xuất khẩu các mặt hàng sản nguyên liệu của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (tấn)

Mã HS	Mặt hàng	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	9 tháng/2025
7141011	Sản lát khô	553.346	206.416	497.759	734.480	616.855	715.198	424.062	915.744
7141099	Sản tươi	56.073	104.097	53.146	8.660	53	60		
11062010	Bột sản	31				26	176	46	28
11081400	Tinh bột sản	1.539.324	1.951.265	2.039.204	1.930.983	2.356.181	1.990.238	2.012.544	2.007.869
	Tổng	2.148.775	2.261.778	2.590.108	2.674.124	2.973.115	2.705.672	2.436.651	2.923.641
	Tổng quy tươi	7.596.860	8.425.196	9.454.358	9.568.794	10.967.017	9.749.711	9.110.511	10.320.948

Nguồn: Số liệu của Cục Hải quan, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.

Phụ lục 10. Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng sản nguyên liệu của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc, giai đoạn 2018 – 9 tháng/2025 (USD)

Mã HS	Mặt hàng	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	9 tháng/2025
7141011	Sản lát khô	121.100.645	45.384.888	107.373.315	185.161.415	168.561.517	190.554.782	103.378.876	183.328.060
7141099	Sản tươi	3.786.431	7.710.996	3.653.845	691.359	9.839	21.709		
11062010	Bột sản	7.981				6.468	54.105	16.387	6.804
11081400	Tinh bột sản	719.269.653	809.822.054	819.032.789	909.029.900	1.114.569.438	996.216.671	957.184.531	698.566.224
	Tổng	844.164.710	862.917.939	930.059.948	1.094.882.675	1.283.147.261	1.186.847.267	1.060.579.794	881.901.088

Nguồn: Số liệu của Cục Hải quan, được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu của Forest Trends.